



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



BẢN TIN TBT
Số 04/2024



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: Số 01 Bà Triệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 0256 3822747

Fax: 0256 3822747

website: www.tdcbinhdinh.org.vn

Email: chicuctdc@skhcn.binhdinhh.gov.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



MỤC LỤC

	<i>Lời giới thiệu</i>	4
I	Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	5
1	Truy xuất nguồn gốc - mở rộng cơ hội xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường khó tính	5
2	Quảng Nam ban hành quy chuẩn về chất lượng nước sạch sử dụng cho sinh hoạt	7
3	Ứng dụng tự động hóa giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa	11
4	Hiệp định TBT và một số nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam và hàng rào kỹ thuật trong thương mại	14
5	Sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật giúp tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh minh bạch	19
6	Xu hướng, yêu cầu và xây dựng cơ sở hạ tầng trạm sạc xe điện	25
7	AI đã định hình và được hình thành bởi thương mại quốc tế như thế nào	31
8	Áp dụng phương pháp sản xuất tinh gọn cho ngành sản xuất sản phẩm từ gỗ	35
9	Mối quan hệ giữa bằng sáng chế đo lường và hạ tầng chất lượng	43
10	Các bước áp dụng biểu đồ Pareto tăng năng suất	49
11	Yêu cầu về sơ chế, chế biến thực phẩm Halal theo TCVN 12944:2020	51
12	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14178:2024 về cá ngừ đông lạnh	53
13	Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: Cơ hội để doanh nghiệp thành công bền vững	56
14	Yêu cầu về định danh đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc theo TCVN 12850:2019	60

15	Vượt qua khó khăn, xuất, nhập khẩu nỗ lực về đích cuối năm	62
16	Xây dựng tiêu chuẩn riêng về dán nhãn dinh dưỡng cho thực phẩm	67
17	Quản lý trực quan – công cụ cải tiến giải quyết vấn đề, nâng cao năng suất lao động	69
18	Thu hồi gần 500.000 bộ sạc dự phòng thương hiệu Charmast do nguy cơ cháy nổ	73
19	Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá ngành TCĐLCL	75
20	Kết quả triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2024	78
21	Một số kết quả triển khai Đề án 100 trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2024	82
22	Tình hình triển khai Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường, đổi mới hoạt động Đo lường trên địa bàn tỉnh Bình Định	86
II	Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại	90
1	Danh mục các thông báo nhận được từ 30/9/2024 – 31/12/2024	90
2	Tin cảnh báo TBT	103
III	Chuyên mục: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới ban hành	111



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



LỜI GIỚI THIỆU

Kính gửi: Quý bạn đọc

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Bình Định thực hiện nhiệm vụ Thông báo và Hối đáp hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Triển khai thực hiện Quyết định số 2690/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Thông báo và Hối đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn tỉnh, Chi cục đã xây dựng và biên soạn bản tin TBT hàng quý nhằm đăng tải thông tin liên quan đến việc thực thi hàng rào kỹ thuật trong thương mại; hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và tin cảnh báo của các nước thành viên WTO có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Bản tin được đăng tải trên website: www.tdcbinhdinh.org.vn
 Trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc Bản tin Quý IV năm 2024!

Email: chicuctdc@skhcn.binhdinhh.gov.vn ĐT: 02563 822747



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Truy xuất nguồn gốc - mở rộng cơ hội xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường khó tính

Áp dụng truy xuất nguồn gốc theo tiêu chuẩn quốc tế giúp doanh nghiệp Việt nâng cao giá trị sản phẩm, bảo vệ thương hiệu và thâm nhập các thị trường lớn như EU, Mỹ, Nhật Bản



Ảnh minh họa.

Thời gian qua, Chính phủ đã ban hành nhiều quy định liên quan đến việc áp dụng truy xuất nguồn gốc trong sản xuất và thương mại hàng hóa, với các tiêu chuẩn quốc tế như GS1 và ISO 22005 đang trở thành thước đo chung để đánh giá khả năng truy xuất nguồn gốc của các sản phẩm. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn này không chỉ giúp doanh nghiệp cải thiện quy trình sản xuất mà còn mở rộng cơ hội xuất khẩu hàng hóa sang các thị trường khó tính như EU, Mỹ và Nhật Bản.

Chủ tịch Hội Mã số Mã vạch Việt Nam ông Phó Đức Sơn chia sẻ, giải pháp truy xuất nguồn gốc thông qua mã QR và hệ thống phần mềm đang được áp dụng từ khâu sản xuất, chế biến đến tiếp thị và phân phối. Đây là một yêu cầu cấp bách nhằm bảo vệ sản phẩm khỏi nạn hàng giả, hàng nhái. Việc tự động hóa toàn bộ quy trình truy xuất nguồn gốc không chỉ đảm bảo tính minh bạch

thông tin mà còn tạo nền tảng phát triển bền vững cho các doanh nghiệp. Theo ông Sơn, giải pháp truy xuất nguồn gốc cần gắn kết chặt chẽ với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

Ông Đinh Văn Hoàng - Viện trưởng Viện Phát triển doanh nghiệp và Chính sách cho rằng, mã số mã vạch đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý chuỗi cung ứng, đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả. Trong bối cảnh kinh tế số hiện nay, khả năng truy xuất nguồn gốc không chỉ khẳng định chất lượng sản phẩm mà còn giúp doanh nghiệp bảo vệ thương hiệu. Ông Hoàng đề xuất cần có các giải pháp công nghệ đột phá để tích hợp mã số mã vạch với các nền tảng số hiện đại, từ đó tăng cường sự minh bạch trong chuỗi cung ứng và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn.

Theo ông Nghiêm Thanh Hải - Phó Trưởng ban Quản lý chất lượng và đánh giá sự phù hợp thuộc Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ), Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia đã chính thức đi vào vận hành từ ngày 1/10/2024. Đến nay, cổng đã kết nối với một số địa phương và hơn 4.000 doanh nghiệp tham gia vào hệ thống này. Trung tâm Mã số Mã vạch Quốc gia đang hướng dẫn các địa phương và doanh nghiệp triển khai việc kết nối kỹ thuật với cổng, đảm bảo sự vận hành thông suốt của hệ thống.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc, Bộ Khoa học và Công nghệ đang xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Một trong những chính sách quan trọng là ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, giám sát chất lượng hàng hóa, bao gồm mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc. Việc này sẽ tạo thuận lợi cho việc vận hành và giám sát Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc trên toàn quốc.

Ngày 19/01/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-TTg phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Đề án 100). Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đề án 100 là xây dựng và vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia, nhằm kết nối các thành phần trong chuỗi cung ứng và hạn chế tình trạng "loạn" phần mềm truy xuất nguồn gốc. Cổng cũng giúp kết nối các hệ thống trong và ngoài nước, quản lý và cập nhật dữ liệu sản phẩm, hàng hóa, cũng như giám sát và xử lý các phản ánh từ người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Các chuyên gia đồng tình rằng, truy xuất nguồn gốc là yếu tố then chốt trong việc đảm bảo chất lượng và an toàn của sản phẩm. Công nghệ như mã QR, mã vạch và blockchain đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện khả năng truy xuất nguồn gốc, góp phần bảo vệ uy tín của sản phẩm và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Quảng Nam ban hành quy chuẩn về chất lượng nước sạch sử dụng cho sinh hoạt

Quảng Nam là một vùng đất khô cằn nhất là vào mùa nóng gây thiếu nước sạch trầm trọng. Để kiểm soát tình trạng này, Tỉnh đã ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch còn nhiều hạn chế

Vài năm trở lại đây, ở nhiều vùng dân cư tập trung tại tỉnh Quảng Nam người dân lo lắng vì nguồn nước sạch sinh hoạt không đảm bảo trong khi đó việc giám sát chất lượng gần như bỏ ngỏ.

Ghi nhận tại nhiều huyện ven biển như Thăng Bình, Núi Thành sự giảm sút chất lượng của nguồn nước sạch sinh hoạt cận kiệt. Trong khi đó, ở nhiều khu vực, hệ thống nước máy vẫn chưa được đầu tư. Tại thôn Hà Lộc (xã Tam Tiến, huyện Núi Thành), nhiều năm nay người dân phải sử dụng nguồn nước nhiễm mặn để sinh hoạt hằng ngày.

Trong khi đó công trình nuôi tôm trên cát được đầu tư ào ạt, nên nguồn nước ngầm bị nhiễm mặn nghiêm trọng. Điều đáng nói, theo phản ánh của người dân, đường ống hệ thống nước sạch sinh hoạt đã được dẫn về địa phương nhưng chỉ đi qua một thôn Ngọc An giáp với xã Tam Thanh (thành phố Tam Kỳ), chưa đầu nối tại thôn Hà Lộc.

Bên cạnh Thăng Bình, Núi Thành thì cứ đến mùa nắng nóng người dân các huyện miền núi Tây Giang, Nam Giang, Nam Trà My... lại đứng ngồi không yên vì thiếu nước sạch sinh hoạt. Nhiều nhà góp tiền làm giếng đào, giếng đóng nhưng đa phần bị nhiễm phèn, có mùi tanh không sử dụng được. Do địa hình xa xôi, cách trở, đường dây dẫn nước sinh hoạt không đến được vì địa hình núi cao, trắc trở nên người dân quanh năm dùng nước tự chảy từ các khe suối. Mùa hè nước cạn khô, giếng đào xuống sâu mà nước phèn nhiều, đục, không sạch, uống vào nhiều lúc đau bụng.



Chất lượng nước sạch sinh hoạt tại nhiều vùng núi tỉnh Quảng Nam cần được cải thiện. Ảnh minh họa

Có thôn, công trình nước đã đầu tư trước đây rồi nhưng hiện nay đã xuống cấp. Nếu trời không mưa chắc chắn thiếu nước. Trước đây, họ tự đào giếng, khoan giếng nhưng chỗ có nước chỗ không, nước lại bị đục không sạch. Mong muốn của bà con là nhà nước tiếp tục quan tâm đầu tư công trình nước sạch.

Theo thống kê năm 2023, tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 61%. Qua rà soát, có 66 đơn vị cấp nước có sử dụng công nghệ để sản xuất nước sạch cung cấp nước cho người dân. Trong những năm qua, công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch còn nhiều hạn chế do không có kinh phí thực hiện, chủ yếu thực hiện giám sát hồ sơ sổ sách, chưa thực hiện lấy mẫu nước xét nghiệm khách quan.

Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCĐP 01:2023/QNM về chất lượng nước sạch

Để kiểm soát chất lượng nước sạch, UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương QCĐP 01:2023/QNM về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt có hiệu lực thi hành từ ngày 5/1/2024. Quy chuẩn này quy định mức giới hạn các thông số chất lượng đối với nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; các cơ quan quản lý nhà nước về thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch; các phòng thử nghiệm và tổ chức chứng nhận các thông số chất lượng nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Quy chuẩn này không áp dụng đối với nước uống trực tiếp tại vòi, nước đóng bình, đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng bình, đóng chai, nước sản xuất ra từ các bình lọc nước, hệ thống lọc nước và các loại nước không dùng cho mục đích sinh hoạt. Các đơn vị cấp nước ở các tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương khác có mạng lưới cấp nước cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam không áp dụng quy chuẩn này mà áp dụng quy chuẩn địa phương tại điểm đơn vị hoạt động khai thác, sản xuất.

Theo quy định tại quy chuẩn này danh mục các thông số chất lượng nước sạch và ngưỡng giới hạn cho phép trong đó về thông số vi sinh vật Coliform ở ngưỡng dưới 3 CFU/100mL; E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt dưới 1CFU/mL. Thông số cảm quan và vô cơ Arsenic ở ngưỡng 0,01mg/L; Clo dư tự do trong khoảng 0,2-1,0mg/L; Độ đục ở ngưỡng 2 NTU; Màu sắc là 15; Không có mùi vị; Độ ph trong khoảng 6,0-8,5TCU. Thông số vi sinh vật tụ cầu vàng dưới 1 CGU/100mL; Trục khuẩn mủ xanh là dưới 1. Thông số vô cơ Amoni 0,3mg/L; Bari 0,7; Chì 0,001; Thủy ngân 0,001...

Việc thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025.

Thông số chất lượng nước sạch nhóm A: Tất cả các đơn vị cấp nước phải thực hiện giám sát các thông số này theo tần suất thử nghiệm định kỳ quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này. Thông số chất lượng nước sạch nhóm B: Tất cả các đơn vị cấp nước phải thực hiện giám sát các thông số này theo tần suất thử nghiệm định kỳ quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này.

Đơn vị cấp nước phải tiến hành thử nghiệm toàn bộ các thông số chất lượng nước sạch của nhóm A, nhóm B trong Danh mục các thông số chất lượng nước sạch quy định tại QCVN 01-1:2018/BYT trong các trường hợp trước khi đi vào vận hành lần đầu. Sau khi nâng cấp, sửa chữa lớn có tác động đến hệ thống sản xuất. Khi có sự cố về môi trường có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch. Khi xuất hiện rủi ro trong quá trình sản xuất có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước sạch hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Định kỳ 03 năm một lần kể từ lần thử nghiệm toàn bộ các thông số gần nhất.

Tần suất thử nghiệm đối với các thông số chất lượng nước sạch nhóm A không ít hơn 01 lần/1 tháng. Tần suất thử nghiệm đối với các thông số chất lượng nước sạch nhóm B không ít hơn 01 lần/6 tháng.

Phương tiện đo sử dụng trong thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong toàn bộ thời gian quy định của chu kỳ kiểm định, đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng.

Đơn vị sản xuất nước phải tiến hành đánh giá hợp quy theo phương thức đánh giá sự phù hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Dấu hợp quy thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; ký hiệu trên dấu hợp quy thực hiện theo quy định tại Phụ lục IX ban

hành kèm theo Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật.

Đối với những đơn vị chỉ thực hiện hoạt động truyền dẫn, bán buôn, bán lẻ nước sạch mà không có các hoạt động khai thác, xử lý, sản xuất nếu không tự công bố hợp quy được phải công bố theo hồ sơ hợp quy của đơn vị sản xuất nước và đảm bảo nước được dẫn thẳng từ đơn vị sản xuất nước đến người tiêu dùng. Theo đó Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai việc thực hiện quy chuẩn này trên địa bàn tỉnh.

Nguồn: An Dương (Vietq)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Ứng dụng tự động hóa giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa

Tự động hóa giúp tăng năng suất, loại bỏ lỗi của con người, công nghệ sạch hơn, giảm thiểu tiêu thụ năng lượng, chẩn đoán lỗi dễ dàng, giảm tài nguyên, giảm lượng nước thải, bảo vệ môi trường, cải thiện an toàn và sức khỏe, giảm nhân lực, thu thập và hợp nhất dữ liệu, giảm lỗi, tăng tốc độ và tăng tính nhất quán của sản phẩm.

Trong thời đại công nghệ số, giải pháp tự động hóa là xu hướng tất yếu thúc đẩy nền kinh tế thị trường và toàn cầu hóa. Có thể hiểu đơn giản, việc giám sát và kiểm soát bất kỳ quy trình nào với sự trợ giúp của các công nghệ mới như phần mềm, điều khiển, Robotics, hệ thống ERP và kết hợp máy tính trung tâm có thể được xem là tự động hóa. Hay việc sử dụng hệ thống kiểm soát và công nghệ thông tin để giám các hoạt động của con người trong sản xuất hàng hóa và dịch vụ, tiết kiệm chi phí sản xuất và vật liệu, thu lợi nhuận cũng có thể được định nghĩa là tự động hóa.



Nhà máy sản xuất ô tô điện Vinfast.

Về lợi ích, tự động hóa giúp tăng năng suất, loại bỏ lỗi của con người, công nghệ sạch hơn, giảm thiểu tiêu thụ năng lượng, chẩn đoán lỗi dễ dàng, giảm tài nguyên, giảm lượng nước thải, bảo vệ môi trường, cải thiện an toàn, sức khỏe, giảm nhân lực, thu thập và hợp nhất dữ liệu, giảm lỗi, tăng tốc độ và tăng tính nhất quán của sản phẩm.

Đồng thời, tự động hóa giúp năng lực triển khai công việc tốt hơn, thời gian giao hàng ngắn hơn và hoạt động kinh doanh được tối ưu hóa, giảm thời gian hoàn thành... Tự động hóa tất cả quy trình làm việc giúp tối ưu hóa thiết bị sử dụng, mở rộng quy trình và tăng doanh thu.

Các chuyên gia cho rằng, tự động hóa ảnh hưởng đến năng suất trong các khía cạnh sau: Tăng sản lượng bằng cách tránh sự chậm trễ thủ công; Cải thiện năng suất bằng cách đạt được hiệu quả tối ưu của máy; Tránh tái xử lý và cải thiện năng suất;

Tự động hóa cải thiện khả năng tiết kiệm năng lượng và do đó giá thành sản phẩm giảm; Bằng cách tránh lỗi thủ công, tự động hóa cải thiện chất lượng sản phẩm, do đó năng suất tăng; Tự động hóa có thể cung cấp dữ liệu hữu ích của các máy làm tăng khả năng phân tích nguyên nhân khiến năng suất thấp.



Sự đồng bộ kết nối giữa máy móc tự động, thiết bị tự động hóa với robot và con người mang lại hiệu quả lớn trong sản xuất.

Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã và đang ứng dụng tự động hóa trong quá trình sản xuất kinh doanh và mang lại hiệu quả lớn. Ví dụ như nhắc tới Vinfast, người ta sẽ nhớ ngay đến những chiếc ô tô “made in Việt Nam” với nhà máy tổ hợp sản xuất ô tô hiện đại.

Vinfast đã đầu tư hàng nghìn cánh tay robot, triển khai ứng dụng công nghệ 4.0 trong quá trình sản xuất. Sự đồng bộ kết nối giữa các máy móc tự động, thiết bị tự động hóa với robot và con người giúp kiểm soát, điều khiển từ xa. Từ đó giúp giảm thiệt hại không đáng có, tăng chất lượng sản phẩm và năng suất lao động.

Một ví dụ nữa là tại Vinamilk, đơn vị đã thực hiện triển khai sớm hệ thống sản xuất tự động với robot tự hành AVG và dây chuyền tự động. Các robot tự vận hành theo quá trình, từ khâu nguyên liệu, chế biến cho đến đóng gói thành phẩm cuối cùng. Trang bị quy trình sản xuất hoàn toàn tự động hóa giúp đảm bảo tuyệt đối về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Từ những lợi ích mang lại, hiện nay tự động hóa đang được áp dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau từ: cơ khí, y tế, nông nghiệp, công nghiệp và các ngành sản xuất, điện tử, chế tạo máy... Giải pháp tự động hóa trong doanh nghiệp đang được ứng dụng ngày càng phổ biến và rộng rãi từ đơn giản đến phức tạp nhất.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Hiệp định TBT và một số nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Trong thương mại quốc tế nói chung và trong chính sách thương mại của các nước nói riêng, vấn đề tự do hóa thương mại và bảo hộ thương mại luôn đi liền với nhau. Một trong những biện pháp để quản lý nhập khẩu là sử dụng hệ thống các chính sách dưới hình thức hàng rào kỹ thuật. Tuy nhiên, việc xây dựng và áp dụng những biện pháp này để đảm bảo những mục tiêu hợp pháp đặt ra nhưng không được cản trở tự do hóa thương mại là điều rất khó. Việt Nam là thành viên của WTO nên có trách nhiệm thực hiện tất cả cam kết đối với WTO trong đó có cam kết về TBT.

Hiệp định TBT

TBT là cụm từ viết tắt Tiếng Anh của “Technical Barriers to Trade”, nghĩa là hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Hiệp định TBT là một trong các hiệp định điều chỉnh về thương mại hàng hóa với mục tiêu bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp không phân biệt đối xử và không tạo ra các rào cản không cần thiết cho thương mại của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Cùng lúc, Hiệp định thừa nhận các Thành viên WTO có quyền áp dụng các biện pháp để thực hiện các mục tiêu chính sách hợp pháp của mình. Hiệp định TBT khuyến khích các nước thành viên sử dụng tiêu chuẩn quốc tế làm căn cứ cho các biện pháp quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho thương mại. Thông qua các điều khoản về minh bạch hóa, Hiệp định cũng được xây dựng với mục đích tạo môi trường thương mại dễ dự đoán.

Hiệp định này gồm 15 Điều và 3 Phụ lục điều chỉnh các vấn đề liên quan tới xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp ở cấp cơ quan chính phủ trung ương và địa phương của các quốc gia thành viên; cam kết các vấn đề về cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, đối xử đặc biệt và khác biệt, cung cấp thông tin, tham vấn và giải quyết tranh chấp, Ủy ban TBT... Các Phụ lục của Hiệp định quy định về định nghĩa, nhóm chuyên gia kỹ thuật, Quy chế thực hành tốt về xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn.



Khi ban hành các quy định về kỹ thuật đối với hàng hóa, mỗi nước thành viên WTO đều phải đảm bảo rằng việc áp dụng các quy định này:

- Tránh sự cản trở không cần thiết đối với thương mại quốc tế (nếu có thể dùng các biện pháp khác ít hạn chế thương mại hơn). Theo đó, trước hết các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hay các quy trình đánh giá hợp chuẩn, hợp quy của hàng hóa.
- Nguyên tắc không phân biệt đối xử: Không phân biệt đối xử (được thể hiện qua hai nguyên tắc là nguyên tắc đối xử tối huệ quốc và nguyên tắc đãi ngộ quốc gia). Giống như các hiệp định khác quy định rằng “đối với các quy chuẩn kỹ thuật, sản phẩm nhập khẩu từ lãnh thổ của bất cứ thành viên nào được đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các sản phẩm tương tự của nước sở tại và sản phẩm tương tự của bất cứ nước thứ ba nào”. Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc và nguyên tắc đãi ngộ quốc gia được áp dụng cho cả các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và các thủ tục đánh giá sự phù hợp.
- Hải hòa hóa: Các nước thành viên phải bảo đảm tăng cường việc thông qua các tiêu chuẩn chung về cùng một đối tượng, mà trước đó mỗi nước có một số yêu cầu riêng của nước mình. Trong nguyên tắc này còn đề cập đến vấn đề đối xử đặc biệt và khác biệt đối với các thành viên đang phát triển, đó là: các nước thành viên bảo vệ lợi ích của các nước đang phát triển; có sự linh hoạt trong ban hành và áp dụng các quy định tiêu chuẩn kỹ thuật và các thủ tục đánh giá sự phù hợp.
- Nguyên tắc bình đẳng: Khuyến khích các nước thành viên hợp tác để công nhận các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp của nhau.
- Nguyên tắc thừa nhận lẫn nhau: Các nước thành viên được khuyến khích ký kết các thoả thuận thừa nhận lẫn nhau đối với các kết quả đánh giá sự phù hợp: kết quả thử nghiệm, chứng nhận, hiệu chuẩn, giám định chất lượng hàng hoá.

- Nguyên tắc minh bạch hóa: Nguyên tắc này được thể hiện ở việc quy định về lấy ý kiến cho dự thảo quy định kỹ thuật, thời gian có hiệu lực của chúng.

Đây là những công cụ quan trọng mà doanh nghiệp có thể sử dụng để bước đầu nhận biết một biện pháp kỹ thuật có tuân thủ WTO hay không để từ đó có biện pháp khiếu nại, khiếu kiện hợp lý nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của mình. Theo nguyên tắc không phân biệt đối xử được quy định trong Hiệp định TBT thì nước nhập khẩu có nghĩa vụ: Không quy định các biện pháp kỹ thuật khác nhau cho hàng hoá tương tự đến từ các nước thành viên khác nhau của WTO (nguyên tắc tối huệ quốc); Không quy định các biện pháp kỹ thuật cho hàng hoá nước ngoài cao hơn biện pháp kỹ thuật áp dụng cho hàng hoá tương tự nội địa của mình (nguyên tắc đối xử quốc gia). Như vậy, về cơ bản, một nước không được quy định các biện pháp kỹ thuật khác nhau cho hàng hoá tương tự nhau. Điều này có nghĩa hàng hoá Việt Nam khi xuất khẩu sang một nước thành viên WTO sẽ chỉ phải tuân thủ các biện pháp kỹ thuật áp dụng cho hàng hoá tương tự trong nội địa nước đó và hàng hoá tương tự nhập khẩu từ tất cả các nguồn khác. Ngược lại, Việt Nam cũng không được ban hành và áp dụng các biện pháp kỹ thuật đối với hàng hoá nhập khẩu ở mức cao hơn hoặc thấp hơn mức áp dụng cho hàng hoá nội địa.

Liên quan đến các yêu cầu về đặc tính sản phẩm, quy trình sản xuất, đóng gói, bên cạnh các “biện pháp kỹ thuật” (TBT), các nước còn áp dụng các “biện pháp kiểm dịch động thực vật” (SPS). Trên thực tế, có nhiều điểm giống nhau giữa hai loại biện pháp này. Tuy nhiên, WTO có quy định riêng cho mỗi loại biện pháp, tập trung ở hai Hiệp định khác nhau (với các nguyên tắc khác nhau). Tiêu chí để phân biệt hai loại biện pháp này là mục tiêu áp dụng của chúng:

- Các biện pháp SPS hướng tới mục tiêu cụ thể là bảo vệ lãnh thổ của một thành viên, sức khoẻ con người, động thực vật thông qua việc đảm bảo vệ sinh thực phẩm và ngăn chặn các dịch bệnh sâu bệnh;
- Các biện pháp TBT hướng tới nhiều mục tiêu chính sách khác nhau (an ninh quốc gia, môi trường, cạnh tranh lành mạnh...).

Việc phân biệt khi nào một yêu cầu là biện pháp kỹ thuật hay biện pháp vệ sinh dịch tễ là rất quan trọng đối với doanh nghiệp bởi mỗi loại biện pháp sẽ chịu sự điều chỉnh của các nguyên tắc và quy định khác nhau của WTO; trên cơ sở đó, doanh nghiệp biết bảo vệ quyền lợi của mình bằng phương pháp nào thì thích hợp.

Ví dụ quy định về thuốc sâu: Quy định về lượng thuốc sâu trong thực phẩm hoặc trong thức ăn gia súc nhằm bảo vệ sức khoẻ con người hoặc động vật: Biện pháp SPS; Quy định liên quan đến chất lượng, công năng của sản phẩm hoặc những rủi ro về sức khoẻ có thể xảy ra với người sử dụng: Biện pháp TBT.

Một số nội dung cơ bản của pháp luật Việt Nam về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại

Ở Việt Nam hiện nay, hàng rào kỹ thuật được thể hiện qua hình thức: quy định

về tiêu chuẩn, quy định về quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp và một số văn bản quy phạm pháp luật có yếu tố kỹ thuật khác. Văn bản pháp luật của Việt Nam liên quan đến hàng rào kỹ thuật trong thương mại bao gồm: Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007, Luật Đo lường, các văn bản pháp luật hướng dẫn văn bản trên và các văn bản pháp luật khác (các Quyết định và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra hay quản lý chất lượng, về đơn vị đo lường và chuẩn đo lường,...).



“Tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế – xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này. Tiêu chuẩn do một tổ chức công bố dưới dạng văn bản để tự nguyện áp dụng”. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn: nguyên tắc tự nguyện. Hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam bao gồm: Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, công bố theo trình tự, thủ tục quy định; Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) do tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và các cơ quan, tổ chức khác công bố để áp dụng trong các hoạt động của tổ chức đó.

Hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế xã hội. Về cơ bản, hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam đã được xây dựng và phát triển sát thực các đối tượng cần thiết, được bổ sung kịp thời các tiêu chuẩn thuộc các đối tượng theo yêu cầu quản lý cấp bách. Được soát xét kịp thời để loại ra khỏi hệ thống các tiêu chuẩn Việt Nam đã quá lạc hậu hoặc không còn cần thiết hoặc thuộc các đối tượng có thể quản lý dưới dạng các văn bản khác, hoặc cấp khác.

Quy chuẩn kỹ thuật là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế – xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi

ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác. Quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản để bắt buộc áp dụng. Các TCVN sẽ được sử dụng tối đa làm căn cứ kỹ thuật cho việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.

Hệ thống quy chuẩn của Việt Nam bao gồm: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (do Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành để bắt buộc áp dụng trong phạm vi toàn quốc đối với đối tượng thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được Chính phủ phân công quản lý); quy chuẩn kỹ thuật địa phương (do Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành để bắt buộc áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương đối với các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù và yêu cầu cụ thể về môi trường của địa phương). Quy chuẩn kỹ thuật địa phương không được trái với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Việc xây dựng, ban hành quy chuẩn quốc gia phải trải qua một quy trình, thủ tục chặt chẽ và phù hợp với các nguyên tắc và quy định của hiệp định TBT.

Theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam năm 2006 thì “Đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng”. Thủ tục đánh giá sự phù hợp là bất cứ thủ tục nào được sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp để xác định các yêu cầu liên quan trong các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn có được thỏa mãn hay không. Ngoài ra, các thủ tục đánh giá sự phù hợp còn bao gồm: Quy trình lấy mẫu, thử nghiệm và kiểm tra; Đánh giá, thẩm tra và đảm bảo sự phù hợp; Đăng ký, công nhận và chấp nhận cũng như kết hợp của chúng. Để các thủ tục này không trở thành rào cản đối với thương mại thì phải tuân thủ các yêu cầu: thông tin công khai, minh bạch; bảo mật thông tin, số liệu của tổ chức được đánh giá sự phù hợp; không phân biệt đối xử; trình tự, thủ tục đánh giá sự phù hợp phải hài hoà với quy định của tổ chức quốc tế có liên quan. Hoạt động đánh giá sự phù hợp là cơ sở hạ tầng kỹ thuật quan trọng đối với các quy định tiêu chuẩn kỹ thuật.

Kết luận

Việt Nam cần thường xuyên rà soát, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng yêu cầu của Hiệp định TBT. Bên cạnh đó, việc xử lý các vấn đề về hàng rào kỹ thuật trong thương mại ở Việt Nam cũng đòi hỏi các cơ quan, ban ngành có liên quan phải có trách nhiệm cao, có trình độ, chuyên môn, phong cách làm việc chuyên nghiệp, trình độ ngoại ngữ tốt.

Ngọc Hòa – VP TBTVN



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Sửa đổi, bổ sung Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật giúp tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh minh bạch

Chiều 22/11, dưới sự điều hành của Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Hải, Quốc hội nghe Chính phủ và cơ quan thẩm tra báo cáo về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật này sẽ góp phần tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh minh bạch, thúc đẩy phát triển thị trường thương mại.



Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Hải điều hành phiên họp.

Tại phiên họp, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ trình bày Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (TC&QCKT). Theo đó, Luật TC&QCKT năm 2006 được xây dựng và ban hành trong bối cảnh Việt Nam đàm phán, gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) với yêu cầu phải hoàn thiện khung pháp lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp (ĐGSPH), loại bỏ rào cản kỹ thuật trong thương mại không cần thiết, thúc đẩy thuận lợi hoá thương mại toàn cầu.

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung 19 điều trên tổng số 71 điều (chiếm 26,7%) của Luật TC&QCKT, các quy định này đã thể hiện đầy đủ 06 nhóm chính sách đã

được Chính phủ thông qua. Sau khi sửa đổi, bổ sung thì Luật TC&QCKT có 6 chương và 67 điều (giảm 1 chương và giảm 4 điều so với Luật TC&QCKT năm 2006), tập trung vào các vấn đề sau:



Phó Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Đức Hải.

Thứ nhất: Hoàn thiện các quy định đảm bảo tuân thủ cam kết thực hiện Hiệp định WTO/TBT và các FTA thế hệ mới, phù hợp với thông lệ quốc tế liên quan đến khái niệm, thuật ngữ, chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia, hạ tầng chất lượng quốc gia, minh bạch hóa về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, lập báo cáo đánh giá tác động của quy chuẩn kỹ thuật, cung cấp dịch vụ đánh giá sự phù hợp xuyên biên giới.

Thứ hai: Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động liên quan đến xây dựng TC, QCKT và hoạt động thử nghiệm, chứng nhận, giám định nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực xã hội, phù hợp thông lệ quốc tế.

Thứ ba: Hoàn thiện quy định về đối tượng, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, công bố, ban hành TCVN, QCKT như: quy định đối tượng TC, QCKT thuộc danh mục bí mật nhà nước; quy định rút ngắn thời gian xây dựng, công bố, ban hành TC, QCKT so với hiện nay; xây dựng TC, QCKT theo trình tự, thủ tục rút gọn; lập đánh giá tác động khi xây dựng QCKT nhằm đảm bảo tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời không gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh; quy định về xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) và trách nhiệm thông báo TCCS nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.



Quốc hội nghe Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ trình bày Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Thứ tư: Bổ sung quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về TC, QCKT; đổi mới hoạt động xuất bản, phát hành TCVN theo hướng tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin, áp dụng TC, QCKT hiệu quả.

Thứ năm: Hoàn thiện quy định về hoạt động đánh giá sự phù hợp (khái niệm, nguyên tắc chung, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đánh giá sự phù hợp, mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ đánh giá sự phù hợp xuyên biên giới; thừa nhận đa phương, song phương, đơn phương kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức nước ngoài) nhằm nội luật hoá các cam kết tại các FTA thế hệ mới, đồng thời đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả trong quản lý trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững.

Thứ sáu: Hoàn thiện cơ chế, chính sách về phổ biến, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyên gia tiêu chuẩn hoá nói chung, thành viên ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan ngày càng cao của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.



Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt.

Thay mặt cơ quan thẩm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH,CN&MT) Lê Quang Huy khẳng định: Ủy ban KH,CN&MT tán thành với sự cần thiết ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (TC&QCKT) và cho rằng, việc sửa đổi Luật lần này sẽ đáp ứng yêu cầu hội nhập, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam, tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh minh bạch, thúc đẩy phát triển thị trường thương mại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển hạ tầng chất lượng quốc gia.

Về chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động trong lĩnh vực TC&QCKT, Ủy ban KH,CN&MT nhận thấy, về cơ bản các chính sách được sửa đổi, bổ sung đã thể hiện những quan điểm lớn của Đảng và Nhà nước về hoạt động TC&QCKT. Tuy nhiên, theo Chủ nhiệm Ủy ban KH,CN&MT Lê Quang Huy cần cụ thể hoá các chính sách này thành các điều khoản cụ thể, thể hiện rõ hơn quan điểm, chính sách của Nhà nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Về Chiến lược tiêu chuẩn hóa quốc gia, Ủy ban KH,CN&MT cơ bản nhất trí với việc bổ sung quy định về Chiến lược như trong dự thảo Luật. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu: (i) Quy định rõ giai đoạn, thời kỳ, quan điểm, mục tiêu, tầm nhìn; (ii) Nội dung Chiến lược cần được liên kết với các điều, khoản khác; bổ sung quy định nội dung định hướng, đánh giá thực trạng, hoàn thiện hạ tầng chất lượng quốc gia; (iii) Quy định rõ cơ quan tiêu chuẩn hóa quốc gia bảo đảm phù hợp thông lệ quốc tế; (iv) Bổ sung nguyên tắc, căn cứ xây dựng Chiến lược, thống nhất, đồng bộ với Chiến lược phát triển của các ngành, lĩnh vực khác; (v) Cân nhắc việc ban hành Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia

hàng năm và định kỳ 5 năm bảo đảm đồng bộ với Chiến lược.



Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường Lê Quang Huy.

Về minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, thủ tục đánh giá sự phù hợp, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, Ủy ban KH,CN&MT cơ bản tán thành và đề nghị rà soát, nghiên cứu, cụ thể hoá hơn nội dung minh bạch hóa và hoạt động thông báo, hỏi đáp và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật và quy định chi tiết về trách nhiệm của các chủ thể có liên quan, hoạt động phải thực hiện và điều kiện để bảo đảm minh bạch hóa; bổ sung quy định về việc công bố hợp chuẩn, hợp quy trên môi trường điện tử để thuận tiện, cắt giảm thủ tục hành chính, chi phí, thời gian cho tổ chức, doanh nghiệp.

Về hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT, tiếp cận thông tin TC&QCKT, Ủy ban KH,CN&MT đề nghị tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế khai thác cơ sở dữ liệu, cơ chế phân cấp trong xây dựng, khai thác và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; đồng thời bổ sung, giải trình làm rõ cơ chế khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về TC&QCKT; tính khả thi của việc xây dựng, khai thác và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; trách nhiệm của tổ chức công bố tiêu chuẩn cơ sở; quy định liên thông hệ thống cơ sở dữ liệu TC&QCKT.



Các ĐBQH tham dự phiên họp.

Về xã hội hoá hoạt động xây dựng, phổ biến, áp dụng tiêu chuẩn, Ủy ban KH,CN&MT đề nghị quy định đầy đủ, chi tiết hơn nữa các nội dung này, trong đó, nghiên cứu quy định các chính sách, cơ chế ưu đãi cụ thể hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất... cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoạt động tiêu chuẩn hóa, nhất là đối với các lĩnh vực mới.

Về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về TC&QCKT, Ủy ban KH,CN&MT đề nghị bổ sung quy định làm rõ vai trò, trách nhiệm của Bộ KH&CN trong tổ chức thẩm định TCVN; đầu mối theo dõi, thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác TC&QCKT; hướng dẫn kỹ thuật công tác xây dựng áp dụng TC&QCKT; quy định cụ thể, phân công trách nhiệm đơn vị chủ trì, phối hợp xây dựng, ban hành QCVN liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều bộ, ngành; quy định rõ cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, giữa trung ương và địa phương trong công tác xây dựng TC&QCKT trong công tác thanh tra, kiểm tra, hoạt động thông báo, hỏi đáp tới tổ chức trong nước và quốc tế và cảnh báo kịp thời cho hiệp hội, doanh nghiệp.

Nguồn: Cổng thông tin điện tử Quốc hội



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Xu hướng, yêu cầu và xây dựng cơ sở hạ tầng trạm sạc xe điện

Việc hoàn thiện hệ thống TCVN, QCVN về xe điện nói chung cũng như hạ tầng trạm sạc xe điện nói riêng để đáp ứng các tiêu chuẩn thế giới cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế là yêu cầu cấp thiết.

Dầu mỏ là tài nguyên không thể tái tạo, ngành giao thông vận tải hiện tiêu thụ trên 55% lượng dầu và thải ra khoảng 25% tổng lượng CO₂. Đảm bảo an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường sống là vấn đề mang tính toàn cầu. Việc chuyển đổi sang phương tiện sử dụng nhiên liệu khác trở thành mục tiêu của nhiều quốc gia và hãng xe trên thế giới. Trong đó, sử dụng ô tô điện (nguồn năng lượng là ắc quy và động cơ điện) so với xe sử dụng động cơ đốt trong có nhiều ưu điểm xét cả về mặt kỹ thuật (đặc tính động lực học) cũng như mặt xã hội, bảo vệ môi trường.

Từ đó đặt ra vấn đề phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng các trạm/trụ sạc điện cho xe điện với yêu cầu sạc điện đảm bảo cho xe chạy an toàn hết lộ trình chuyển động, thời gian sạc nhanh,... số lượng trạm sạc điện tăng theo tỷ lệ phù hợp với số lượng ngày càng tăng của xe điện lưu thông trên đường, tạo ra hệ sinh thái phương tiện điện. Từ linh kiện sạc xe điện, yêu cầu thiết kế đến ứng dụng, đặt ra yêu cầu tiêu chuẩn hóa cao trong lĩnh vực này.

Yêu cầu linh kiện sạc xe điện

Linh kiện sạc xe điện gồm nhiều loại sản phẩm cấu thành cơ sở hạ tầng xe điện và trạm sạc, bao gồm cầu đầu dây, đầu nối cáp, bộ chuyển đổi nguồn và các thiết bị bảo vệ. Các sản phẩm này cần được thiết kế riêng cho xe điện như cáp sạc, bộ điều khiển, đầu nối sạc đầu vào của xe điện, bộ nguồn phụ trợ và các thiết bị điện tử khác. Ngoài ra, linh kiện sạc xe điện bao gồm các thiết bị điện tử cần cho các nguồn công suất lớn tại các trạm sạc.



Các loại bộ sạc này sẽ lấy nguồn từ điện lưới xoay chiều AC, do đó sẽ cần chỉnh lưu và chuyển đổi thành nguồn điện DC – bất kể nguồn điện được sử dụng để sạc cho pin, với sự trợ giúp của bộ đệm kết nối trực tiếp với DC giữa bộ sạc công suất thấp và bộ sạc công suất cao.

Sự phát triển nhanh chóng của hệ sinh thái phương tiện điện đòi hỏi phát triển mạnh mẽ danh mục sản phẩm cho các trạm sạc xe điện từ bộ chuyển đổi nguồn với đầu vào AC và đầu vào DC, sử dụng công nghệ kết nối T-LOX và được cách ly về điện từ đầu vào đến đầu ra, giúp giảm tiếng ồn.

Những bộ chuyển đổi nguồn này đáp ứng các tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng đô thị và sẵn sàng sử dụng bên trong tủ điện IP54. Bộ chuyển đổi nguồn với đầu vào DC cũng sẵn sàng sử dụng với tính năng theo dõi điểm công suất cực đại (MPPT) cho việc sử dụng năng lượng mặt trời.

Yêu cầu thiết kế hệ thống sạc trong hệ sinh thái trạm sạc

Cần thiết phải có hệ thống giải pháp kỹ thuật mới giúp đơn giản hóa các điểm sạc - một hệ thống điều khiển kết hợp với các mô-đun nguồn CHARX.



CHARX connect 
E-Mobility empowered by Phoenix Contact

Cho dù đó là trạm sạc nơi khách hàng cần thanh toán tiền điện hay bộ sạc công nghiệp thì đều cần thêm thiết bị này. Nó bao gồm các thành phần như màn hình cảm ứng có khả năng giao tiếp RFID hoặc NFC và các kết nối cho giao thức thanh toán, cũng như cáp sạc CCS, đồng hồ đo năng lượng, đầu nối DC, cầu chì điện áp cao và nhiều cảm biến khác nhau. Hiện tại, các Modul này có diện tích lớn và yêu cầu đầu dây điện phức tạp cùng với hệ thống cáp nguồn làm tăng khả năng xảy ra lỗi khi lắp ráp.



Bộ điều khiển nguồn CHARX cần tích hợp tất cả các thành phần sạc vào một vỏ dạng rack-mount được lắp phía trên nguồn điện. Giải pháp này phải tối ưu hóa và tích hợp tối giản trong một thiết bị chuẩn hóa 19 inch. Các yếu tố thiết kế chu đáo khác bao gồm bộ điều khiển sạc tích hợp, bộ nguồn phụ trợ, bảo vệ quá áp và kết nối đơn giản nhờ công nghệ đầu nối Push-in.

Yêu cầu ứng dụng

Ứng dụng phổ biến nhất của mô-đun nguồn CHARX là trong các trạm sạc dùng để sạc xe điện, cho dù đó là xe ô tô chở khách, xe buýt hay là một số loại thiết bị và xe chuyên dùng trong thi công. Mô-đun nguồn cũng có thể được sử dụng trong nguồn điện di động, nguồn công nghiệp DC, các bộ biến đổi công suất.



Xu hướng sử dụng xe điện thay thế xe truyền thống và cơ sở hạ tầng sạc cần thiết để cho phép áp dụng chúng cũng phải phát triển. Ví dụ, Ford gần đây đã giới thiệu xe bán tải điện Lightning F150 mới, nó còn đóng vai trò là nguồn điện để cấp điện cho một ngôi nhà nếu mất điện. Các loại thiết bị điện tử hai chiều này không chỉ yêu cầu khả năng cấp điện từ ổ quy lưới điện và qua bộ sạc đến xe mà còn có thể theo chiều ngược lại. Đặt ra yêu cầu tiêu chuẩn hóa trong việc phát triển cơ sở hạ tầng xe điện hiện tại và chuẩn bị cho những đổi mới sắp tới.

Tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Chính phủ Việt Nam đã có những chính sách ưu đãi về thuế với ô tô điện. Từ ngày 1/3/2022, Chính phủ quyết định giảm thuế tiêu thụ đặc biệt từ 15% về 3% đối với các dòng xe dưới 9 chỗ nhằm thúc đẩy ô tô điện phát triển. Theo Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 15/1/2023, Ô tô điện chạy pin cũng được miễn thuế trước bạ trong 3 năm và trong 2 năm tiếp theo, mức thu này sẽ bằng 50% so với mức thu của các loại xe xăng/ dầu có cùng số chỗ ngồi.

Để phát triển hạ tầng kỹ thuật, hoàn thiện hệ thống trụ/trạm sạc xe điện nhằm thúc đẩy chuyển đổi năng lượng xanh bền vững theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và metan ngành giao thông vận tải, một trong những nhiệm vụ quan trọng là khẩn trương rà soát, hoàn thiện hệ thống TCVN, QCVN về trạm/trụ sạc xe điện, gắn với quy hoạch quốc gia về lắp đặt, bố trí, kinh doanh trạm/trụ sạc xe điện, kết hợp với kế hoạch tổng thể phát triển hạ tầng kỹ thuật liên quan.

Về hệ thống TCVN, QCVN, Bộ Khoa học và Công nghệ đã công bố 56 TCVN liên quan đến xe điện và hệ thống liên quan, bao gồm: 39 TCVN về an

toàn, đo vận tốc, tiêu thụ năng lượng, phát thải, hệ thống pin/ắc quy trên xe điện; 04 TCVN về dây cáp sạc xe điện; 08 TCVN về hệ thống sạc xe điện (quy định yêu cầu chung, tương thích điện từ, truyền thông giữa trạm sạc và xe điện, yêu cầu an toàn đối với hệ thống lắp trạm sạc, cụm đóng cắt và điều khiển hạ áp khu vực sạc xe điện); 05 TCVN về thiết bị đo điện; Việc thiết kế xây dựng các trạm sạc phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh (bao gồm tích hợp quy hoạch phát triển điện lực địa phương) theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia (Quy hoạch điện VIII).

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các loại xe điện và các loại trạm/trụ sạc xe điện, Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam đã và đang phối hợp các nhà sản xuất xe điện, các nhà sản xuất trạm/trụ sạc xe điện tiếp tục hoàn thiện hệ thống TCVN, QCVN về xe điện nói chung cũng như hạ tầng trạm sạc xe điện nói riêng để đáp ứng các tiêu chuẩn thế giới cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế.

Nguồn: Trần Thị Kim Huế (Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

AI đã định hình và được định hình bởi thương mại quốc tế như thế nào

AI đang thách thức cách chúng ta nghĩ về thế giới, và thương mại quốc tế không phải ngoại lệ, vì AI chắc chắn sẽ thay đổi hậu cần thương mại, quản lý chuỗi cung ứng và phát triển chúng thành một loại hình dịch vụ mới” – Tiến sĩ Ngozi Okonjo-Iweala, Tổng Giám đốc WTO.

Tháng 11/2024 vừa qua, một nhóm các chuyên gia đứng đầu là bà Johanna Hill, Phó Tổng Giám đốc và ông Ralph Ossa, Giám đốc Ban nghiên cứu kinh tế và thống kê của Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) đã công bố Báo cáo “Thương mại với trí tuệ nhân tạo – AI đã định hình và được định hình bởi thương mại quốc tế như thế nào” [1]. Báo cáo dài 118 trang đã nêu vấn đề và tìm cách trả lời các câu hỏi về việc trí tuệ nhân tạo (AI) đã định hình thương mại quốc tế như thế nào, tại sao AI lại trở thành vấn đề của thương mại và các tác động của chính sách gắn với AI tại các quốc gia đối với thương mại.



Theo kết quả nghiên cứu của các chuyên gia, hiện nay AI có nhiều định nghĩa khác nhau do các tổ chức quốc tế đưa ra. Ví dụ, Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) định nghĩa “Hệ thống AI” là “ một hệ thống dựa trên máy móc, với mục đích rõ ràng hoặc ngầm định, tổng hợp kết quả ví dụ như những dự đoán, nội dung, lời khuyên hoặc quyết định có thể ảnh hưởng môi trường thực tế hoặc ảo, bằng đầu vào mà nó nhận được. Các hệ thống AI khác nhau có mức độ tự chủ và khả năng thích ứng khác nhau sau khi triển khai”[2].

Trong khi đó, Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) định nghĩa hệ thống AI là “một hệ thống được thiết kế để tổng hợp đầu ra như nội dung, dự đoán, lời khuyên hoặc quyết định cho tập hợp các mục tiêu do con người quyết định”[3].

Vậy, AI đã định hình và được định hình bởi thương mại quốc tế như thế nào? Với nghiên cứu này, các chuyên gia đã chỉ ra rằng tác động rộng khắp và mang tính chuyển đổi mà AI tạo ra cho xã hội hiện nay rơi vào tất cả các lĩnh vực, từ công ăn việc làm, sản xuất và thương mại tới y tế, nghệ thuật và hoạt động giải trí. Những lợi ích của AI được kỳ vọng sẽ giảm chi phí thương mại, tăng năng suất và đổi mới đồng thời định hình lại lợi thế so sánh của nền kinh tế, tạo ra những cơ hội và lợi ích kinh tế, xã hội mới chưa từng có. Một môi trường thương mại quốc tế mới được xây dựng để tạo thuận lợi cho những thay đổi này là chìa khóa để AI phát triển hơn nữa và gặt hái những lợi ích cũng như cơ hội thương mại. Tuy nhiên, sự phát triển và ứng dụng của AI cũng làm phát sinh những rủi ro đáng kể về xã hội và đạo đức, bao gồm cả thương mại. AI là một vấn đề của toàn cầu và khi Chính phủ bắt đầu quản lý AI thì hợp tác toàn cầu trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Câu hỏi tiếp theo mà Báo cáo đã phân tích đó là tại sao AI lại là một vấn đề thương mại? AI khác biệt với các công nghệ kỹ thuật số khác ở nhiều điểm và AI có khả năng ảnh hưởng tới thương mại quốc tế.

AI có thể cải thiện đáng kể hiệu quả thương mại bằng cách tăng cường hậu cần thương mại, quản lý chuỗi cung ứng và tuân thủ quy định. AI có thể tự động hóa quy trình thông quan, điều hướng các quy định phức tạp và dự đoán rủi ro. Các công cụ dựa trên AI khuếch đại khả năng hiển thị chuỗi cung ứng thông qua phân tích dữ liệu thời gian thực và quy trình ra quyết định tự động. Điều này có thể giảm chi phí thương mại và cân bằng sân chơi cho các nền kinh tế đang phát triển và các doanh nghiệp nhỏ. AI có khả năng chuyển đổi các mô hình thương mại trong các dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ được cung cấp kỹ thuật số, bằng cách cho phép người lao động có kỹ năng thấp tận dụng các phương pháp hay nhất của những người lao động có kỹ năng cao. Tuy nhiên, ngược lại AI đã và sẽ làm giảm nhu cầu đối với dịch vụ truyền thống và giảm nhu cầu thuê ngoài một số dịch vụ nhất định. Khi ứng dụng AI tiếp tục lan rộng, nhu cầu và hoạt động thương mại đối với các sản phẩm liên quan đến công nghệ, chẳng hạn như dịch vụ máy tính và viễn thông, các công cụ phát triển chuyên biệt và thư viện phần mềm sẽ tăng lên.

AI cũng có thể định hình lại lợi thế so sánh của nền kinh tế bằng cách tăng năng suất trên tất cả các lĩnh vực và thay đổi động lực sản xuất. Tuy nhiên, sự phát triển và kiểm soát công nghệ AI có khả năng vẫn tập trung ở các nền kinh tế lớn và các công ty AI tiên tiến, dẫn đến sự tập trung công nghiệp.

Việc áp dụng AI tạo ra sự thúc đẩy đáng kể về năng suất và giảm chi phí thương mại, dẫn đến tăng trưởng thương mại và GDP toàn cầu. Hai kịch bản đã được Báo cáo mô phỏng với mô hình thương mại toàn cầu. Kịch bản lạc quan cho thấy áp dụng AI toàn cầu và tăng năng suất cao cho đến năm 2040

có thể dẫn tới tăng trưởng thương mại thực tế toàn gần 14 điểm phần trăm. Kịch bản khác cho thấy áp dụng AI không đồng đều và tăng năng suất thấp dẫn tới tăng trưởng thương mại chỉ dưới 7 điểm phần trăm. Tác động mà AI tạo ra đối với thương mại và GDP toàn cầu khác nhau giữa các nền kinh tế và lĩnh vực, tùy thuộc vào sự đổi mới và chính sách. Các dịch vụ được cung cấp kỹ thuật số dự kiến sẽ có mức tăng trưởng thương mại cao nhất, với kịch bản lạc quan về việc áp dụng AI toàn cầu dẫn đến tăng trưởng tích lũy gần 18 điểm phần trăm.

Từ những phân tích về tác động tích cực và rủi ro mà AI mang lại, các chuyên gia đã chỉ ra trong báo cáo những chính sách mà chính phủ đưa ra để quản lý AI đã tác động tới thương mại như thế nào.

Tiềm năng định hình lại thương mại quốc tế của AI đặt ra những câu hỏi về chính sách, bao gồm rủi ro về sự phân tách AI ngày càng gia tăng, những thách thức về quản trị dữ liệu và nhu cầu đảm bảo độ tin cậy và quyền sở hữu trí tuệ. Việc triển khai AI ở cấp độ trong nước, khu vực và quốc tế kéo theo cả lợi ích và rủi ro, và việc thiếu sự phối hợp có thể gây ra sự phân mảnh về mặt quy định. Vì năng lực phát triển AI hiện tại tập trung ở một số ít nền kinh tế lớn nên có sự phân chia đáng kể giữa các nền kinh tế dẫn đầu về AI và phần còn lại của thế giới. Các hạn chế về luồng dữ liệu có thể cản trở sự đổi mới AI, làm tăng chi phí và tác động tiêu cực đến thương mại. Cần phải có sự đánh đổi hợp lý giữa quyền truy cập dữ liệu và bảo vệ quyền riêng tư.

Độ tin cậy của AI rất quan trọng đối với thương mại, nhưng việc cân bằng độ tin cậy, bảo mật, quyền riêng tư, an toàn, trách nhiệm giải trình và chất lượng có thể là một thách thức do bản chất không minh bạch và khả năng sử dụng kép của nó. Các quy định truyền thống có thể không giải quyết được mọi rủi ro tiềm ẩn và AI đặt ra những thách thức mới đối với quyền sở hữu trí tuệ truyền thống. Các chính phủ đang triển khai các chiến lược và chính sách AI để thúc đẩy sự phát triển và sử dụng AI, nhưng hầu hết đều được các nền kinh tế phát triển triển khai, có khả năng làm sâu sắc thêm sự phân chia AI.

Hình ảnh mới nổi về các biện pháp phân mảnh và sáng kiến trong nước có thể dẫn đến sự phân mảnh về quy định, tác động trực tiếp đến các quy định cụ thể về AI, luật pháp cụ thể theo ngành và các tác động bóp méo thương mại. Chi phí kinh tế của tính không đồng nhất về quy định, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp nhỏ, là rất lớn, với sự phân mảnh dẫn đến mất hơn 1% GDP thực. Số lượng sáng kiến hợp tác song phương và khu vực ngày càng tăng về quản trị AI làm tăng thêm nguy cơ tạo ra các cách tiếp cận phân mảnh. Các hiệp định thương mại khu vực (RTA) và các thỏa thuận kinh tế kỹ thuật số là những cơ chế quan trọng để thúc đẩy và quản lý AI, với các điều khoản cụ thể về AI chủ yếu ở dạng các điều khoản “mềm” không ràng buộc. Tuy nhiên, mức độ sâu sắc của các điều khoản thương mại kỹ thuật số trong RTA thay đổi đáng kể, phản ánh các cách tiếp cận khác nhau. Các nguyên tắc về thương mại dịch vụ trong RTA cũng đóng vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến môi trường chính sách cho AI.

Mặc dù các sáng kiến quốc tế liên quan đến AI đã xuất hiện trong những năm gần đây, tập trung vào các khía cạnh khác nhau của quản trị AI, bao gồm các quy định, tiêu chuẩn, quyền sở hữu trí tuệ, quyền riêng tư và quản trị dữ liệu; tuy nhiên, vẫn chưa có sự thống nhất toàn cầu về thuật ngữ AI, điều này có thể hạn chế các nỗ lực triển khai. Các tổ chức quốc tế như ITU, UNESCO, UNIDO và Ngân hàng Thế giới đang phát triển các khóa học về AI, với sự hỗ trợ của chính AI trong các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật phù hợp. WTO, với tư cách là cơ quan toàn cầu duy nhất dựa trên luật lệ giải quyết chính sách thương mại, có thể giúp thúc đẩy lợi ích và hạn chế rủi ro của AI, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại hàng hóa và dịch vụ liên quan đến AI.

Trong bối cảnh đó, Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đóng vai trò quan trọng là diễn đàn để tăng cường hài hòa toàn cầu thông qua minh bạch hóa, không phân biệt đối xử, thảo luận mở và trao đổi thực hành tốt. Những Hiệp định như Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) của WTO cho phép các nước thành viên WTO nắm bắt được thông tin về việc xây dựng biện pháp quản lý, ngăn rào cản kỹ thuật không cần thiết đối với thương mại và thúc đẩy sự hội tụ toàn cầu. Trên thực tế, các nước Thành viên WTO đã tăng cường thông báo các quy định về công nghệ số như an ninh mạng và IoT/robotics cho Ủy ban TBT cùng đóng góp của Cơ chế Rà soát Chính sách thương mại về minh bạch hóa trong chính sách thương mại.

WTO ưu tiên tăng cường hài hòa quản lý thông qua tiêu chuẩn quốc tế, thừa nhận lẫn nhau và tương đương. Đó là những điểm mấu chốt của nỗ lực toàn cầu nhằm tạo thuận lợi cho thương mại dịch vụ và hàng hóa cho phép hoặc được cho phép bởi AI. Hiệp định TBT đảm bảo rằng các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật liên quan tới AI không hạn chế thương mại và tối ưu cho các mục tiêu chính sách đang theo đuổi.

Để đáp ứng với sự phát triển AI, WTO đã xây dựng các nguyên tắc và hướng dẫn nhằm hỗ trợ thương mại đối với sản phẩm và hệ thống AI, giảm thiểu các tác động tiêu cực. Các nguyên tắc này bao gồm không phân biệt đối xử, Hiệp định các biện pháp đầu tư liên quan tới thương mại (TRIMS) và Hiệp định chống bán phá giá và phòng vệ thương mại (SCM). WTO cũng hỗ trợ ngăn và giải quyết các căng thẳng thương mại từ “quan ngại thương mại” (STC) và tạo diễn đàn toàn cầu giải quyết các tranh chấp liên quan tới thương mại thông qua Hệ thống giải quyết tranh chấp.

Đóng vai trò như một diễn đàn cho đàm phán, thảo luận và đưa ra quyết định, WTO có thể đóng góp vào việc tăng cường thúc đẩy khung quản lý AI, hài hòa chính sách và xem xét mối giao thoa giữa thương mại và AI. Vì AI vẫn đang tiếp tục phát triển, các nước cần tiếp tục thảo luận về mối giao thoa này và tác động có thể có đối với các nguyên tắc của WTO.

Văn phòng TBT Việt Nam



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Áp dụng Phương pháp sản xuất tinh gọn cho ngành sản xuất sản phẩm từ gỗ

1. Giới thiệu dự án

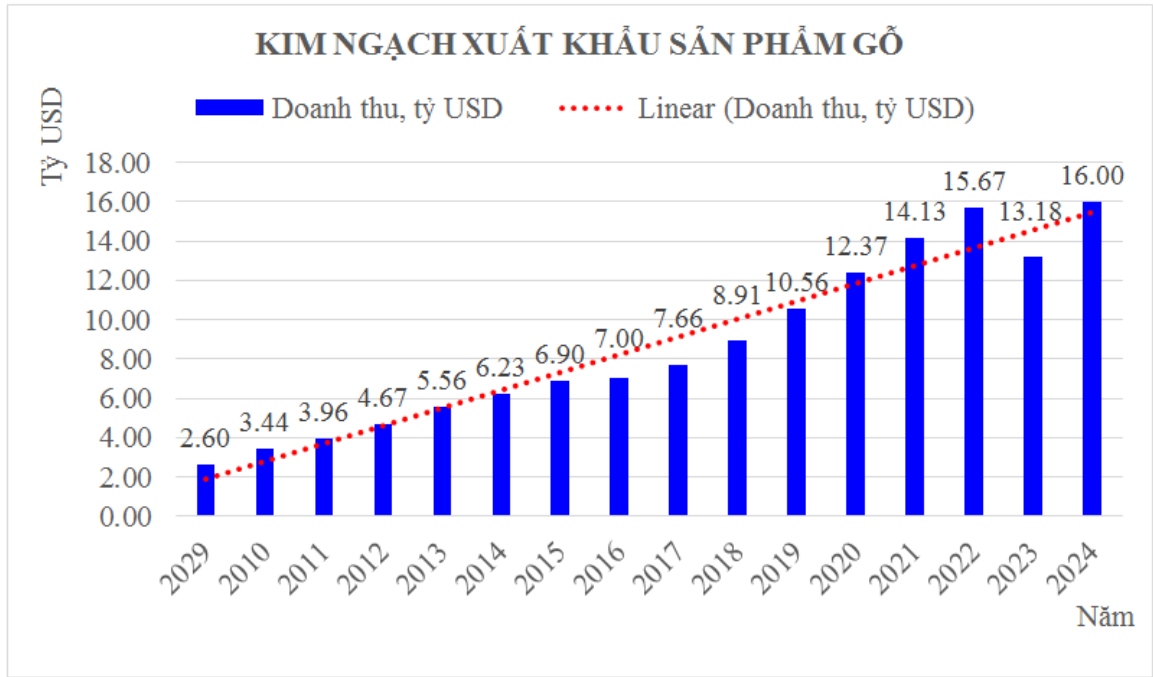
Công ty TNHH Chuyên giao Tri thức Chí Tân đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giao nhiệm vụ triển khai chương trình “Nghiên cứu, hướng dẫn áp dụng Phương pháp Sản xuất tinh gọn (LEAN) cho Doanh nghiệp chế biến cao su thiên nhiên và chế biến sản phẩm từ gỗ” thuộc “Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020.

2. Tổng quan Lean trong ngành gỗ

Trong nhiều ngành công nghiệp, ngành sản xuất sản phẩm gỗ đóng vai trò quan trọng trong việc đóng góp kim ngạch xuất khẩu. Năm 2023, các sản phẩm từ gỗ chiếm tỷ trọng đáng kể trong số 15 sản phẩm xuất khẩu có đóng góp kim ngạch lớn vào ngân sách quốc gia.

Gỗ, một ngành phát triển nhanh về doanh thu xuất khẩu (Hình 1). Từ doanh thu xuất khẩu 2,3 tỷ trong năm 2009 đã tăng lên 15,67 tỷ trong năm 2022, (dự kiến đạt 16 tỷ USD trong năm 2024) tăng khoảng 680% trong vòng 13 năm, bình quân mỗi năm khoảng 52%. Ngành gỗ cũng có nhiều thăng trầm. Nhiều công ty áp dụng các công cụ cải tiến giúp các công ty đó đứng vững trên thị trường, tuy vậy, cũng có nhiều công ty chế biến gỗ nổi tiếng một thời và suy tụt phá sản sau đó. Ngành gỗ thông thường có nhiều công nhân, máy móc còn hạn chế nên năng suất lao động thường chưa cao, các đơn hàng giao trễ thường. Các chương trình hỗ trợ thực hành Lean từ các hiệp hội, các cơ quan ban ngành cũng còn hạn chế.

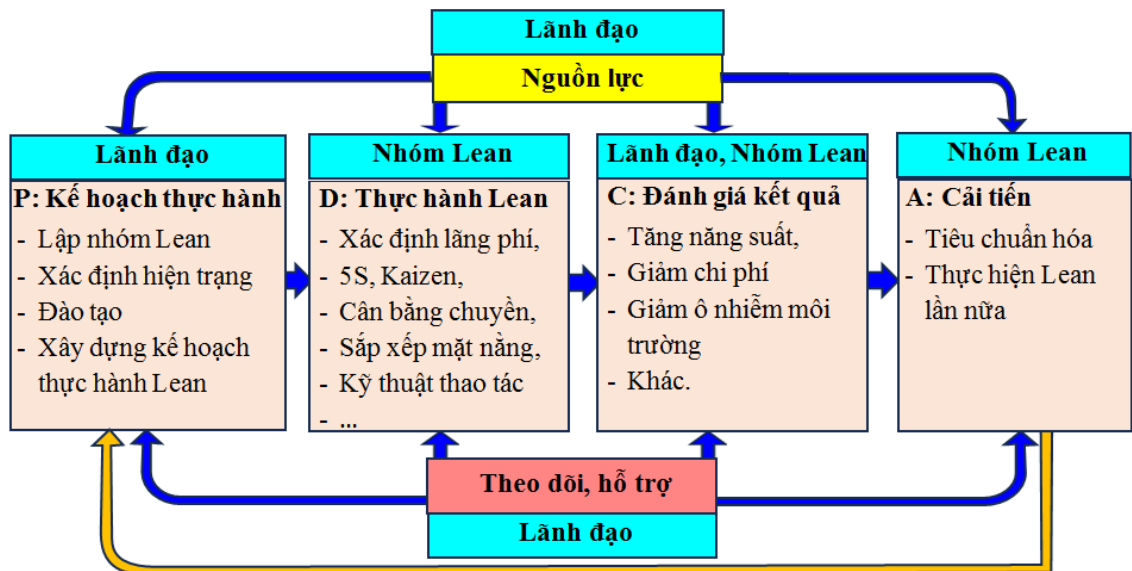
Ngày nay, các doanh nghiệp xuất khẩu, các doanh nghiệp gia công ngày càng phải tuân thủ xu hướng quản lý trên thế giới, tuân thủ các thông lệ của quốc tế. Không kịp đơn hàng, không thể tăng ca mãi, doanh nghiệp phải có giải pháp hợp lý giúp tăng năng suất. Lean là phương pháp sản xuất có thể giúp doanh nghiệp gia tăng năng suất, giải quyết 7 lãng phí có trong doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu giao hàng của khách hàng với chi phí đầu tư ít nhất.



Hình 1: Kim ngạch xuất khẩu Sản phẩm gỗ của Việt Nam (Nguồn hải quan và tổng hợp)

3. Kết quả áp dụng

Qua 2,5 năm, nhóm làm đề tài đã triển khai hướng dẫn cho 16 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm gỗ áp dụng phương pháp sản xuất tinh gọn. Nhóm đề tài đã tổng hợp các bước thực hành Lean và đề xuất mô hình triển khai Lean cơ bản như trong hình 2.



Hình 2: Mô hình Lean cơ bản

Diễn giải mô hình

Trong khuôn khổ của đề tài, mô hình này chỉ áp dụng giới hạn tại khu vực sản xuất mà chưa đề cập đến các bộ phận khác trong doanh nghiệp.

Mô hình này được thiết kế dựa trên nguyên tắc PDCA. Cách doanh nghiệp

trong ngành có thể sử dụng mô hình này để từng bước triển khai Lean trong doanh nghiệp của mình và đạt được các kết quả giảm lãng phí, tăng năng suất. Mô hình này đã triển khai và trải nghiệm trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau như doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp có vốn FDI, vốn tư nhân hay cổ phần đều có thể áp dụng được với sự điều chỉnh phù hợp cho từng loại hình. Một số đặc thù của các nhóm trong ngành cần lưu ý để áp dụng thành công Lean trong doanh nghiệp.

Để tiện đánh giá so sánh mức độ áp dụng Lean của các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ gỗ theo mô hình Lean nói trên, nhóm đề tài chia các doanh nghiệp gỗ tham gia thành 3 nhóm.

Nhóm 1: Nhóm có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)

- Nhóm bao gồm các Công ty như Response, Scancom và Houseware. Nhóm này có vốn đầu tư lớn, máy móc được đầu tư hiện đại (CNC), nhà xưởng lớn được sắp xếp theo từng quá trình sản xuất.

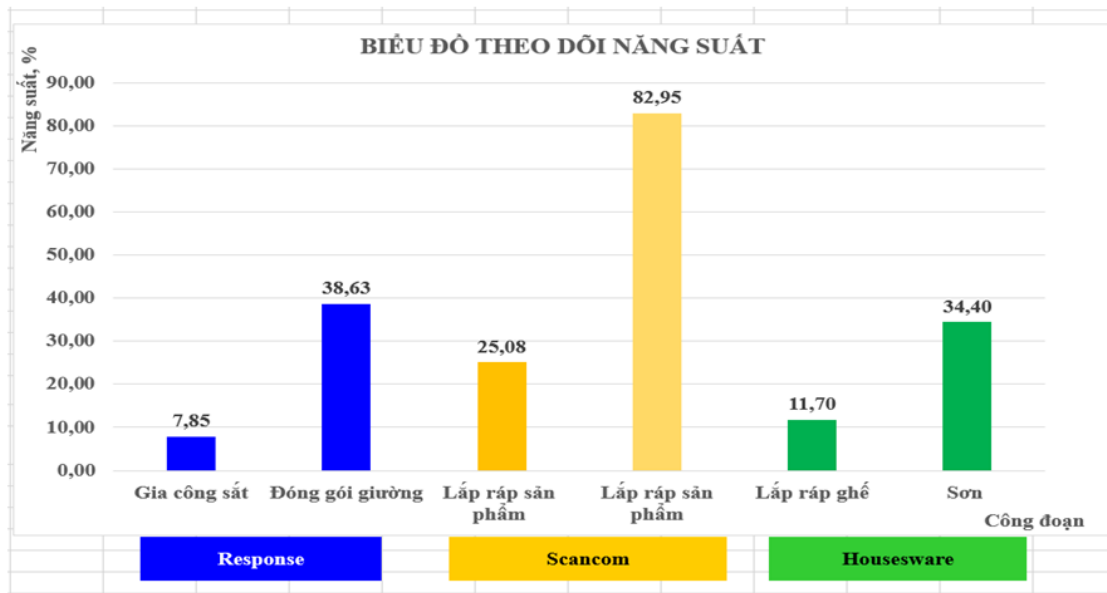
- Nhân sự được tuyển dụng, đánh giá năng lực trước khi tuyển dụng nên khả năng tiếp thu ứng dụng Lean hiệu quả.

- Được trang bị phần mềm theo dõi năng suất chi phí, có thể theo dõi và đánh giá sau mỗi ca sản xuất nhằm điều chỉnh kịp thời năng suất, chất lượng số lượng hàng gia công.

- Lean, cải tiến là một trong các chỉ số KPI bắt buộc của mỗi thành viên trong doanh nghiệp và quyết định lương cùng cơ hội thăng tiến. Do vậy việc triển khai dự án Lean gặp được nhiều thuận lợi. Các thành viên xem đây là cơ hội giúp hoàn thành nhanh các yêu cầu của KPI.

- Nhóm này có khả năng triển khai cùng lúc nhiều đề tài cải tiến. Năng suất lao động của mỗi công đoạn gia tăng đáng kể từ 8 – 80% (xem hình 3) Hình 3 thể hiện mức tăng năng suất công đoạn thấp nhất và cao nhất trong mỗi Công ty.

Nhóm này dễ dàng áp dụng và duy trì Lean để giảm lãng phí, nâng cao năng suất. Việc áp dụng các công cụ để nâng cao năng suất chất lượng là bắt buộc, các nhân viên không có cách nào khác nếu muốn tăng lương hoặc thăng tiến. Hơn nữa, các giám đốc điều hành cùng tham gia vào các chương trình Lean, thực hiện hỗ trợ hàng tuần trong các cuộc họp Lean làm cho chương trình Lean trở nên sống động và duy trì tốt trong tương lai.



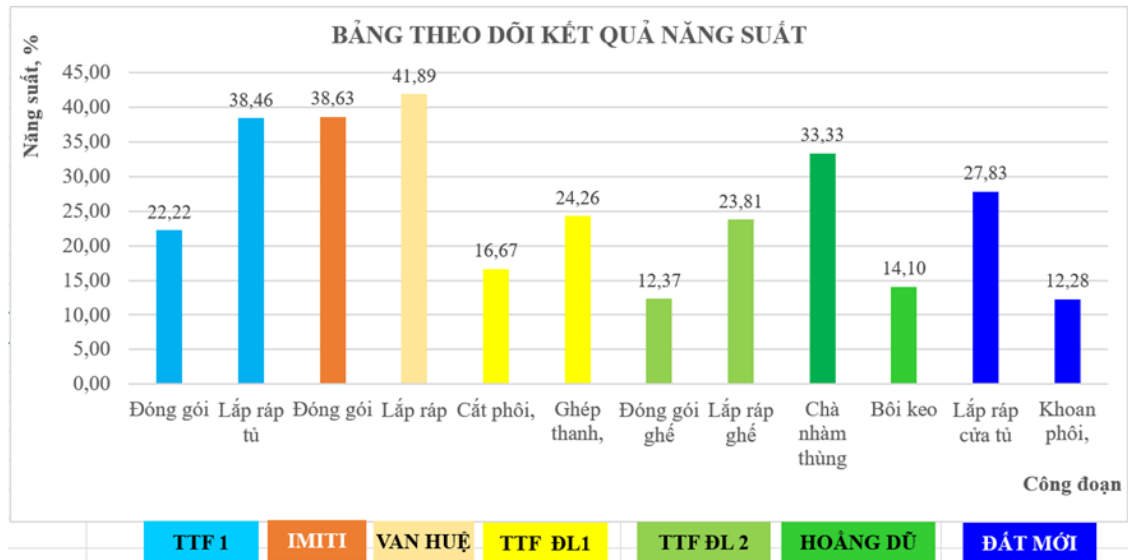
Hình 3: Biểu đồ theo dõi năng suất khi thực hiện Lean tại doanh nghiệp FDI
 Nhóm 2: Nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và xuất khẩu trực tiếp
 – Nhóm này bao gồm các doanh nghiệp như Trường Thành, Imiti, Vạn Huệ, Đạt mới, Hoàng Dũ ...có vốn đầu tư từ các cổ đông, vốn tư nhân, máy móc được đầu tư ở mức vừa đủ, nhà xưởng được sắp xếp theo từng quá trình sản xuất.

– Nhân sự được tuyển dụng, đánh giá năng lực trước khi tuyển dụng. Khả năng tiếp thu và ứng dụng Lean ở mức vừa đủ.

– Giám đốc điều hành thường không trực tiếp tham gia vào các quá trình Lean mà ủy quyền cho một trưởng bộ phận thực hiện. Việc giao quyền không đầy đủ làm Trưởng Ban Lean khó điều hành các chương trình Lean trong Công ty.

– Năng suất lao động của mỗi công đoạn gia tăng đáng kể từ 12 – 42%. (xem hình 4) Hình 4 thể hiện mức tăng năng suất công đoạn thấp nhất và cao nhất trong mỗi Công ty. Khi công ty cải tiến một công đoạn thì chỉ có một số liệu.

Cơ cấu tổ chức của nhóm này không hướng ưu tiên vào gia tăng năng suất chất lượng, giảm lãng phí mà tập trung vào sản xuất để đạt được số lượng sản phẩm và đạt được hạn giao hàng. Cá biệt vài công ty quản lý theo cách của các doanh nghiệp nước ngoài, theo dõi công việc qua phần mềm, có KPI cho các nhân viên nhưng hiệu quả chưa tương ứng. Việc áp dụng và duy trì Lean trong các doanh nghiệp nhóm này khi có dự án. Do vậy việc áp dụng Lean đã phải lập đi lập lại nhiều lần và chưa có hồi kết.



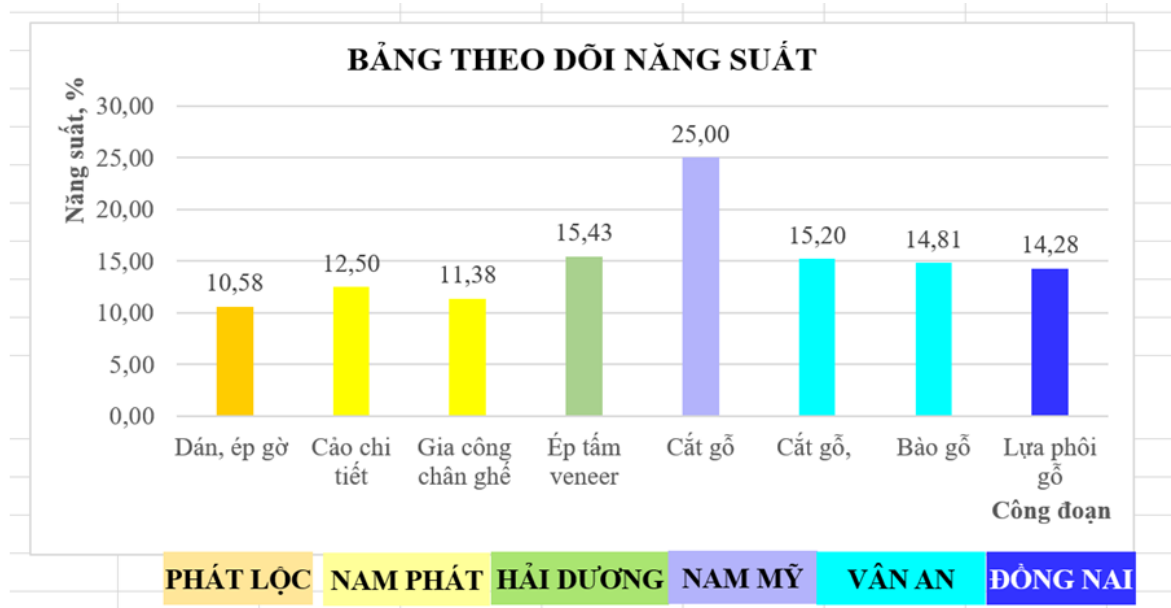
Hình 4: Biểu đồ theo dõi năng suất tại các doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp
Nhóm 3: Nhóm doanh nghiệp gia công trong chuỗi cung ứng chi tiết gỗ

– Nhóm này bao gồm các doanh nghiệp như Điện Phát Lộc, Nam Phát, Vạn An, Hải Dương, Đồng Nai...thuộc doanh nghiệp vừa và nhỏ, số lượng công nhân từ 20-50 người, máy móc thuộc đời cũ, phần lớn mua lại từ các doanh nghiệp khác, nơi cần nâng cấp máy móc.

– Nhóm này tập trung vào nguồn nhân lực có tay nghề. Họ ít tham gia vào các quá trình đào tạo, chỉ tập trung làm sao cho đạt số lượng, chất lượng và thời hạn theo yêu cầu của các công ty đặt hàng.

– Áp dụng Lean trong các doanh nghiệp này giúp tăng năng suất lao động của mỗi công đoạn từ 10 – 25%. (xem hình 5) Hình 5 thể hiện mức tăng năng suất các công đoạn trong mỗi Công ty. Mức độ tăng năng suất ở nhóm này là thấp nhất trong 3 nhóm.

Duy trì Lean trong các doanh nghiệp này là khó khăn. Đào tạo thường xuyên cho các giám đốc doanh nghiệp để thay đổi nhận thức có thể giải pháp khả thi giúp các doanh nghiệp này nâng cao năng suất chất lượng trong hiện tại và phát triển trong tương lai.



Hình 5: Biểu đồ theo dõi năng suất tại các doanh nghiệp gia công

Tóm lại, mức độ thành công của mỗi mô hình đều có những điểm khác nhau về quy mô, phạm vi, song tất cả đều có được cách tiếp cận mới về năng suất chất lượng một cách đầy đủ, trực quan và mang tính khoa học. Đã có 16 doanh nghiệp đạt được kết quả tăng năng suất lao động và giảm chi phí theo mức độ đầu tư của từng doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng chọn lựa các công cụ trong Lean để nâng cao năng suất chất lượng, ứng dụng trên các điều kiện thực tế tại doanh nghiệp và mang lại kết quả tiết kiệm chi phí rất khả quan. Hiệu quả áp dụng được tính như sau:

– Hiệu quả hữu hình:

Năng suất lao động công đoạn đã tăng từ 8-80%. Giá trị công lao động tại công đoạn do doanh nghiệp áp dụng các công cụ nâng cao năng suất chất lượng cũng tương ứng theo mức tăng của năng suất. Con số này nói lên nỗ lực của doanh nghiệp trong việc tận dụng tất cả các khả năng để tiết kiệm chi phí, gia tăng năng suất và tồn tại được trong môi trường kinh doanh nhiều biến động. Một số các đề tài liên quan đến tiết kiệm điện để giảm ô nhiễm môi trường, tuy nhiên việc đo đếm lượng điện tiết kiệm chưa thực hiện được do doanh nghiệp chưa có đồng hồ đo điện cho từng xưởng.

– Hiệu quả vô hình:

Hiệu quả tính bằng số sản phẩm tăng, năng suất lao động tăng, giảm được chi phí chỉ là phần nổi, nhưng điều quan trọng hơn cả là, sau khi tham gia dự án, doanh nghiệp có được đội ngũ nhân viên biết thực hành Phương pháp sản xuất tinh gọn – Lean và sử dụng thành thạo các công cụ Lean cơ bản, tạo nền tảng vững chắc để giải quyết các vấn đề lãng phí trong doanh nghiệp về lâu dài.

4. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện dự án

Bộ Khoa học Công nghệ mà đại diện là Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất

lượng (nay là Ủy Ban Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) đã hỗ trợ tích cực cho Công ty Chí Tân trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Về phía doanh nghiệp, có sự cam kết mạnh mẽ của Ban lãnh đạo Doanh nghiệp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp đạt đến mục tiêu của dự án. Các cán bộ, nhân viên tại 16 doanh nghiệp tham gia dự án rất hợp tác, đóng góp thời gian và nguồn lực để áp dụng Phương pháp sản xuất tinh gọn – Lean.

Trong quá trình thực hiện dự án, thường gặp một số khó khăn. Khả năng tiếp cận Phương pháp sản xuất tinh gọn của các doanh nghiệp còn hạn chế, nhất là các doanh nghiệp nhỏ. Việc áp dụng công cụ cần nhiều thời gian đầu tư của Đơn vị nhưng nguồn nhân lực thường ít tập trung thực hiện. Hơn nữa, các doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa có được tầm nhìn dài hạn. Doanh nghiệp thường rất tích cực trong giai đoạn đầu, sau đó do bận đơn hàng, doanh nghiệp có thể ngưng dự án Lean. Đây là yếu tố gây khó khăn lớn nhất trong quá trình hướng dẫn cho doanh nghiệp.

Những công việc hàng ngày của các thành viên tham gia dự án là một trong những trở ngại đáng kể khi thực hiện dự án. Các thành viên trong dự án đa số là các Trưởng bộ phận. Họ rất bận với công việc điều hành hàng ngày nhưng phải dành thời gian cho dự án. Việc chia sẻ thời gian như vậy làm ảnh hưởng rất nhiều đến dự án.

5. Bài học kinh nghiệm

Sau hơn 2 năm thực hiện nhiệm vụ, những bài học kinh nghiệm được đúc kết từ những kết quả, khó khăn, trở ngại của các thành viên tham gia nhiệm vụ, cụ thể là:

- Sự tham gia của ban giám đốc doanh nghiệp trong việc chỉ đạo áp dụng là những yếu tố then chốt quyết định sự thành công khi áp dụng Lean.
- Các cấp quản lý trong doanh nghiệp cần kiên trì theo đuổi và quan tâm học hỏi những vấn đề mới liên quan đến năng suất chất lượng để hỗ trợ hiệu quả cho công việc hiện tại và trong tương lai sau này.
- Việc hỗ trợ kịp thời của bên tư vấn cũng là những yếu tố quan trọng. Trong quá trình thực hiện có nhiều vướng mắc, việc hỗ trợ của chuyên gia tư vấn đóng vai trò quan trọng trong thành công của dự án.

6. Điều tiếp theo

Áp dụng Phương pháp sản xuất tinh gọn là một quá trình dài hạn và cần có sự đồng hành của của nhà nước, bên tư vấn và doanh nghiệp trong các giai đoạn đầu. Khi có đủ kinh nghiệm, các doanh nghiệp sẽ tự bước trên quãng đường còn lại của mình.

Cần có cơ chế khen thưởng thích hợp cho các nhóm tham gia vào dự án Lean nhằm động viên tinh thần của cán bộ, nhân viên, giúp họ ngày càng gắn bó với hoạt động Lean của Doanh nghiệp. Cơ chế này là một trong số các yếu tố quan trọng giúp duy trì và nâng cao việc áp dụng các chương trình năng suất chất lượng trong doanh nghiệp. Trong giai đoạn tiếp theo, cần tập trung đào tạo chuyên sâu các công cụ trong Lean cho đội ngũ cán bộ nhân viên tại các doanh

ng nghiệp để họ có đủ kiến thức, kỹ năng, đạt được chuẩn mực chuyên gia và trở thành các đội ngũ chuyên gia nòng cốt, góp phần triển khai, phát triển chương trình nâng cao năng suất chất lượng trong doanh nghiệp và hỗ trợ, tham gia tích cực vào chương trình năng suất quốc gia trong giai đoạn tới được thành công.

Nguyễn Thị Kim Loan (Ủy ban TCDLCL)



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Mối quan hệ giữa bằng sáng chế đo lường và hạ tầng chất lượng

Khi tiếp tục nỗ lực đo lường sự phát triển cơ sở hạ tầng chất lượng (QI) và cải thiện việc thu thập dữ liệu QI để hiểu được sự đóng góp của QI vào tăng trưởng kinh tế, Ann Ramkissoon và cộng sự đã chuyển sự chú ý ở lĩnh vực đo lường. Họ đã xem xét mối quan hệ giữa Chỉ số cơ sở hạ tầng chất lượng toàn cầu (GQII) và số lượng bằng sáng chế đo lường được nộp để hiểu liệu nó có phải là thước đo phù hợp cho sự phát triển của đo lường hay không. Các tác giả kỳ vọng có mối quan hệ tích cực mạnh mẽ giữa các mối quan tâm khác nhau, cho thấy các quốc gia có năng lực đo lường cao hơn có khả năng sẽ có nhiều đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường hơn.

Dữ liệu về hồ sơ cấp bằng sáng chế đo lường được truy cập từ Cơ sở dữ liệu thống kê bằng sáng chế toàn thế giới (PATSTAT) của Văn phòng sáng chế châu Âu (EPO) và dữ liệu về GQII được truy cập từ cơ sở dữ liệu GQII.

Nhóm nghiên cứu xem xét tổng số bằng sáng chế đo lường được nộp bởi cả quốc gia nộp đơn và quốc gia phát minh trong giai đoạn từ năm 2000 tới nay. Họ xem xét mối quan hệ này bằng cách sử dụng các tương quan vì chúng cho phép đánh giá các mô hình trong dữ liệu và xác định xem có tồn tại bất kỳ mối quan hệ nào đáng được khám phá thêm hay không. Kết quả của các tương quan được trình bày trong Bảng 1.

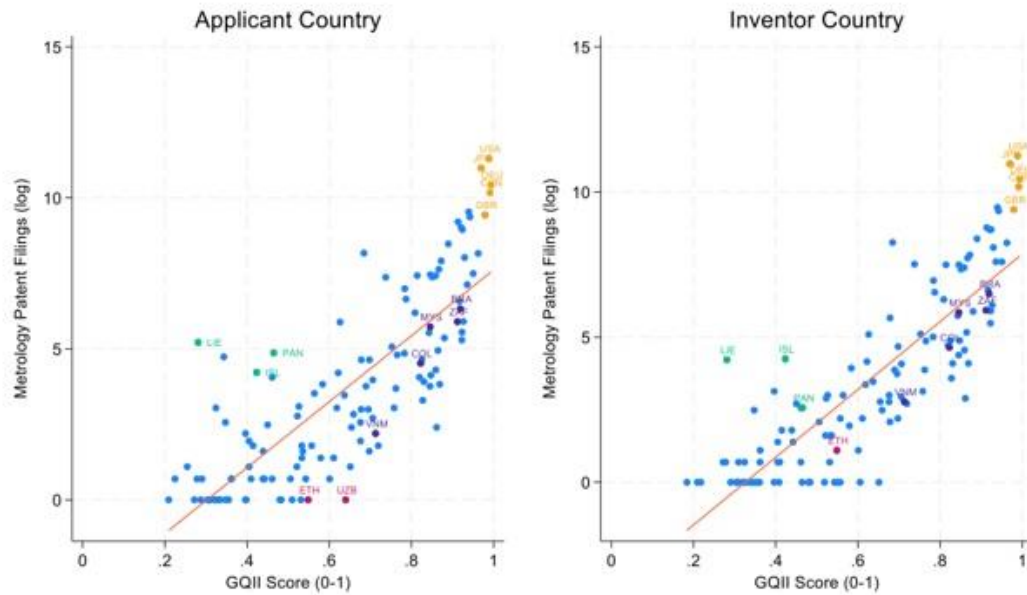
Bảng 1. Kết quả tương quan: Nguồn: Tác giả tự biên soạn bằng cách sử dụng dữ liệu từ GQII và EPO-PATSTAT Mức độ ý nghĩa: * $p \leq 0,05$, ** $p \leq 0,01$, *** $p \leq 0,001$.

Biến số	Hệ số tương quan – Hồ sơ nộp bằng sáng chế đo lường – Quốc gia của người nộp đơn	Hệ số tương quan – Hồ sơ sáng chế đo lường – Quốc gia của nhà phát minh
Tổng điểm GQII	0.3496***	0.3496***
Điểm số đo lường GQII	2.3468***	2.3366***
Số lượng phòng hiệu chuẩn trong nước được công nhận theo ISO 17025	0.6642***	0.6674***
Số lượng chương trình key comparisons đã tham gia (so	0.6792***	0.6829***

sánh chính)		
Số lượng chương trình supplementary comparisons đã tham gia (so sánh bổ sung)	0.4672***	0.4721***
Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMCs)	0.6518***	0.6562***
Khối lượng và các đại lượng liên quan	0.5782***	0.5822***
Điện và từ trường	0.5549***	0.5458***
Độ dài	0.3693**	0.3666**
Tần số và thời gian	0.2373	0.2427
Nhiệt	0.3297**	0.3304**
Quang học và bức xạ	0.4539**	0.4531**
Lưu lượng	0.7557***	0.7619***
Âm thanh và rung động	0.0013	0.0056
Hóa học	0.4996***	0.5107***

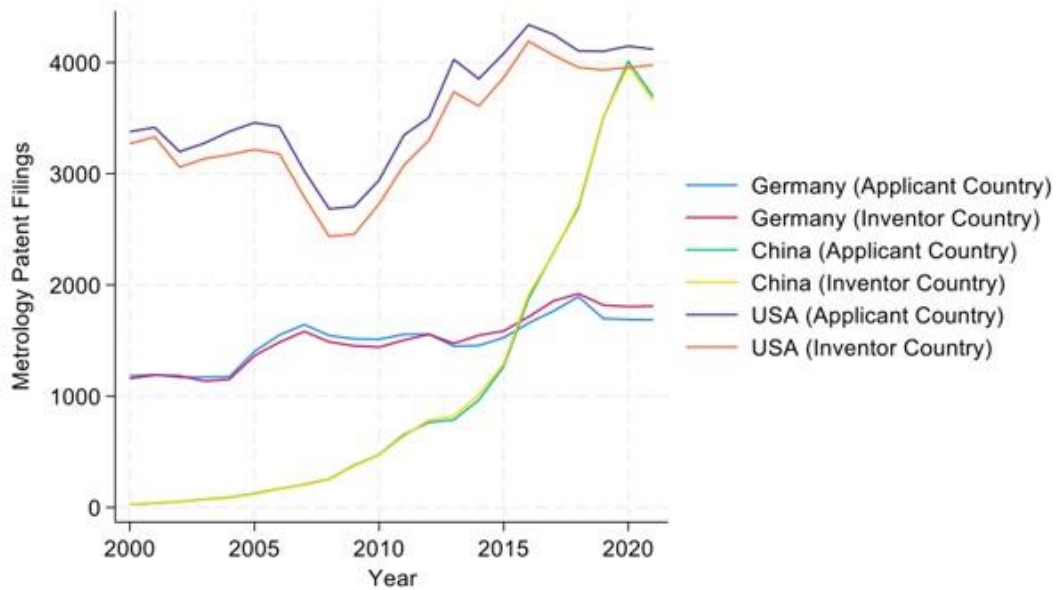
Đầu tiên, Ann Ramkissoon và cộng sự đã xem xét mối quan hệ giữa các hồ sơ cấp bằng sáng chế đo lường và tổng điểm GQII. Các hệ số tương quan cho thấy mối quan hệ tích cực và có ý nghĩa, mặc dù ở mức độ vừa phải. Điều này cho thấy rằng trong khi các quốc gia có điểm GQII cao hơn có xu hướng có nhiều bằng sáng chế đo lường hơn, thì một số yếu tố khác lại làm nhiễu loạn mối quan hệ này.

Hình 1 cho thấy 5 quốc gia đứng đầu trong số 185 quốc gia trong bảng xếp hạng GQII (Đức, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Vương quốc Anh và Nhật Bản) có số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường cao nhất. Cũng phù hợp với kỳ vọng của tác giả là các quốc gia như Brazil (17), Nam Phi (20), Malaysia (33) và Colombia (39), nằm trong top 50 của bảng xếp hạng GQII và cũng có số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường cao. Tuy nhiên, vẫn có một số trường hợp ngoại lệ, với các quốc gia như Panama (99), Iceland (110) và Lichtenstein (164) xếp hạng tương đối thấp trong GQII trong khi có số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường cao. Ngược lại, các quốc gia như Uzbekistan (67) và Ethiopia (83) được xếp hạng cao trong GQII trong khi có số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường rất thấp.



Hình 1. Hồ sơ cấp bằng sáng chế đo lường theo điểm GQII: Nguồn: Tác giả tự biên soạn bằng cách sử dụng dữ liệu từ GQII và EPO-PATSTAT.

Hình 2 cho thấy sự phân bố của các đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường tại Đức, Trung Quốc và Hoa Kỳ từ năm 2000 đến năm 2021. Đức, quốc gia đứng đầu trong GQII với tổng điểm là 99,37% và có bề dày phát triển QI, có số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường tăng vừa phải trong giai đoạn này. Trong tập dữ liệu của Ann Ramkissoo và cộng sự, Đức có số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường cao thứ ba, lần lượt xếp sau Hoa Kỳ và Nhật Bản. Trung Quốc đứng thứ hai trong GQII, với tổng điểm là 99,12%. Mặc dù bắt đầu với số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường rất thấp, nhưng đã có sự gia tăng đáng kể từ năm 2015 đến năm 2020, đưa Trung Quốc trở thành quốc gia có số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường cao thứ tư trong tập dữ liệu thu thập được. Hoa Kỳ đứng thứ ba trong GQII với tổng điểm là 98,85%. Hoa Kỳ đã duy trì vị trí dẫn đầu vượt trội về số lượng đơn xin cấp bằng sáng chế đo lường, vượt xa các quốc gia khác trong giai đoạn này. Tuy nhiên, vị thế này có thể sớm bị thách thức khi Trung Quốc tiếp tục đà tăng trưởng.



Hình 2. Hồ sơ cấp bằng sáng chế đo lường cho Đức, Trung Quốc và Hoa Kỳ – 2000-2021: Nguồn: Tác giả tự biên soạn bằng cách sử dụng dữ liệu từ GQII và EPO-PATSTAT.

Sau đó, Ann Ramkissoo và cộng sự xem xét mối quan hệ giữa hồ sơ cấp bằng sáng chế đo lường và chỉ số phụ về đo lường trong GQII. Tương tự như vậy, hệ số tương quan là dương, trung bình và có ý nghĩa thống kê.

Các tác giả đã đi sâu hơn vào các chỉ số nhỏ tạo nên thành phần đo lường của GQII để xem liệu có mối quan hệ nào giữa chúng và hồ sơ nộp bằng sáng chế đo lường hay không. Hệ số tương quan cho thấy mối quan hệ tích cực mạnh mẽ giữa số lượng phòng hiệu chuẩn được công nhận theo ISO 17025 và hồ sơ nộp bằng sáng chế đo lường. Tương tự như vậy, có mối quan hệ tích cực mạnh mẽ giữa tổng số khả năng đo và hiệu chuẩn (CMCs) trong một quốc gia và hồ sơ nộp bằng sáng chế đo lường. Khi xem xét kỹ hơn mối quan hệ giữa CMCs và hồ sơ nộp bằng sáng chế đo lường, chúng ta thấy rằng các tác động mạnh hơn đối với các lĩnh vực đo lường sau: khối lượng và các đại lượng liên quan, điện và từ trường, và Lưu lượng. Các tác động vừa phải cũng có thể thấy đối với độ dài, nhiệt, quang học và bức xạ, và hóa học. Kết quả không đáng kể đối với tần số và thời gian, âm thanh và rung động. Cuối cùng, có một mối quan hệ vừa phải giữa tổng số so sánh bổ sung mà một quốc gia tham gia và hồ sơ nộp bằng sáng chế đo lường. Tất cả các mối tương quan đều có ý nghĩa thống kê ở mức thông thường.

Ý nghĩa của những mối tương quan này cho thấy các biến khác, đặc biệt là số lượng phòng hiệu chuẩn được công nhận theo ISO 17025, số lượng so sánh chính và số lượng CMCs, có thể là những đại diện tốt hơn cho sự phát triển của phép đo lường. Tuy nhiên, việc truy cập dữ liệu về những đại diện này với chuỗi thời gian đủ dài và ở mức độ chi tiết cần thiết cho phân tích thống kê chặt chẽ hơn vẫn còn là một thách thức.

Văn phòng quốc tế về cân đo (BIPM) thu thập dữ liệu về CMCs, cũng như về các so sánh chính và bổ sung. Tuy nhiên, chỉ một số dữ liệu này có thể truy cập được trên Cơ sở dữ liệu so sánh chính (KCDB) của BIPM. Ví dụ: chỉ có thể tải xuống dữ liệu gần đây nhất về tổng số CMCs được phân chia theo quốc gia, khu vực đo lường và tổ chức đo lường khu vực (RMO) (Ramkissoon và Harmes-Liedtke, 2024). Tuy nhiên, dữ liệu này không được chia nhỏ theo năm. Mặc dù không thể truy cập trực tiếp cho cộng đồng, dữ liệu theo dõi theo thời gian dường như có sẵn từ năm 2000 đến nay. Dữ liệu các năm của CMCs có thể được tải xuống cho từng quốc gia. Tuy nhiên, phải thực hiện từng quốc gia một, vì không có tùy chọn nào để tải xuống dữ liệu này cho nhiều quốc gia cùng lúc.

Về các so sánh chính và bổ sung, tình hình dữ liệu cũng tương tự. Mặc dù dữ liệu có sẵn từ khoảng năm 2000 đến nay, nhưng không được cung cấp theo định dạng tạo điều kiện thuận lợi cho phân tích thống kê. Có thể tải xuống dữ liệu gần đây từ KCDB về tổng số so sánh chính và bổ sung được phân tách theo khu vực đo lường và RMO (Ramkissoon và Harmes-Liedtke, 2024). Ngoài ra, dữ liệu tổng hợp về số lượng so sánh chính và bổ sung có sẵn cho từng quốc gia, với tùy chọn chọn nhiều quốc gia cùng lúc. Tuy nhiên, không có phân tích dữ liệu hàng năm ở cấp quốc gia. Mặc dù có thể phân tích dữ liệu hàng năm, nhưng nó tổng hợp tất cả các quốc gia thành một tổng số duy nhất, do đó mất đi độ chi tiết cần thiết cho phân tích thống kê.

Một rào cản lớn hơn nữa là việc tiếp cận dữ liệu chuỗi thời gian ở cấp quốc gia về số lượng phòng hiệu chuẩn được công nhận theo ISO 17025. Nhóm GQII đã thu thập dữ liệu này bằng cách gửi bảng câu hỏi đến các Cơ quan công nhận (AB) trên toàn thế giới. Các bảng câu hỏi đã hoàn thành sau đó được đối chiếu với dữ liệu được công bố trên trang web của AB. Đối với các AB không phản hồi, nhóm GQII dựa vào dữ liệu có sẵn trên trang web của họ. Toàn bộ quá trình này tốn nhiều thời gian và công sức, trở nên khó khăn hơn do sự khác biệt đáng kể về cách trình bày dữ liệu, khả năng truy cập, phạm vi và tần suất mà các AB cập nhật trang web của họ. Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm quốc tế (ILAC) thu thập dữ liệu về số lượng phòng hiệu chuẩn được công nhận theo ISO 17025 cho báo cáo thường niên của mình (Ramkissoon và Harmes-Liedtke, 2024). Có sẵn dữ liệu theo thời gian ít nhất 15 năm; tuy nhiên, dữ liệu này chỉ được trình bày dưới dạng đồ họa trong báo cáo và không được công khai ở định dạng cho phép phân tích thống kê. Hơn nữa, không rõ liệu dữ liệu do ILAC thu thập có được phân tách theo cấp quốc gia hay không. Với điều này, chúng ta chỉ có thể chắc chắn rằng dữ liệu cấp quốc gia cho chỉ số cụ thể này có sẵn cho những năm mà GQII được thu thập.

Tóm lại, trong khi các chỉ số như số lượng phòng hiệu chuẩn được công nhận theo ISO 17025, số lượng so sánh chính và số lượng CMC có thể đóng vai trò là đại diện mạnh hơn cho sự phát triển của ngành đo lường so với số lượng bằng sáng chế về đo lường được nộp, Ann Ramkissoon và cộng sự không thể tiếp tục điều tra những mối quan hệ này do những hạn chế về dữ liệu. Do đó,

những khoảng trống dữ liệu này cản trở khả năng kiểm tra đóng góp của QI vào tăng trưởng kinh tế của nhóm nghiên cứu Ann Ramkissoo và cộng sự. Việc giải quyết những hạn chế về dữ liệu này sẽ cho phép khám phá mạnh mẽ hơn về vai trò của QI trong phát triển kinh tế và hỗ trợ các quyết định đầu tư và chính sách dựa trên bằng chứng cho QI.

Nguồn: <https://qi4d.org/2024/11/14/the-relationship-between-metrology-patents-and-quality-infrastructure/>

Tác giả Ann Ramkissoo: Nhà kinh tế phát triển đến từ Trinidad và Tobago. Hiện đang sống tại Florence, Ý. Bằng thạc sĩ về Kinh tế phát triển của Đại học Göttingen và Đại học Florence. Bằng cử nhân về Kinh tế, Chính trị và Nghiên cứu quốc tế của Đại học Warwick. Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi Tiến sĩ Peter Neuhäusler (Viện nghiên cứu hệ thống và đổi mới Fraunhofer ISI) và Tiến sĩ Abhishek Saurav (Ngân hàng Thế giới).

\\ Nguồn: Ủy ban TCĐLCL



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024

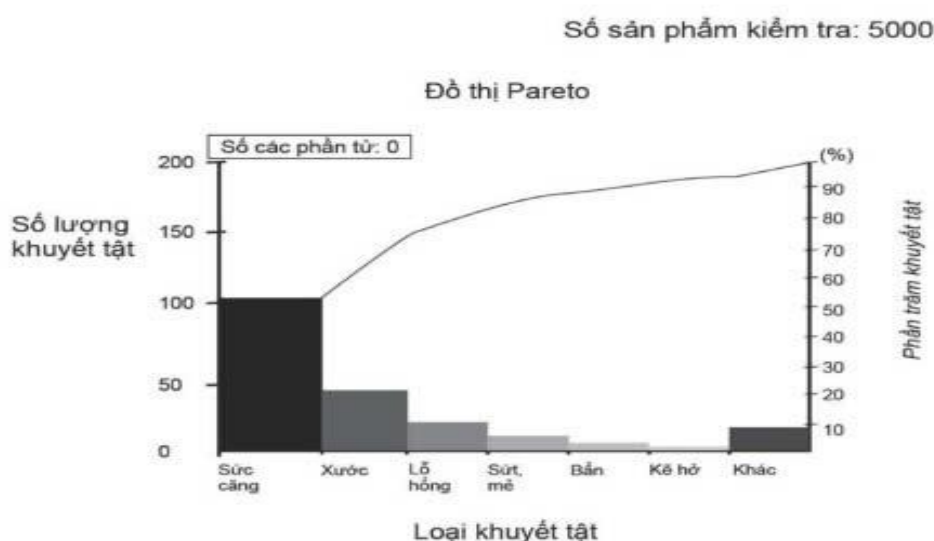


I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Các bước áp dụng biểu đồ Pareto tăng năng suất

Biểu đồ Pareto sử dụng các cột để minh họa những hiện tượng và nguyên nhân, nhóm lại các dạng như là khuyết tật, tái sản xuất, sửa chữa, khiếu nại, tai nạn và hỏng hóc.

Biểu đồ Pareto được xây dựng dựa trên học thuyết Pareto (tên của một nhà kinh tế học người Ý). Tiến sĩ Juran (Mỹ) đã ứng dụng phương pháp này vào lĩnh vực quản lý chất lượng để phân loại các vấn đề về chất lượng thành vấn đề trọng yếu và thứ yếu. Ông chỉ ra rằng, phần lớn khuyết tật và chi phí chất lượng cho các khuyết tật này xuất phát từ một số ít nguyên nhân trong số nhiều nguyên nhân.



Biểu đồ Pareto.

Biểu đồ Pareto sử dụng các cột để minh họa những hiện tượng và nguyên nhân, nhóm lại các dạng như là khuyết tật, tái sản xuất, sửa chữa, khiếu nại, tai nạn và hỏng hóc. Đường gấp khúc được thêm vào để chỉ ra tần suất tích lũy. Biểu đồ Pareto sắp xếp các dạng khuyết tật trên trục X theo tần số, số khuyết tật hoặc tổng sai lỗi và tổng tích lũy của chúng trên trục Y.

Biểu đồ Pareto được sử dụng rộng rãi để lựa chọn các vấn đề và đối tượng nghiên cứu và khảo sát tại giai đoạn lập kế hoạch của quá trình giải quyết vấn đề về chất lượng và để xác nhận kết quả của hoạt động khắc phục khi các hành động này đã được thực hiện. Từ biểu đồ Pareto cho thấy: Hạng mục nào quan trọng nhất; Hiểu được mức độ quan trọng; Để nhận ra tỉ lệ một số hạng

mục trong số các hạng mục; Mức cải tiến đạt được sau khi thực hiện hoạt động cải tiến; Dễ dàng thuyết phục về một vấn đề nào đó khi chỉ cần nhìn trên biểu đồ.

Áp dụng biểu đồ doanh nghiệp cần thực hiện 9 bước. Bước 1, xác định vấn đề cần nghiên cứu (Ví dụ các hạng mục khuyết tật), dữ liệu cần thu thập, phương pháp và thời gian thu thập dữ liệu (Ví dụ dạng khuyết tật, vị trí, quá trình, máy móc, con người và phương pháp); Bước 2, sắp xếp bảng dữ liệu theo các hạng mục; Bước 3, điền vào bảng tính dữ liệu và tính toán tổng số; Bước 4, lập bảng dữ liệu cho biểu đồ Pareto theo các hạng mục, tổng số từng hạng mục, tổng số tích lũy, phần trăm tổng thể và phần trăm tích lũy.



Bước 5, sắp xếp các hạng mục khuyết tật theo số lượng giảm dần và điền vào bảng dữ liệu; Bước 6, vẽ trục tung và trục hoành. Trục tung: Bên trái trục tung, đánh dấu vào trục, chia từ 0 đến tổng số các khuyết tật; Bên phải trục tung, đánh dấu vào trục, chia từ 0% đến 100%. Trục hoành: Chia trục hoành thành các khoảng theo số các loại khuyết tật đã được phân loại; Bước 7, xây dựng biểu đồ cột.

Bước 8: Vẽ đường cong tích lũy. Đánh dấu các giá trị tích lũy (tổng tích lũy hay phần trăm tích lũy) ở phía trên bên phải khoảng cách của mỗi hạng mục, nối các điểm bằng một đường cong. Bước cuối, viết các chi tiết cần thiết trên biểu đồ. Các chi tiết liên quan tới biểu đồ: Tiêu đề, các con số quan trọng, đơn vị, tên người vẽ biểu đồ. Các hạng mục liên quan tới dữ liệu: thời gian thu thập dữ liệu, chủ đề và địa điểm nghiên cứu, tổng số dữ liệu.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Yêu cầu về sơ chế, chế biến thực phẩm Halal theo TCVN 12944:2020

TCVN 12944:2020 là tài liệu để các tổ chức, cá nhân tham khảo trong việc thực hành sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm Halal và là nền tảng cho việc tiếp cận các tiêu chuẩn hiện hành trên thế giới cũng như cơ sở cho việc chứng nhận sản phẩm.

Halal là thị trường có tiềm năng rất lớn, mở ra cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất nông sản, thực phẩm thâm nhập. Tuy nhiên, thị trường Halal có tiêu chuẩn rất khắt khe, bởi vậy doanh nghiệp cần trang bị kiến thức cần thiết về tiêu chuẩn đối với các sản phẩm này.

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12944:2020: Thực phẩm Halal - Yêu cầu chung là một trong những tiêu chuẩn quan trọng, nhằm đưa ra định nghĩa đối với một số thuật ngữ liên quan đến Halal và các yêu cầu đối với nguồn thực phẩm này (quá trình sơ chế, chế biến, bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản cũng như an toàn thực phẩm).



Halal là thị trường có tiềm năng rất lớn, mở ra cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam. (Ảnh minh họa)

TCVN 12944:2020 là tài liệu để các tổ chức, cá nhân tham khảo trong việc thực hành sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm Halal và là nền tảng cho việc tiếp cận các tiêu chuẩn hiện hành trên thế giới cũng như cơ sở cho việc

chứng nhận sản phẩm.

Trong đó, đối với quá trình sơ chế, chế biến, tiêu chuẩn này nêu rõ về các yêu cầu chung như sau: Không sử dụng các thành phần hoặc sản phẩm từ động vật không phải là halal hoặc từ động vật halal nhưng được giết mổ không theo Luật Hồi giáo; Không sử dụng các thành phần bị coi là najis (najis - những chất bẩn theo Luật Hồi giáo); dụng cụ, thiết bị được sử dụng phải không bị ô nhiễm bởi najis;

Trong quá trình sơ chế, chế biến, cần tách biệt hoàn toàn thực phẩm halal với mọi thực phẩm khác không đáp ứng yêu cầu hoặc mọi chất bị coi là najis; Sản phẩm phải an toàn để tiêu dùng, không chứa độc tố, không bị nhiễm độc tố và không gây hại đến sức khỏe con người.

Đồng thời, cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm halal phải tạo điều kiện cho tín đồ Hồi giáo thực hiện việc hành lễ trong thời gian làm việc; Cơ sở giết mổ và chế biến phải dành riêng để giết mổ động vật halal và chế biến thực phẩm halal.

Bên cạnh đó, về yêu cầu đối với thiết bị, dụng cụ sử dụng trong sơ chế, chế biến, TCVN 12944:2020 cũng nêu rõ: Thiết bị, dụng cụ dùng trong sơ chế, chế biến thực phẩm halal phải được thiết kế, chế tạo để dễ làm sạch; không được làm từ vật liệu là najis hoặc chứa vật liệu là najis và chỉ sử dụng vật liệu dùng cho thực phẩm halal;

Không sử dụng chung thiết bị, dụng cụ dùng cho sơ chế, chế biến thực phẩm halal và sơ chế, chế biến thực phẩm không halal; Thiết bị, dụng cụ đã từng dùng để sơ chế, chế biến thực phẩm bị coi là najis al-mughallazah (những chất bẩn nghiêm trọng) như sản phẩm từ chó, lợn hoặc đã từng tiếp xúc với najis al-mughallazah thì thiết bị, dụng cụ đó phải được rửa sạch và sertu theo Luật Hồi giáo;

Nếu chuyển đổi dây chuyền chế biến najis al-mughallazah hoặc dây chuyền chế biến có chứa najis al-mughallazah thành dây chuyền chế biến halal thì dây chuyền đó phải được làm sạch bằng sertu (rửa bảy lần với nước tự nhiên (mutlaq), trong đó có một lần rửa bằng nước trộn với đất). Không được chuyển đổi qua lại giữa dây chuyền halal và dây chuyền najis al-mughallazah; Không được sử dụng thiết bị hoặc bàn chải từ lông động vật bị cấm; Thiết bị, dụng cụ dùng trong sơ chế, chế biến phải được làm sạch và bảo trì thường xuyên.

Nguồn: Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14178:2024 về cá ngừ đông lạnh

Cá ngừ đông lạnh là sản phẩm mang lại nhiều giá trị dinh dưỡng cho sức khỏe. Xong để bảo quản, chế biến và bao gói sản phẩm này cũng nên tuân theo các yêu cầu theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14178:2024.

Trong số các sản phẩm cá ngừ xuất khẩu của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cá ngừ đông lạnh luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng giá trị xuất khẩu.

Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, các sản phẩm thịt/loin cá ngừ đông lạnh đã xuất được sang hơn 70 thị trường trên thế giới. Trong đó Mỹ, EU, Nga, Canada và Israel lần lượt là 5 thị trường nhập khẩu nhiều nhất nhóm sản phẩm này của Việt Nam. Tại thị trường Mỹ, xuất khẩu các sản phẩm thịt/loin cá ngừ đông lạnh có xu hướng tăng trưởng liên tục.

Xong để ngành cá ngừ đông lạnh giữ vững được vị thế xuất khẩu sang các thị trường khó tính thì trong quá trình cấp đông, bảo quản, bao gói sản phẩm nên đáp ứng những yêu cầu theo tiêu chuẩn.

Theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14178:2024 Cá ngừ đông lạnh do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc Gia thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố, đối với các cơ sở sản xuất cá ngừ đông lạnh phải đáp ứng các quy định hiện hành về bảo đảm điều kiện vệ sinh và an toàn thực phẩm. Yêu cầu đối với cá ngừ nguyên liệu phải có đầy đủ hồ sơ đáp ứng các quy định hiện hành. Đối với cá ngừ nguyên liệu ở dạng tươi ướp lạnh hoặc đã qua bảo quản lạnh luôn duy trì ở nhiệt độ từ -1°C đến 4°C đáp ứng các chỉ tiêu cảm quan theo TCVN 12153:2018. Đối với cá ngừ nguyên liệu ở dạng đông lạnh, luôn duy trì nhiệt độ bảo quản đảm bảo tâm thịt ở phần dày nhất đạt -18°C hoặc thấp hơn. Quá trình sơ chế phải đảm bảo được tiến hành sạch, càng nhanh càng tốt. Nhiệt độ phòng sơ chế luôn duy trì thấp hơn 21°C.

Chỉ sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng trong thực phẩm, đáp ứng các quy định hiện hành về mức sử dụng tối đa và cách thức sử dụng. Nhiệt độ phòng xử lý phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến luôn được duy trì từ -1°C đến 4°C và thời gian xử lý không quá 48h.



Cá ngừ đông lạnh nên phải đáp ứng các chỉ tiêu cảm quan, màu sắc và bảo quản theo tiêu chuẩn. Ảnh minh họa

Trong quá trình chỉnh hình và bao gói, nhiệt độ ở tâm phần dày nhất của sản phẩm luôn duy trì không quá 4°C. Bao bì được làm bằng vật liệu đáp ứng các quy định hiện hành về đảm bảo an toàn thực phẩm. Quá trình cấp đông được coi là hoàn thành khi nhiệt độ ở tâm thịt phần dày nhất đạt -18°C hoặc thấp hơn.

Căn cứ vào chỉ tiêu cảm quan, sản phẩm cá ngừ đông lạnh được phân làm 4 hạng: hạng 1; hạng 2; hạng 3 và hạng 4. Các chỉ tiêu cảm quan của sản phẩm cá ngừ đông lạnh sau khi đã đông được quy định về ngoại quan cá phải có bề mặt thịt sáng bóng, khối thịt trong. Vân mỡ các lớp ngoài rõ ràng đối với chỉ tiêu hạng 1; hạng 2 bề mặt thịt của cá ít bóng, trong, tươi, chỉ thấy vân mỡ ở lớp ngoài; Hạng 3 thịt không bóng, kém tươi sáng, không thấy vân mỡ; Hạng 4 thịt không bóng, không tươi sáng, không thấy vân mỡ.

Về màu sắc cá hạng 1 không bổ sung phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến có màu đỏ hồng đến tím sẫm; Cá hạng 2 bổ sung phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến đỏ hồng đến đỏ tươi, không bổ sung phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến đỏ hồng đến tím sẫm; Cá hạng 3 bổ sung phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến màu thịt xin và đục, không bổ sung phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến màu hơi nâu; Cá hạng 4 bổ sung phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến: màu thịt xin và đục, cá không bổ sung phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến có màu nâu.

Về cấu trúc cơ thịt hạng 1 phải chắc, đàn hồi nhanh chóng khi nhấn nhẹ bằng đầu ngón tay, không có điểm mềm trên bề mặt thịt; Hạng 2 thịt chắc, đàn hồi từ từ khi nhấn nhẹ bằng đầu ngón tay, có một hoặc hai điểm mềm rất nhỏ trên bề mặt thịt; Hạng 3 thịt kém chắc, không đàn hồi lại hoàn toàn khi nhấn nhẹ bằng đầu ngón tay. Một số điểm mềm nhỏ trên bề mặt thịt; Cá hạng 4 thịt mềm, không đàn hồi lại khi nhấn nhẹ bằng đầu ngón tay, vác vùng mềm lớn

trên bề mặt thịt.

Cá hạng 1 và 2 phải có vị ngọt thịt đậm đà, không vị chua; Hạng 3 ngọt thịt vừa bắt đầu cảm nhận được vị chua của thịt; Hạng 4 có vị ngọt thịt nhẹ, vị chua nhẹ. Về mùi vị ở 3 hạng có mùi tươi đặc trưng của cá, không có mùi lổ; Hạng 4 mất mùi tươi đặc trưng của cá.

Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong sản phẩm cá ngừ đông lạnh phải đáp ứng quy định hiện hành. Giới hạn cho phép đối với hàm lượng histamin, giới hạn ô nhiễm vi sinh vật, ghi nhãn sản phẩm trong sản phẩm cá ngừ đông lạnh được quy định theo quy định hiện hành tại tiêu chuẩn này.

Theo tiêu chuẩn này hướng dẫn thì cá ngừ đông lạnh phải được bảo quản, vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và duy trì nhiệt độ tâm thịt ở phần dày nhất đạt -18°C hoặc thấp hơn. Sản phẩm phải có đầy đủ hồ sơ truy xuất nguồn gốc theo quy định hiện hành.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: Cơ hội để doanh nghiệp thành công bền vững

Tham dự buổi họp báo có ông Lê Xuân Định – Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Hội đồng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, ông Trần Hậu Ngọc – Phó Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, ông Phùng Mạnh Trường – Phó Viện trưởng Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam cùng các thành viên trong Hội đồng Giải thưởng Chất lượng quốc gia.

Qua 28 năm hình thành và phát triển, Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG) đã thu hút sự quan tâm đặc biệt và tạo được uy tín đối với các tổ chức/doanh nghiệp, cơ quan quản lý cũng như người tiêu dùng trong xã hội; Tôn vinh xứng đáng những doanh nghiệp xuất sắc, duy trì ổn định một cách toàn diện và khẳng định vị thế cạnh tranh không chỉ với thị trường trong nước mà đã vươn tầm quốc tế nhờ quá trình nỗ lực cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tối ưu và phát triển bền vững.

Đến nay đã có 2.163 lượt doanh nghiệp đạt GTCLQG. Trong đó, năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã tặng GTCLQG cho 61 doanh nghiệp, năm 2022 có 49 doanh nghiệp và năm 2023 có 23 doanh nghiệp.



Ông Lê Xuân Định – Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Hội đồng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

Phát biểu tại buổi họp báo, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Lê Xuân

Định cho biết, sau đại dịch Covid - 19, doanh nghiệp của Việt Nam đứng trước thách thức chưa từng có trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực của chính mình cùng sự đồng hành của Chính phủ, nhiều doanh nghiệp vẫn đứng vững và tạo đà phát triển. Các doanh nghiệp tiếp tục đạt được thành công, không chỉ trong tổng thể các kết quả nói chung mà về cả năng suất và chất lượng sản phẩm. Trong đó có những doanh nghiệp tiêu biểu được Thủ tướng Chính phủ tặng GTCLQG năm 2021, 2022 và 2023.

“Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam sẽ có nhiều doanh nghiệp đủ năng lực, kết quả hoạt động tiêu biểu đáp ứng các tiêu chí của GTCLQG, giúp cộng đồng doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh. Sự gia tăng số lượng doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí của GTCLQG chính là cơ sở để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trên trường quốc tế và cũng là niềm tự hào của cộng đồng doanh nghiệp Việt”, Thủ tướng nhấn mạnh.

Thủ tướng cũng mong muốn cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị và cá nhân tiếp tục ủng hộ, tham gia và đồng hành cùng GTCLQG, góp phần mang lại những hoạt động thiết thực, tương xứng với uy tín và bề dày của Giải thưởng cũng như thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia “Hỗ trợ doanh nghiệp Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 đến 2030” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2020, để thúc đẩy hoạt động năng suất và chất lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế.

Để GTCLQG đóng góp nhiều hơn nữa cho phong trào năng suất - chất lượng, Thủ tướng Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Cơ quan Thường trực của Giải thưởng tiếp tục triển khai có hiệu quả hơn nữa hoạt động GTCLQG.

Một là, định hướng cho doanh nghiệp tiếp cận giải thưởng như là một công cụ quan trọng, để đánh giá toàn diện hiệu suất của hệ thống quản trị theo các chuẩn mực quốc tế. Thông qua các tiêu chí giải thưởng, doanh nghiệp có thể phát hiện ra các điểm cần cải thiện, từ đó làm cơ sở nâng cao năng lực cạnh tranh, định hướng phát triển bền vững. Đây cũng chính là giá trị cốt lõi mà Giải thưởng đem lại cho doanh nghiệp Việt Nam khi họ áp dụng mô hình GTCLQG vào quản trị doanh nghiệp.

Hai là, tổ chức các buổi chia sẻ những cách làm hay, kết quả ổn định và xuất sắc của các doanh nghiệp được vinh danh đến với cộng đồng. Đây cũng chính là trách nhiệm của doanh nghiệp đạt giải, góp phần lan tỏa những kinh nghiệm và thành công để cộng đồng doanh nghiệp cùng phát triển.



Ông Trần Hậu Ngọc – Phó Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia.

Cũng tại buổi họp báo, ông Trần Hậu Ngọc – Phó Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia cho biết, thực tiễn qua gần 30 năm cho thấy, doanh nghiệp đạt Giải thưởng là những doanh nghiệp điển hình về áp dụng thành công các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến, đạt kết quả sản xuất, kinh doanh nổi bật. Đồng thời, đây là những doanh nghiệp đi đầu tham gia trong phong trào năng suất – chất lượng, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội và hội nhập quốc tế.

Các tổ chức/doanh nghiệp được đề xuất GTCLQG hầu hết là doanh nghiệp có uy tín tại địa phương. Nhiều doanh nghiệp có sản phẩm và dịch vụ được cung cấp trên toàn quốc hoặc xuất khẩu tới nhiều nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Một số doanh nghiệp có vị thế dẫn đầu trong ngành, lĩnh vực hoạt động, có vị thế cạnh tranh mạnh mẽ trong khu vực và quốc tế.

Trong bối cảnh tình hình sản xuất kinh doanh có nhiều khó khăn do các cuộc xung đột trên thế giới, đứt gãy chuỗi cung ứng, nhiều thị trường xuất khẩu lớn đang có nguy cơ suy thoái, đơn hàng bị cắt giảm, thiếu vốn... các tổ chức/doanh nghiệp được thẩm định đều chủ động thực hiện nhiều giải pháp thích ứng, tiết giảm chi phí, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin,... duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhiều tổ chức/doanh nghiệp đã giữ vững được mức tăng trưởng và đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, chất lượng sản phẩm được nâng cao, duy trì quan hệ tốt với khách hàng và nhà cung ứng, tạo sự phát triển bền vững cho tổ chức/doanh nghiệp.

Các tổ chức/doanh nghiệp được đề xuất GTCLQG đều đang áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến theo tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, GMP, HACCP... và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng như KPIs, 5S, Kaizen, LEAN, ERP... để kiểm soát và nâng cao hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh; tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật và

thể hiện trách nhiệm tích cực đối với cộng đồng và địa phương.

Các tổ chức/doanh nghiệp đã nhận thức ngày càng rõ hơn vai trò của quản lý chất lượng nói chung và ý nghĩa, mục đích của việc tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia nói riêng với việc áp dụng 07 tiêu chí của Giải thưởng như một công cụ giúp tổ chức/doanh nghiệp tự đánh giá và hoàn thiện mô hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các tổ chức/doanh nghiệp và Hội đồng sơ tuyển các tỉnh/thành phố đều mong muốn có sự hỗ trợ và động viên từ phía cơ quan quản lý nhà nước (thông qua việc xét tặng GTCLQG và công tác khen thưởng, tuyên truyền cho các hoạt động của GTCLQG). Từ đó tạo được vị thế và uy tín cho Giải thưởng cũng như góp phần nâng cao hiệu quả của phong trào nâng suất chất lượng trên toàn quốc.



Buổi họp báo Lễ trao Giải thưởng Chất lượng Quốc gia diễn ra sáng 12/12.

Lễ trao GTCLQG, Giải thưởng Chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương năm 2021 - 2023 sẽ được tổ chức vào ngày 18/12/2024 tại Nhà hát Quân đội, Lễ trao sẽ được đưa tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và tường thuật trực tiếp trên truyền hình. Tham dự chương trình có Lãnh đạo Nhà nước và Chính phủ, đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành, cơ quan và đại diện các doanh nghiệp đạt Giải.

Nguồn: Vietq.vn



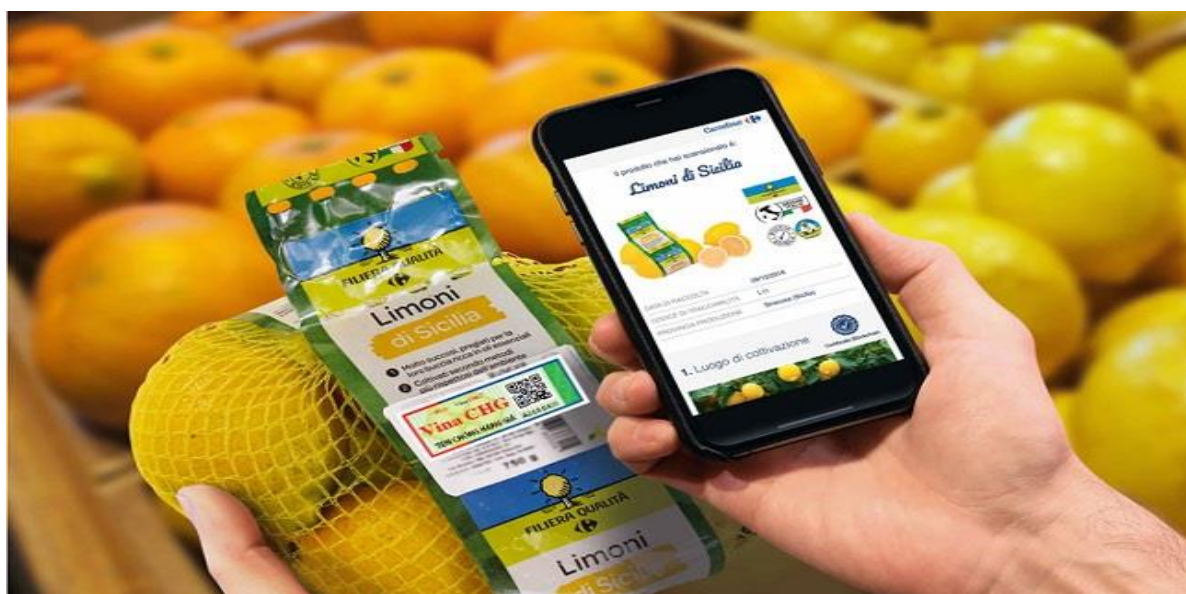
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Yêu cầu về định danh đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc theo TCVN 12850:2019

Về yêu cầu định danh đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc, theo TCVN 12850:2019, tổ chức phải định danh đơn nhất các đối tượng truy xuất. Việc định danh các đối tượng truy xuất có thể theo 3 mức định danh chính: Định danh loại sản phẩm; Định danh lô, mẻ; Định danh đơn vị.



Truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Ảnh minh họa.

Truy xuất nguồn gốc là khả năng xác định một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn theo thời gian trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Hệ thống truy xuất nguồn gốc bao gồm hoạt động định danh sản phẩm, thu thập và lưu trữ thông tin về trạng thái của sản phẩm theo thời gian, địa điểm nhằm quản lý thông tin về chất lượng và an toàn thực phẩm.

Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc hiệu quả là biện pháp hữu hiệu giúp doanh nghiệp, tổ chức quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý chất lượng và an toàn sản phẩm; quản lý mối quan hệ tương tác trong nội bộ cũng như với các bên tham gia trong chuỗi cung ứng, minh bạch thông tin và nâng cao uy tín doanh nghiệp.

Theo đó, tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12850:2019 về Truy xuất nguồn gốc - Yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo Tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc GS1 (GS1 Global

traceability Standard (Ver 2.0)).

Về phạm vi áp dụng, tiêu chuẩn quy định các yêu cầu chung đối với hệ thống truy xuất nguồn gốc trong một tổ chức cũng như toàn bộ chuỗi cung ứng, được áp dụng cho tất cả lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, không phân biệt quy mô của tổ chức, chuỗi cung ứng. Đồng thời, tiêu chuẩn này được áp dụng đồng thời với các tiêu chuẩn quốc gia về truy xuất nguồn gốc cho từng lĩnh vực, sản phẩm.

Trong đó, đối với yêu cầu định danh hệ thống truy xuất nguồn gốc, theo TCVN 12850:2019, tổ chức phải định danh đơn nhất các đối tượng truy xuất. Việc định danh các đối tượng truy xuất có thể theo 3 mức định danh chính:

Định danh loại sản phẩm: Đối tượng được định danh bằng mã định danh sản phẩm và bộ phận, cho phép phân biệt đối tượng với các sản phẩm hoặc bộ phận khác.

Định danh lô, mẻ: Mã định danh sản phẩm hoặc cấu phần kết hợp với số lô hoặc mẻ để giới hạn số lượng đối tượng có thể truy xuất có cùng mã định danh thành một nhóm cụ thể nhỏ hơn.

Định danh đơn vị: Đối tượng truy xuất được xác định bằng mã định danh kèm số seri để giới hạn số lượng đối tượng truy xuất có cùng mã định danh thành một đơn vị đơn nhất.

Cần lưu ý rằng, các mục tiêu của hệ thống truy xuất nguồn gốc và bản thân chuỗi cung ứng là tiêu chí chính để xác định mức định danh phù hợp; Các sản phẩm và thành phần liên quan đến rủi ro cao luôn được xác định ở mức lô, mẻ hoặc mức đơn vị; Hệ thống truy xuất nguồn gốc có thể áp dụng kết hợp nhiều mức định danh; Các yêu cầu định danh được xác định trong tiêu chuẩn quốc gia cụ thể về truy xuất nguồn gốc của lĩnh vực, sản phẩm (nếu có).

Ngoài ra, đối với yêu cầu về tính đa dạng, tổ chức phải xác định đầy đủ nhu cầu, mục tiêu khi thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc. Các mục tiêu và nhu cầu của tổ chức có thể bao gồm thông tin về chất lượng, an toàn sản phẩm, vai trò trong chuỗi cung ứng, môi trường pháp lý và kinh doanh, chiến lược giá, lợi nhuận và các công nghệ cho phép có sẵn.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Vượt qua khó khăn, xuất, nhập khẩu nỗ lực về đích tháng cuối năm

Dự báo về xuất khẩu trong tháng cuối cùng của năm 2024 còn nhiều khó khăn, rủi ro từ các yếu tố khách quan nhưng xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đang nỗ lực về đích đồng thời hướng tới những kỷ lục mới.

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp và khó lường với nhiều rủi ro, bất ổn. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt; căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia tác động đến hòa bình, ổn định trên thế giới, làm suy giảm hệ thống thương mại, đầu tư, sản xuất và tiêu dùng. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế thế giới có xu hướng tích cực nhờ áp lực lạm phát giảm dần, nhu cầu hàng hóa tăng trở lại. Trong bối cảnh đó, với các chính sách đồng bộ của Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất trong nước, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt kết quả tích cực, duy trì mức tăng khá cao và là một trong những điểm sáng của nền kinh tế năm 2024.

Trong tháng Mười Một, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 66,4 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước và tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung mười một tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 715,55 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,4%; nhập khẩu tăng 16,4%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,31 tỷ USD.



Vượt qua khó khăn, xuất, nhập khẩu nỗ lực về đích tháng cuối năm.

Sau nhiều tháng liên tục tăng cao trên 10% so với cùng kỳ năm trước kể từ tháng 3/2024, trong đó có những tháng tăng cao trên 20% (tháng 3 tăng 11,3%, tháng 4 tăng 15,1%, tháng 5 tăng 20,3%, tháng 6 tăng 17,9%, tháng 7 tăng 22,5%, tháng 8 tăng 16,3%, tháng 9 tăng 10%, tháng 10 tăng 11,8%), đến tháng Mười Một, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu chỉ còn tăng 9% so với cùng kỳ năm trước đã cho thấy những khó khăn nhất định trong hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam. Đây cũng là thách thức không nhỏ cho thương mại quốc tế trong tháng 12, tháng cuối năm để có thể về đích với những kỷ lục mới.

Trong tháng 11, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 33,73 tỷ USD, giảm 5,3% so với tháng trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,85 tỷ USD, giảm 4,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 23,88 tỷ USD, giảm 5,7%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Mười Một tăng 8,2%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 13,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 6,1%. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 32,67 tỷ USD, giảm 2,8% so với tháng trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 12,38 tỷ USD, giảm 2,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 20,29 tỷ USD, giảm 3,0%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Mười Một tăng 9,8%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 15,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 6,8%.

Tính chung mười một tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 369,93 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 103,88 tỷ USD, tăng 20,0%, chiếm 28,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 266,05 tỷ USD, tăng 12,4%, chiếm 71,9%. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 345,62 tỷ USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh

tế trong nước đạt 126,05 tỷ USD, tăng 18,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 219,57 tỷ USD, tăng 15,2%.

Đáng chú ý là tuy tốc độ nhập khẩu tăng mạnh hơn so với xuất khẩu nhưng cán cân thương mại 11 tháng năm nay vẫn xuất siêu 24,31 tỉ USD. Trong cơ cấu nhập khẩu, nhập khẩu tư liệu sản xuất chiếm 93,7%, nhập khẩu hàng tiêu dùng chiếm 6,3%. Nhập khẩu tăng hơn xuất khẩu cho thấy doanh nghiệp đang đẩy mạnh nhập khẩu để chuẩn bị cho kế hoạch sản xuất, xuất khẩu trong tháng 12/2024 và những tháng đầu năm 2025.

Trong mười một tháng năm 2024 có 36 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 94,1% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 7 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66,5%); có 44 mặt hàng nhập khẩu đạt giá trị trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 92,6% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 5 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 51,4%).

Nhiều mặt hàng đã “về đích” sớm với kim ngạch xuất, nhập khẩu 11 tháng vượt mức cả năm 2023. Về xuất khẩu, đáng chú ý là tất cả các mặt hàng nông sản có giá trị xuất khẩu lớn đều đã vượt mức xuất khẩu của cả năm 2023: Thủy sản đạt 9,2 tỷ USD, vượt 2,2% so với cả năm 2023; rau quả đạt 6,6 tỷ USD, vượt 18,2%; gạo đạt 5,3 tỷ USD, vượt 13,4%; cà phê đạt 4,9 tỷ USD, vượt 16,3%; hạt điều đạt 4 tỷ USD, vượt 9,2%; hạt tiêu đạt 1,2 tỷ USD, vượt 33,7%; chè đạt 235 triệu USD, vượt 12,9%; Ngoài ra còn một số mặt hàng khác cũng đã vượt mức xuất khẩu của cả năm 2023: Hàng điện tử, máy tính và linh kiện đạt 65,2 tỷ USD, vượt 13,8%; dệt may đạt 33,7 tỷ USD, vượt 1%; giày, dép đạt 20,8 tỷ USD, vượt 2,6%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 14,7 tỷ USD, vượt 9,1%; sản phẩm từ chất dẻo đạt 6,1 tỷ USD, vượt 17,2%; sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ đạt 3 tỷ USD, vượt 19,1%; hóa chất đạt 2,5 tỷ USD, vượt 5,3%; chất dẻo nguyên liệu đạt 2,5 tỷ USD, vượt 13,1%.

Về nhập khẩu là các mặt hàng: Hàng điện tử, máy tính và linh kiện đạt 97,7 tỷ USD, vượt 11,1%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác đạt 44,2 tỷ USD, vượt 6,3%; vải đạt 13,6 tỷ USD, vượt 4,3%; sắt thép đạt 11,5 tỷ USD, vượt 10,3%; chất dẻo đạt 10,6 tỷ USD, vượt 8,7%; điện thoại và linh kiện đạt 9,4 tỷ USD, vượt 7,8%; sản phẩm chất dẻo đạt 8 tỷ USD, vượt 6,8%; dầu thô đạt 7,5 tỷ USD, vượt 5,7%; nguyên, phụ liệu dệt, may, giày dép đạt 6,5 tỷ USD, vượt 8,3%; sản phẩm từ sắt thép đạt 5,9 tỷ USD, vượt 10,1%; tân dược đạt 3,9 tỷ USD, vượt 12,8%; rau quả đạt 2,1 tỷ USD, vượt 8,2%. Ngoài ra còn một số mặt hàng khác cũng đã vượt mức năm 2023 là: Phân bón, cao su gỗ và sản phẩm từ gỗ, giấy, sợi, sản phẩm từ kim loại thường khác, hàng điện gia dụng và linh kiện, dây điện và cáp điện.

Trong số các mặt hàng xuất, nhập khẩu năm nay, nổi bật lên là mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện với tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 163 tỷ USD, trong đó kim ngạch nhập khẩu 11 tháng đã đạt 97,7 tỷ USD. Đây chắc chắn sẽ là mặt hàng đầu tiên của Việt Nam đạt giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu trên 100 tỷ USD. Nhập siêu mặt hàng này cũng khá lớn, đạt 32,5 tỷ USD trong 11 tháng năm 2024. Mặt hàng dẫn đầu về xuất siêu là điện thoại các loại và linh

kiện, đạt 41 tỷ USD.

Một điểm đáng chú ý nữa trong 11 tháng là tổng kim ngạch xuất khẩu đã đạt mức 369,93 tỷ USD, vượt qua kim ngạch xuất khẩu cả năm 2023 là 354,72 tỷ USD và chỉ kém mức kỷ lục năm 2022 gần 2 tỷ USD (kim ngạch xuất khẩu năm 2022 đạt 371,72 tỷ USD). Đến thời điểm này, có thể khẳng định kim ngạch xuất khẩu năm 2024 sẽ đạt kỷ lục mới là vượt mức 400 tỷ USD. Nền kinh tế nước ta đã mất nhiều năm để vượt mốc xuất khẩu 100 tỷ USD vào năm 2012, sau đó thêm 5 năm để vượt mốc 200 tỷ USD vào năm 2017 và 4 năm để vượt mốc 300 tỷ USD vào năm 2021. Tiếp theo, chỉ sau 3 năm kim ngạch xuất khẩu lại tăng thêm 100 tỷ USD, đạt mốc 400 tỷ USD. Đây có thể coi là một cột mốc đáng ghi nhận cho những nỗ lực phát triển thương mại quốc tế của Việt Nam.

Năm 2024, kinh tế thế giới đã khởi sắc hơn năm 2023, lạm phát tại nhiều nền kinh tế lớn có xu hướng giảm khiến nhu cầu thế giới tăng lên. Đây là nguyên nhân quan trọng nhất giúp xuất khẩu của Việt Nam đạt kết quả tích cực. Các doanh nghiệp, gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và doanh nghiệp trong nước đều có sự chuẩn bị kỹ lưỡng ngay ở thời điểm còn khó khăn để sẵn sàng đón nhận cơ hội; khi nhu cầu thế giới tăng trở lại trong năm nay, doanh nghiệp lập tức đẩy mạnh xuất khẩu. Một số thị trường xuất, nhập khẩu chủ yếu trong 11 tháng năm 2024 đạt mức tăng trưởng khả quan.

Trung Quốc giữ vững là thị trường có quan hệ thương mại hai chiều lớn nhất trong 11 tháng năm 2024, ước tính bộ đạt 185,4 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó, xuất khẩu ước đạt 55,2 tỷ USD, giảm 0,9%, nhập khẩu ở vị trí dẫn đầu với ước tính kim ngạch 130,2 tỷ USD, tăng 29,7%. Cán cân thương mại với Trung Quốc đạt nhập siêu 75 tỷ USD, tăng 67,7 %.

Hoa Kỳ đứng ở vị trí thứ 2 với ước tính 122,4 tỷ USD về thương mại hai chiều, tăng 21,8% so với cùng kỳ 2023, trong đó, xuất khẩu đạt 108,9 tỷ USD, tăng 23,9%, nhập khẩu ước đạt 13,5 tỷ USD, tăng 7,3%. Xuất siêu sang thị trường Hoa kỳ đứng ở vị trí dẫn đầu với 95,4 tỷ USD, tăng 26,7%.

ASEAN có kim ngạch 2 chiều ước đạt 76 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu đạt giá trị 33,7 tỷ USD, tăng 13,4%, nhập khẩu đạt 42,3 tỷ USD, tăng 13,4%. Nhập siêu từ thị trường ASEAN ước tính đạt 8,5 tỷ USD, tăng 13,3%.

Hàn Quốc là thị trường có kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 74,5 tỷ USD, tăng 7,4%, trong đó xuất khẩu ước đạt 23,4 tỷ USD, tăng 8,7% (1,9 tỷ USD), nhập khẩu ước đạt 51,1 tỷ USD, tăng 6,8%, nhập siêu từ Hàn Quốc đạt 27,7 tỷ tăng 5,2%.

Thị trường EU có kim ngạch 2 chiều ước đạt 62,6 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu ước đạt 47,3 tỷ USD, tăng 18,1%, nhập khẩu đạt 15,3 tỷ USD, tăng 12,4%. Xuất siêu sang thị trường EU đạt giá trị 32 tỷ USD, tăng 21,1%.

Nhật Bản có kim ngạch hai chiều ước đạt 42,1 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu đạt 22,3 tỷ USD, tăng 4,8% và nhập khẩu đạt 19,7 tỷ USD, giảm 0,3%. Xuất siêu sang thị trường Nhật Bản ước đạt 2,6 tỷ USD, tăng 70%.

Về cán cân thương mại hàng hóa, sơ bộ tháng Mười xuất siêu 2,03 tỷ USD; mười tháng xuất siêu 23,25 tỷ USD; tháng Mười Một sơ bộ xuất siêu 1,06 tỷ USD. Tính chung mười một tháng năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ xuất siêu 24,31 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 26,2 tỷ USD), góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ lớn cho cán cân thanh toán quốc tế. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 22,17 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 46,48 tỷ USD.

Trong tháng cuối năm, đề hoạt động xuất, nhập khẩu “về đích” đạt và vượt mục tiêu đã đặt ra, chúng ta cần tiếp tục tập trung khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã có hiệu lực và ký kết, triển khai các Hiệp định mới để mở rộng, đa dạng hóa thị trường, mặt hàng xuất nhập khẩu, chuỗi cung ứng; tăng cường khai thác các thị trường lân cận, còn tiềm năng, chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch gắn với xây dựng thương hiệu, thúc đẩy xuất khẩu bền vững; tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm củng cố thể chế về phòng vệ thương mại hướng tới bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế; tiếp tục nâng cao việc sử dụng hiệu quả công cụ phòng vệ thương mại để bảo vệ ngành sản xuất trong nước và hỗ trợ hiệu quả các ngành xuất khẩu của Việt Nam ứng phó hiệu quả các vụ việc phòng vệ thương mại của nước ngoài.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Xây dựng tiêu chuẩn riêng về dán nhãn dinh dưỡng cho thực phẩm

Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc và New Zealand (FSANZ) đang xem xét và trong quá trình xây dựng một tiêu chuẩn dành riêng về dán nhãn dinh dưỡng cho các loại thực phẩm.

Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc và New Zealand (FSANZ) hiện đang trong quá trình đánh giá xây dựng tiêu chuẩn về ghi nhãn dinh dưỡng ở mặt trước và mặt sau bao bì, nhằm đem đến cho người tiêu dùng những thông tin dinh dưỡng cần thiết, từ đó giúp người dùng có thể lựa chọn những loại thực phẩm tốt cho sức khỏe.

Ngoài ra, FSANZ cũng đã bắt đầu triển khai chương trình áp dụng hệ thống Xếp hạng sao sức khỏe (HSR) nhằm xếp hạng cho các loại thực phẩm và đồ uống đóng gói. Mục đích của Xếp hạng sao sức khỏe là cung cấp sự so sánh trực quan giữa các sản phẩm tương tự, để hỗ trợ người tiêu dùng phân biệt và lựa chọn các lựa chọn lành mạnh hơn. Hệ thống này được thiết kế để nhắm đến những người thường lựa chọn sử dụng đồ đóng hộp, những người không có thời gian chuẩn bị đồ ăn mà vẫn muốn đảm bảo chất lượng dinh dưỡng.



Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc và New Zealand sẽ xây dựng tiêu chuẩn về ghi nhãn dinh dưỡng

Công tác HSR sẽ được tiến hành song song với việc xem xét bảng thông tin dinh dưỡng (Nutrition information panels - NIP) ở mặt sau của thực phẩm đóng gói. Các thông tin NIP trên nhãn thực phẩm hiện nay cung cấp thông tin

về lượng năng lượng trung bình tính bằng kilocalo (kcal), cũng như các chất dinh dưỡng sau:

Chất đạm; Chất béo; Chất béo bão hòa; Cacbohydrat; đường; Natri — một thành phần của muối.

Ngoài ra, NIP cũng sẽ bao gồm thông tin về các chất dinh dưỡng khác nếu có. Ví dụ, nếu một loại thực phẩm có gắn mác “nguồn chất xơ tốt” thì lượng chất xơ trong hộp thực phẩm phải được thể hiện bằng con số định lượng cụ thể trong NIP. Mặt khác, NIP phải được trình bày theo định dạng chuẩn thể hiện lượng trung bình trên mỗi khẩu phần và trên 100 g, hoặc 100 mL nếu là chất lỏng.

Đối với các loại đồ uống cũng sẽ được đề xuất dán nhãn riêng, đặc biệt là loại đồ uống có cồn. FSANZ cũng đang xem xét loại dán nhãn công bố thông tin về hàm lượng năng lượng theo định dạng quy định trên nhãn của đồ uống có cồn đóng gói. Nếu được hội đồng chấp nhận, người tiêu dùng có thể dễ dàng so sánh thông tin trên các loại đồ uống. Đặc biệt, đối với những loại đồ uống có cồn chứa carbohydrate và đường cũng sẽ được FSANZ xem xét để xây dựng một mẫu dán nhãn riêng.

Tổng giám đốc điều hành FSANZ, Tiến sĩ Sandra Cuthbert rất hoan nghênh việc tham gia đóng góp ý kiến từ các bên liên quan nhằm xây dựng một tiêu chuẩn chung nhất về dán nhãn thực phẩm và đồ uống để tất cả các công ty, doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có thể áp dụng. Đồng thời, cơ quan này cũng sẽ nhanh chóng triển khai cập nhật và hoàn thiện để bản tiêu chuẩn được đi vào thực tiễn sớm nhất, dự kiến áp dụng trong năm 2025.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Quản lý trực quan - công cụ cải tiến giải quyết vấn đề, nâng cao năng suất lao động

Áp dụng công cụ quản lý trực quan giúp tổ chức, doanh nghiệp dễ dàng phát hiện những vấn đề có thể xảy ra tại nơi sản xuất chỉ bằng quan sát, từ đó là cơ sở để nâng cao năng suất, đồng thời nâng cao ý thức và sự hài lòng với công việc của người lao động.

Trong bối cảnh sản xuất công nghiệp thế giới cạnh tranh toàn cầu hóa hiện nay, duy trì sản xuất liên tục, giảm thiểu lãng phí hoặc các tổn thất luôn là mục tiêu hàng đầu của các nhà sản xuất. Sự bất hợp lý trong quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm kém, lưu kho, sản xuất dư thừa... luôn là ưu tiên hàng đầu phải giải quyết của các chương trình cải tiến. Bên cạnh đó, một hình thức lãng phí khác thường xảy ra ở sản xuất công nghiệp là hoạt động tìm kiếm và sai lỗi của người lao động. Quản lý trực quan chính là một công cụ cải tiến nhằm tập trung giải quyết các vấn đề đó.

Quản lý trực quan là một công cụ cải tiến bằng cách sử dụng hình ảnh để giúp mọi vấn đề tại nơi sản xuất được hiển thị một cách trực quan. Mục tiêu của Quản lý trực quan là dễ dàng phát hiện những vấn đề có thể xảy ra tại nơi sản xuất chỉ bằng quan sát, từ đó là cơ sở để nâng cao năng suất, đồng thời nâng cao ý thức và sự hài lòng với công việc của người lao động.

Nhằm khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có, Quản lý trực quan được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Quản lý trực quan là một phương pháp bao gồm những hoạt động tập trung vào việc nhận diện thiết bị, khu vực để nguyên liệu, bán thành phẩm... được thực hiện bởi những thành viên thuộc các chức năng khác nhau trong công việc, đặc biệt là thành viên thuộc nhóm vận hành sản xuất và nhóm bảo dưỡng thiết bị nhằm đảm bảo sự sẵn sàng cho sản xuất liên tục.



Đồng thời, Quản lý trực quan là một kỹ thuật quản lý giúp truyền đạt và nhận biết thông tin một cách nhanh chóng bằng cách sử dụng tín hiệu hình ảnh thay vì một văn bản viết hoặc đánh máy thường dùng. Theo kinh nghiệm quản lý sản xuất, thông tin được truyền đạt hiệu quả nhất thông qua thị giác. Do đó, sử dụng phương pháp Quản lý trực quan cho phép các công nhân có được thông tin đầy đủ về các quy trình sản xuất, tiến độ và các thông tin quan trọng khác, người công nhân nhanh chóng hiểu thông tin được truyền đạt, đặc biệt là những thông tin quan trọng để tăng hiệu quả công việc.

Quản lý trực quan giúp cho việc kiểm soát và quản lý của một công tác đơn giản nhất có thể. Các vấn đề, sự bất thường, hoặc sai lệch so với tiêu chuẩn được hiển thị trực quan đến tất cả mọi người. Khi những sai lệch được nhìn thấy một cách rõ ràng, tổ chức có thể thực hiện những hành động ngay lập tức để sửa chữa khắc phục kịp thời.

Quản lý trực quan là một kỹ thuật để kiểm soát các hoạt động hay quá trình dễ dàng thực hiện hơn hoặc hiệu quả hơn bằng cách sử dụng có chủ ý của các tín hiệu thị giác.

Quản lý trực quan đưa ra các chỉ dẫn đơn giản, rõ ràng và dễ nhìn thấy mà có thể ngay lập tức chỉ ra tình trạng của quá trình, nguồn lực hay toàn bộ khu vực làm việc có liên quan tới một kế hoạch hay mục tiêu rõ ràng bằng “Một bức tranh có thể thay cả nghìn từ”.

Phương pháp Quản lý trực quan nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của một quá trình bằng cách làm cho các bước trong quá trình đó có thể nhìn thấy rõ hơn. Lý thuyết cơ sở của Quản lý trực quan là nếu một cái gì đó rõ ràng là có thể nhìn thấy, nó rất dễ dàng để nhớ và lưu giữ trong tâm trí.

Một khía cạnh khác của Quản lý trực quan là tất cả mọi người được đưa ra các tín hiệu thị giác tương tự nhau và do đó có thể hiểu giống nhau. Những tín hiệu truyền thông tin bằng phương pháp trực quan có thể có hình thức, dạng

trực quan đơn giản như sử dụng màu sắc để phân biệt các nhóm sản phẩm, các loại sản phẩm hoặc các nhóm công việc, hoặc hình thức phức tạp hơn như các bảng hiển thị điện tử, các hộp Canban (dạng thẻ truyền thông tin sản xuất và vận chuyển) và Heijunka (cân bằng chuyên sản xuất) và nhiều ví dụ đa dạng khác.



Các công cụ trực quan thường ở các hình thức như: *Hình thức hiển thị trực quan*: Hình thức hiển thị trực quan cho dấu hiệu nhận biết giúp cho người công nhân tránh được sai sót trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, điều này dựa trên một nghiên cứu cho thấy rằng hơn 83% thông tin mà con người thu nhận được thông qua thị giác. Bởi vậy, bằng cách tạo ra các dấu hiệu nhận biết, tác động trực tiếp tới thị giác của người lao động sẽ giúp giảm các sai lầm vô ý của con người trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hình thức cảnh báo trực quan: Có thể thực hiện cảnh báo bằng màu sắc do màu sắc tạo ra sự tương phản và từ đó tác động trực tiếp tới thị giác của người lao động, bởi vậy sử dụng màu sắc để giúp người lao động nhìn ra các vấn đề trong hoạt động sản xuất là rất cần thiết. Ngoài ra, các chỉ số dùng để kiểm soát hay báo hiệu điều chỉnh cho thành viên nhóm. Các bảng biểu có thể bao gồm cả thông tin về tiến độ sản xuất, thông tin theo dõi chất lượng...

Ví dụ các bảng mà chỉ thị giới hạn kiểm soát nhiệt độ hay tốc độ giúp người vận hành thiết bị nhanh chóng phát hiện khi quá trình vận hành vượt mức cho phép. Thẻ Kanban là một ví dụ khác về kiểm soát bằng trực quan.

Hình thức chỉ dẫn trực quan: Hình thức này giúp truyền đạt các quy trình sản xuất hay luồng vật tư được quy định. Chẳng hạn, việc sử dụng các ô vẽ trên nền nhà xưởng để phân biệt khu vực chứa vật liệu sử dụng được với phế phẩm hay các chỉ dẫn luồng di chuyển nguyên vật liệu và bán thành phẩm trên mặt bằng xưởng. Để thực hiện Quản lý trực quan tại nơi sản xuất cũng như khu vực dịch vụ thì việc xác định tên hàng hóa, bao gồm: Hàng thành phẩm, sản phẩm sản xuất dở dang, sản phẩm loại bỏ là rất cần thiết, điều này sẽ giúp

tránh sử dụng nhầm lẫn các loại sản phẩm này để đưa vào sản xuất, kinh doanh.

Quản lý trực quan bước đầu phải bằng việc gắn tên nhãn phù hợp cho nguyên vật liệu, sản phẩm, dụng cụ, hồ sơ - tài liệu. Đó là cách thức trực quan hóa, giúp người sử dụng dễ dàng nhận biết, từ đó sử dụng đúng ngay từ đầu cũng như giảm thời gian tìm kiếm, nâng cao năng suất lao động

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Thu hồi gần 500.000 bộ sạc dự phòng thương hiệu Charmast do nguy cơ cháy nổ

Công ty Shenzhen Charmast Technology Co., Ltd. (Charmast) vừa thông báo thu hồi tự nguyện gần 500.000 bộ pin sạc dự phòng được bán trên sàn thương mại điện tử Amazon vì nguy cơ gây cháy nổ.

Ủy ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng Hoa Kỳ (CPSC) cho biết trong một thông cáo trên trang web của mình rằng, Charmast có trụ sở tại Trung Quốc đã nhận được 44 báo cáo về tình trạng sạc dự phòng quá nóng đến mức nguy hiểm, bao gồm bốn báo cáo về việc người tiêu dùng bị bỏng hoặc phỏng rộp.

Về phía Charmast xác nhận, pin lithium-ion trong mẫu sạc dự phòng mang số hiệu Model W1056 có khả năng quá nhiệt, làm tăng nguy cơ hỏa hoạn và gây bỏng. Trước tình hình đó, công ty kêu gọi người dùng sở hữu mẫu pin này ngừng sử dụng ngay lập tức và đăng ký thu hồi để nhận hoàn tiền.

Việc thu hồi lần này chỉ áp dụng cho sản phẩm Model W1056 được bán trên Amazon.com (Mỹ). Các mẫu pin sạc dự phòng khác của Charmast hoặc sản phẩm bán tại các quốc gia khác không bị ảnh hưởng.



Mẫu pin sạc dự phòng nằm trong diện thu hồi. (Ảnh: Charmast)

Người dùng có thể dễ dàng kiểm tra mã model được in ở mặt sau thiết bị. Nếu

mã model hiển thị là W1056 và sản phẩm được mua trên Amazon.com (Mỹ), thiết bị nằm trong diện thu hồi.

Charmast đã cung cấp hướng dẫn chi tiết để người tiêu dùng kiểm tra và gửi yêu cầu thu hồi. Các bước thực hiện bao gồm: Chuẩn bị bằng chứng mua hàng, số đơn hàng Amazon; Chụp ảnh sản phẩm, hiển thị rõ mã model W1056 ở mặt sau, kèm theo tên và ngày viết bằng bút lông không phai trên thiết bị. Người dùng có thể đăng ký yêu cầu thu hồi thông qua biểu mẫu trực tuyến hoặc liên hệ trực tiếp với email hỗ trợ của Charmast.

Charmast cam kết hoàn tiền cho khách hàng sau khi xác minh yêu cầu. Thời gian xử lý cụ thể sẽ được thông báo qua email dựa trên số lượng yêu cầu nhận được mỗi tháng.

Đại diện Charmast nhấn mạnh, an toàn của người tiêu dùng luôn là ưu tiên hàng đầu. Việc thu hồi lần này không chỉ nhằm giảm thiểu rủi ro mà còn là lời cam kết về trách nhiệm của công ty đối với khách hàng.

Thông báo này là lời cảnh báo quan trọng cho người dùng, nhất là trong bối cảnh các thiết bị công nghệ ngày càng phổ biến nhưng tiềm ẩn nguy cơ khó lường. Charmast kêu gọi người tiêu dùng kiểm tra thiết bị của mình và thực hiện các bước cần thiết để đảm bảo an toàn cho bản thân và gia đình.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Đẩy mạnh công tác quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa ngành TCĐLCL

Thời gian qua, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia đã thực hiện tốt công tác chuyên môn về cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và hướng dẫn, tuyên truyền, giải đáp các vướng mắc cho các tổ chức, cá nhân, địa phương các vấn đề liên quan đến kiểm tra chuyên ngành, rà soát danh mục hàng hóa nhóm 2, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp...

Trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, năm 2024, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia tiếp tục hướng dẫn các bộ, ngành, Chi cục TCĐLCL tỉnh, thành phố, tổ chức doanh nghiệp và cá nhân thực hiện đầy đủ quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) dưới luật, giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình triển khai, áp dụng liên quan đến hoạt động đánh giá sự phù hợp (ĐGSPH) và quản lý chất lượng SPHH, đặc biệt là SPHH nhóm 2 của Bộ KH&CN quản lý.

Trong đó, Ủy ban đã thực hiện tốt công tác chuyên môn về cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp, giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và hướng dẫn, tuyên truyền, giải đáp vướng mắc cho các tổ chức, cá nhân, địa phương các vấn đề liên quan đến kiểm tra chuyên ngành, rà soát danh mục hàng hóa nhóm 2, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp.

Thực hiện hoạt động kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước và một số Bộ, ngành, địa phương theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đặc biệt, Ủy ban đã hướng dẫn 05 địa phương áp dụng thí điểm TCVN ISO 18091 và tổ chức đào tạo, tập huấn về TCVN ISO 18091; tổ chức cuộc họp trực tuyến với 63 địa phương để phổ biến về việc xây dựng, áp dụng thí điểm TCVN ISO 18091. Ủy ban đã phối hợp với Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ để xây dựng, hoàn thiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ

về việc triển khai áp dụng thí điểm tiêu chuẩn này (Công văn số 1833/BKHCN-TĐC ngày 31/5/2024 của Bộ KH&CN).



Ảnh minh họa.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Công văn số 8192/VPCP-CN đề ngày 20/10/2023 của Văn phòng Chính phủ giao Bộ KH&CN "Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu kiến nghị của Hiệp hội Thép Việt Nam căn cứ kinh nghiệm quốc tế và yêu cầu thực tế của Việt Nam, rà soát khung khổ pháp lý hiện hành, trong đó có Thông tư số 58/2015/TTLT-BCT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 về quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu để kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp; trường hợp có nội dung vượt thẩm quyền thì đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ".

Thực hiện chỉ đạo nêu trên của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà, Bộ KH&CN đã làm việc với các Bộ, ngành liên quan, Hiệp hội thép Việt Nam để có văn bản tham mưu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà theo yêu cầu (Công văn số 4257/BKHCN-TĐC ngày 30/10/2024).

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao về thúc đẩy cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN, cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và tạo thuận lợi thương mại. Duy trì việc thực hiện cơ chế một cửa quốc gia theo tiến độ và kế hoạch.

Mặc dù năm 2024 có sự chuyển đổi, sắp xếp mô hình từ Tổng cục sang Ủy ban, có vướng mắc về các VBQPPL trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), nhờ sự quan tâm của Lãnh đạo Bộ đến hiện nay hoạt động giải quyết TTHC về cơ bản đã giải quyết đáp ứng cho các tổ chức, cá nhân. Cụ thể: Hồ

sơ TTHC lĩnh vực đánh giá sự phù hợp nhận được là 785 hồ sơ (tăng gần 15% so với năm 2023); trong đó số hồ sơ TTHC đã giải quyết là 763 hồ sơ; số hồ sơ đang trong quá trình giải quyết là 22 hồ sơ; Hồ sơ giải quyết TTHC cấp phép hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (hóa chất nguy hiểm loại 4, loại 8) đã nhận được là 367 hồ sơ (tăng 35,9 % so với năm 2023).

Trong đó, số lượng hồ sơ TTHC đã giải quyết được 350 hồ sơ và hiện đang xử lý 17 hồ sơ trong thời hạn xử lý; Hồ sơ giải quyết TTHC trên về nhập khẩu hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm của Bộ KH&CN như xăng dầu, LPG, dầu nhờn động cơ là 4.400 hồ sơ, trong đó đã giải quyết 100% số lượng hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp theo quy định.

Nguồn: Vietq.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Kết quả triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2024

Năng suất và chất lượng (NSCL) là yếu tố then chốt trong quá trình nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. NSCL không chỉ bao gồm việc tăng năng suất lao động mà còn liên quan đến việc cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Để đạt được mục tiêu này, các doanh nghiệp cần áp dụng các phương pháp, công cụ quản lý tiên tiến như: Các hệ thống quản lý (ISO 9001, ISO 22000, ISO 56001, HACCP, VietGap/ GlobalGap,...), các công cụ cải tiến năng suất (5S – Kaizen, TPM, các công cụ kỹ thuật thống kê,...) trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc nâng cao NSCL không chỉ giúp tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa quy trình sản xuất mà còn mang lại những lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp, từ đó nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường.

Để tiếp tục thúc đẩy phong trào và hỗ trợ doanh nghiệp trong cải tiến NSCL, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030” tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 và UBND tỉnh Bình Định đã phê duyệt “Kế hoạch Thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định” tại Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 11/11/2020 với mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa và nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Trong năm 2024, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã tiếp tục triển khai một cách có hiệu quả “Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định” theo đúng các nội dung và tiến độ công việc được giao tại Quyết định số 149/QĐ-SKHCN ngày 10/5/2024 của Giám đốc Sở KH&CN. Cụ thể như sau:

- Tổ chức 01 đợt làm việc nhằm tuyên truyền, phổ biến và đánh giá tình hình hoạt động NSCL tại 08 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hoạt động trên địa bàn tỉnh. Dựa trên kết quả đánh giá tình hình hoạt động và nhu cầu tham gia Chương trình của doanh nghiệp, Chi cục đã đề xuất lựa chọn 02 doanh

ngành để hướng dẫn, hỗ trợ triển khai mô hình điểm áp dụng các công cụ cải tiến năng NSCL tại doanh nghiệp, gồm: Công ty TNHH Green Foods Việt Nam (xây dựng, áp dụng công cụ Duy trì năng suất toàn diện – TPM) và Công ty CP chế biến thực phẩm Kaizen (xây dựng, áp dụng công cụ cải tiến “5S – Kaizen”);

Quá trình hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng mô hình điểm tập trung vào các hoạt động cơ bản như: Tập huấn kiến thức; hướng dẫn xây dựng, hoàn thiện hệ thống tài liệu theo các yêu cầu của công cụ, hệ thống quản lý; tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá quá trình áp dụng tại doanh nghiệp; thực hiện các hành động khắc phục, cải tiến cần thiết (nếu có) và tiêu chuẩn hoá các liệu áp dụng tại doanh nghiệp. Việc xây dựng và áp dụng mô hình điểm về NSCL tại các doanh nghiệp thời gian qua, bước đầu đã mang lại một số hiệu quả nhất định, cụ thể: Môi trường làm việc của doanh nghiệp được cải thiện đáng kể; giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hạn chế thấp nhất số vụ tai nạn lao động hàng năm; giảm lãng phí sức lao động và thời gian thực hiện các thao tác của người lao động trong quá trình sản xuất; giảm chi phí bảo trì, sửa chữa và nâng cao hiệu suất hoạt động các trang thiết bị máy móc của doanh nghiệp,...góp phần đáng kể trong việc gia tăng NSCL hoạt động của doanh nghiệp, giúp công tác quản lý của người lãnh đạo doanh nghiệp được dễ dàng và hiệu quả hơn.



Hình ảnh về tập huấn và hướng dẫn doanh nghiệp triển khai áp dụng TPM

- Mặt khác, để tuyên truyền và hỗ trợ kiến thức về các hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất chất lượng cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, Chi cục đã phối hợp với Viện Năng suất Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng tổ chức 02 lớp đào tạo: “Hướng dẫn thực hành phương pháp năng suất xanh tại doanh nghiệp” cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và người lao động của các doanh nghiệp; “Giải pháp kiểm soát mối nguy an toàn thực phẩm trong chuỗi cung ứng để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng” cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Thông qua các lớp đào tạo này, các học viên có thể vận dụng kiến thức đã học để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng, nhất là việc hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng Năng suất Xanh sẽ đem

lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp thông qua loại bỏ các lãng phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo ra sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường, xây dựng doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng.

- Vận động, hỗ trợ 01 doanh nghiệp của tỉnh tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2024 (Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam – Chi nhánh Nhà máy 2 tại Bình Định).

- Trong năm, Chi cục đã cử 01 công chức tham gia khóa đào tạo “Chuyên gia năng suất” do Viện Năng suất Việt Nam tổ chức. Việc tham gia khóa đào tạo góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng cho công tác quản lý nhà nước cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để bổ sung nguồn lực chuyên gia NSCL cho tỉnh.

- Phối hợp với Cục Thống kê tỉnh tổ chức Hội thảo báo cáo kết quả chỉ số TFP và tốc độ tăng năng suất lao động năm 2023. Kết quả chỉ số TFP năm 2023 ước đạt 40,34% và tốc độ tăng năng suất lao động theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 9,63%. Hội thảo là cơ sở để hoàn thiện Báo cáo kết quả tính chỉ số TFP và năng suất lao động năm 2023 của tỉnh, qua đó đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm cải thiện mức độ đóng góp của các chỉ số này trong thời gian đến.



Hình ảnh về Hội thảo báo cáo kết quả chỉ số TFP và tốc độ tăng năng suất lao động năm 2023

Trong thời gian đến, để triển khai hiệu quả Quyết định số 1322/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 86/KH-UBND của UBND tỉnh, cần tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội về tầm quan trọng cũng như các hoạt động và giải pháp nâng cao NSCL;

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về NSCL phục vụ cải tiến và đổi mới mô hình quản lý sản xuất, kinh doanh đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn và đào tạo phổ biến kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm cải tiến NSCL, đổi mới sáng tạo và áp dụng các công cụ, giải pháp nâng cao NSCL.

Tổ chức Hội nghị tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch số 86/KH-UBND của UBND tỉnh nhằm đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2026-2030 theo Quyết định số 1322/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng mô hình điểm áp dụng các hệ thống, công cụ, giải pháp tiên tiến phù hợp với xu thế chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, đồng thời nhân rộng các mô hình điểm đã áp dụng thành công tại các doanh nghiệp trong thời gian qua nhằm hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã được phê duyệt và không ngừng nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 86/KH-UBND của UBND tỉnh.

Nguồn: Phòng QLTCCL



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

**Một số kết quả triển khai Đề án 100 trên địa bàn
tỉnh Bình Định năm 2024**

Trước những yêu cầu trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hoá của các doanh nghiệp và bộ ngành liên quan nói riêng, ngày 19 tháng 01 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-TTG phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (Đề án 100). Gần đây nhất, ngày 28 tháng 3 năm 2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN quy định về quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Trong đó, quy định rõ các nội dung về việc sử dụng mã truy vết sản phẩm, mã truy vết địa điểm và vật mang dữ liệu; hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ, giải pháp truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2024.

Nhằm nâng cao nhận thức về truy xuất nguồn gốc, đồng thời đảm bảo các thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm, hàng hóa công khai, minh bạch trên thị trường phù hợp theo quy định của pháp luật, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (gọi tắt là Chi cục) đã phối hợp với Trung tâm mã số mã vạch Quốc gia tổ chức tập huấn về truy xuất nguồn gốc. Tham gia tập huấn có đại diện của các sở, ngành, UBND cấp huyện, tổ chức, doanh nghiệp và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.



Làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp

Ngoài ra, Chi cục cũng đã tiến hành các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn xây dựng và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo địa chỉ: <http://binhdinh.txng.gov.vn> cho cán bộ, công nhân viên của các tổ chức doanh nghiệp, các hội viên của hợp tác xã thông qua các đợt làm việc tại cơ sở.



Tập huấn luyện truy xuất nguồn gốc tại hợp tác xã

Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở “Hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ cho các sản phẩm, hàng hóa phục vụ Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống TXNG trên địa bàn tỉnh năm 2024”, Chi cục đã hỗ trợ xây dựng khai hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm Gạo trắng BC15 của HTX Nông nghiệp Phước Hưng và Trứng gà Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Nông Trại Xanh. Các nội dung hỗ trợ bao gồm: Tập huấn giới thiệu về truy xuất nguồn gốc; tập huấn, hướng dẫn xây dựng quy trình TXNG sản phẩm Gạo trắng BC15 và Trứng gà; Tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm, cập nhật dữ liệu, thao tác trên Hệ thống TXNG tỉnh Bình Định; Hướng dẫn, thiết lập quy trình TXNG, kích hoạt quy trình, cập nhật dữ liệu trên Hệ thống TXNG tỉnh Bình Định; Hỗ trợ in tem QR code cho sản phẩm đầu ra hoàn thiện (3000 tem/sản phẩm).

Đồng thời, Chi cục cũng đã hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh 4 sản phẩm: yến, bưởi, xoài, dừa xiêm trong năm 2023 duy trì áp dụng truy xuất nguồn gốc, cập nhật dữ liệu vào phần mềm truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ 5000 tem QR code cho 04 sản phẩm: 1000 tem bưởi và 1000 tem dừa (HTX Thanh niên Hoài Ân), 2000 tem yến (Công ty TNHH Yến Mân: 1000 tem, Công ty TNHH Yến Quang: 500 tem, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại yến sào Tôn Thủy: 500 tem), 1000 tem xoài (Hộ sản xuất Nguyễn Ngọc).

Ngày 26/12/2024, Sở Khoa học Công nghệ chủ trì tổ chức Hội thảo khoa học về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ truy xuất nguồn gốc và kế hoạch triển khai Quy chế số 148 (Quy chế số 148/QC-SKHCN-SNNPTNT-SCT ngày 02/3/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương về việc phối hợp đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ cho các sản phẩm OCOP phát triển thành hàng hóa với năng suất cao, chất lượng tốt được sản xuất ở quy mô lớn, phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Định). Tham gia Hội thảo có 40 đại biểu là đại diện của các sở ban ngành (Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), đại diện Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, và các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tại Hội thảo, đại diện Chi cục đã báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ truy xuất nguồn gốc và kế hoạch triển khai Quy chế phối hợp đẩy mạnh ứng dụng ứng dụng khoa học và công nghệ cho các sản phẩm OCOP phát triển thành hàng hóa với năng suất cao, chất lượng tốt được sản xuất ở quy mô lớn, phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Định

trong năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hội thảo cũng được nghe báo cáo chuyên đề “Giới thiệu một số văn bản quy định về TXNG SPHH và hệ thống truy xuất nguồn gốc SPHH của tỉnh”, một số nội dung được đề cập trong báo cáo như:

- Giới thiệu một số văn bản quy định về TXNG SPHH;
- Các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về truy xuất nguồn gốc do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành (37 TCVN về truy xuất nguồn gốc);
- Một số nội dung quy định về quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá được quy định Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
- Giới thiệu Hệ thống truy xuất nguồn gốc tỉnh Bình Định, kết quả vận hành Hệ thống từ năm 2023 đến nay, và một số hình ảnh kết quả triển khai tại các đơn vị.

Trước bối cảnh thị trường tiêu thụ trong nước và ngoài nước đòi hỏi khắt khe về chất lượng như hiện nay, công tác hướng dẫn, tuyên truyền, đào tạo tập huấn các quy định về TXNG trên địa bàn tỉnh giúp nâng cao nhận thức của xã hội về TXNG sản phẩm, hàng hoá trong sản xuất, kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Việc xây dựng hệ thống TXNG cho các sản phẩm nông sản Bình Định đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn TXNG sản phẩm, hàng hoá và kết nối, chia sẻ được với cơ sở dữ liệu của Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hoá Quốc gia góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh từng bước đảm bảo yêu cầu xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập quốc tế của các doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh./.

Nguồn: Phòng QLTCCL



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



I. Chuyên mục: Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Tình hình triển khai Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường, đổi mới hoạt động Đo lường trên địa bàn tỉnh Bình Định

Nhằm tăng cường đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp, năm 2018, Chính phủ đã có Quyết định số 996/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động Đo lường hỗ trợ Doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (gọi tắt Đề án 996). Theo đó, UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 thực hiện Đề án 996 trên địa bàn tỉnh. Với vai trò là cơ quan đầu mối triển khai Kế hoạch số 45/KH-UBND, hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố rà soát, tổng hợp, phê duyệt các nhiệm vụ, chương trình đảm bảo đo lường của tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tham gia Kế hoạch số 45/KH-UBND theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Những kết quả, hiệu quả đạt được trong năm 2024:

- Cùng với việc đẩy mạnh tuyên truyền, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường cho các tổ chức, doanh nghiệp, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Cơ quan trực tiếp tham mưu Sở KH&CN tổ chức thực hiện Kế hoạch số 45/KH-UBND) đã phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định phát sóng 01 phóng sự chuyên đề về “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế”.

- Tổ chức đợt làm việc, khảo sát đánh giá tình hình đảm bảo đo lường tại các đơn vị kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và doanh nghiệp của tỉnh, qua đó triển khai nhiều hoạt động đảm bảo đo lường nhằm tăng cường hỗ trợ thúc đẩy sản xuất, giao thương hàng hóa, chống gian lận thương mại và cạnh tranh không lành mạnh, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cụ thể: Đã tiến hành hỗ trợ 03 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chiết nạp gas (Công ty TNHH Gas Minh Chánh TB; Chi nhánh Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng tại Bình Định và Công ty TNHH Nhật Tiến) xây dựng, áp dụng chương trình đảm bảo đo lường vào hoạt động sản xuất, kinh doanh (tập huấn, phổ biến và xây dựng, áp dụng các tài liệu, quy trình về kiểm soát thiết bị và chuẩn đo lường, quy trình kiểm tra định lượng trong chiết nạp gas, quy trình chiết nạp gas,...), đồng thời hướng dẫn áp dụng

phần mềm về kiểm soát định lượng trong sản xuất, chiết nạp gas đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN).

- Tổ chức hội thảo trao đổi nghiệp vụ về thực hiện phép đo đối với phương tiện đo nhóm 2 trong kinh doanh xăng dầu và hướng dẫn cho 01 tổ chức kiểm định thực hiện chuẩn hóa các quy trình theo TCVN ISO 17025 vào hoạt động kiểm định xi téc ô tô phù hợp theo quy định tại Nghị định 105/2016/NĐ-CP. Qua đó, đã giúp các tổ chức, doanh nghiệp nắm bắt được các quy định của pháp luật về đo lường, áp dụng các quy trình kiểm soát hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm tài nguyên, vật tư, năng lượng; đảm bảo an toàn; nâng cao chất lượng sản phẩm; bảo vệ sức khỏe và môi trường.



Hội thảo về hoạt động đảm bảo đo lường

Kết quả, hiệu quả đạt được so mục tiêu đề ra đến năm 2025: Sau 04 năm triển khai Kế hoạch số 45/KH-UBND tại các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kết quả đạt được như sau:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chương trình đảm bảo đo lường được thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, website của Chi cục và Sở Khoa học và Công nghệ, Bản tin khoa học và công nghệ (trên 21 tin bài, phóng sự),... nhằm nâng cao nhận thức về vai trò quan trọng của hoạt động đảm bảo đo lường trong sản xuất, kinh doanh và giao thương, góp phần gia tăng giá trị cho sản phẩm, hàng hoá và uy tín của doanh nghiệp cũng như quyền lợi của người tiêu dùng.

- Tổ chức 05 hội thảo khoa học thúc đẩy hoạt động đảm bảo đo lường đối với các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trên tất cả các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và y tế của tỉnh (số lượng người 300/150 tổ chức, DN tham dự).

- Tổ chức 25 lớp tập huấn, đào tạo phổ biến các quy định của pháp luật về đảm bảo đo lường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cho khoảng hơn 500

lượt cán bộ, công nhân viên thuộc tổ chức, doanh nghiệp.

- Khảo sát, đánh giá tình hình sử dụng phương tiện, thiết bị đo lường tại các doanh nghiệp, từ đó chỉ ra những điểm chưa phù hợp, chưa tối ưu để tư vấn, xây dựng các nội dung cần đổi mới, cần tăng cường để nâng cao hiệu quả của hoạt động đảm bảo đo lường, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Triển khai hỗ trợ chương trình đảm bảo đo lường: Tổ chức tư vấn triển khai áp dụng chương trình đảm bảo đo lường tại 24 tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó đã tập trung phổ biến chuyên môn, nghiệp vụ về đo lường, xây dựng và hướng dẫn triển khai có hiệu quả các nội dung liên quan trong chương trình đảm bảo đo lường cho doanh nghiệp có sử dụng phương tiện, qua đó góp phần tăng cường hoạt động đảm bảo đo lường gắn chặt với hoạt động doanh nghiệp.

Đánh giá chung

- Ưu điểm: Việc triển khai Kế hoạch số 45/KH-UBND trong những năm qua đã góp phần phát huy tốt vai trò quản lý nhà nước về đo lường hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu đề ra đến năm 2025, qua đó góp phần bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, đảm bảo sai số phép đo trong giới hạn theo quy định của pháp luật và lượng của hàng hoá trong mua bán, thanh toán giữ các tổ chức, cá nhân; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động đảm bảo đo lường, huy động đa dạng các nguồn lực đầu tư của xã hội cho sự phát triển hoạt động đo lường của tỉnh nhà, tạo sự cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

- Hạn chế, khó khăn: Việc triển khai Kế hoạch số 45/KH-UBND còn có một số vướng mắc, khó khăn như chưa có hướng dẫn cụ thể đối với từng lĩnh vực (như điện, nước, xăng dầu, hoạt động kiểm định, thử nghiệm, hiệu chuẩn...) do đó chưa thực sự thu hút sự quan tâm, đầu tư đúng mức của các doanh nghiệp cũng như phát huy hết hiệu quả thực hiện đối với từng doanh nghiệp tham gia.

Phương hướng trong thời gian tới

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội về Chương trình đảm bảo đo lường.

- Khảo sát, đánh giá tình hình sử dụng phương tiện, thiết bị đo lường cũng như năng lực đảm bảo đo lường tại các tổ chức, doanh nghiệp của tỉnh; thúc đẩy xã hội hóa hoạt động đảm bảo đo lường; khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ đo lường.

- Xây dựng, phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại; duy trì hệ thống chuẩn đo lường, đảm bảo độ chính xác và tính liên kết với chuẩn đo lường quốc gia của Việt Nam; bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường cho các cán bộ tham gia hoạt động đo lường của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan về công tác quản lý hoạt động đo lường và công tác kiểm tra, đánh giá áp dụng bộ tiêu chí

quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường.

- Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng chương trình đảm bảo đo lường thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, xây dựng phương pháp đo,...; hỗ trợ tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đáp ứng bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ đo lường tiên tiến trong quá trình sản xuất theo quy định pháp luật hiện hành./.

Nguồn: Phòng HC-QLĐL



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



II. Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Nước thông báo	Số lượng thông báo	Vấn đề thông báo
Argentina	02	Khung đánh giá sự phù hợp chung
Armenia	04	Sản phẩm nội thất; Vật liệu cho sản phẩm (products) tiếp xúc với da người, quần áo, giày dép; Phụ gia thức ăn chăn nuôi; Thiết bị bảo vệ cá nhân
Úc	06	Mẫu Quy định về Sức khỏe và An toàn Lao động (Đá kỹ thuật) Sửa đổi năm 2024; Chim cút nuôi; Dự luật sửa đổi Công nghệ gen được đề xuất; Quy định về Sức khỏe Cộng đồng (Thuốc lá và các Sản phẩm Khác); Dự luật An ninh mạng 2024; Tiêu chuẩn thông tin hàng tiêu dùng (Topping Furniture)
Bahrain, Vương quốc	21	Sữa và các sản phẩm từ sữa chế biến; Trà. Cà phê. Ca cao; Máy thu thanh; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Yêu cầu chung đối với dầu thực vật ăn được; Sữa bột gầy Analogue; Thiết bị giặt là; Hộp số, hệ thống treo; Trái cây. Rau
Băng - la- đét	01	Nước tương
Bỉ	02	Sản phẩm thuốc lá và sản phẩm hút thảo dược;
Belize	03	Tủ lạnh gia dụng; Máy điều hòa không khí; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn
Bolivia, Nhà nước đa dân tộc	02	Nghị quyết 2439 "Lineamientos (phương pháp đo lường) để xác định vật chất chiếm ưu thế trong calzado." (Nghị quyết số 2439; "Hướng dẫn (phương pháp thử) xác định chất liệu chủ yếu của giày dép; Rương, va-li và hộp đựng đồ trang điểm, và các loại hộp đựng tương tự khác.
Brazil	41	Sản phẩm dược phẩm; Thuốc lá; Phôi động vật; Thuốc; Dược phẩm; Công nghệ chăm sóc sức khỏe; Phô mai và sữa đông; Hệ thống và thiết bị năng lượng quang điện; Góc, hình dạng và mặt cắt bằng sắt hoặc thép không hợp kim; Phanh, bộ tản nhiệt, ống giảm thanh, ống xả, ly hợp, vô lăng; Thuốc lá và các sản thay thế thuốc lá chế biến; Máy móc và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; Sản phẩm có nguồn gốc động vật; Rượu vang; Thuốc; Vắc-xin; Sản phẩm dược phẩm; Thú y; Các công trình xây dựng;

		Sản phẩm sinh học; Sản phẩm gây dị ứng công nghiệp; Sản phẩm chẩn đoán trong ống nghiệm; Sản phẩm chăm sóc tóc; Nhiệt kế thủy ngân và máy đo huyết áp; Thuốc; Hàng hóa dược phẩm; Thử nghiệm lâm sàng với các thiết bị y tế; Thực phẩm bổ sung và nhãn mác; Nhãn của các thiết bị y tế có chứa mủ cao su thiên nhiên; Thuốc; Máu; Thiết bị y tế; Thuốc tẩy trắng răng được phân loại là thiết bị y tế
Burundi	83	Giấy vệ sinh dạng cuộn có chiều rộng; Bột trét cho thợ lắp kính, bột trét ghép, xi măng nhựa, hợp chất trét và các loại mastric khác, chất trám cho thợ sơn; Xi măng chịu lửa, vữa, bê tông và các thành phần tương tự; Các thành phần kết cấu đúc sẵn dùng cho xây dựng hoặc kỹ thuật dân dụng; Thuốc trừ sâu, được đóng gói theo dạng hoặc bao bì để bán lẻ hoặc dưới dạng chế phẩm; Rau và các sản phẩm có nguồn gốc từ rau; Đồ uống không cồn; Protein cô đặc và các chất protein có cấu trúc; Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật; Máy gieo hạt, máy trồng và máy cấy; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Lúa mạch; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Hạt; Đồ uống không cồn; Hạt giống; Thức ăn cho chó, mèo; Bếp lò, bếp nướng, vỉ nướng, bếp nấu; Bình chứa khí nén hoặc khí hóa lỏng, bằng sắt hoặc thép; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Các bộ phận của van và các mặt hàng tương tự cho ống, vỏ nồi hơi; Mỡ và dầu động vật và thực vật; Kem và bánh kẹo; Công nghệ thực phẩm; Đường và các sản phẩm từ đường
Canada	10	Thuốc và thiết bị y tế; Quy định về lều trại; Trái cây hoặc rau quả đóng gói sẵn trong các thùng chứa không phải để bán lẻ; Sản phẩm thực phẩm đóng gói sẵn; Vô tuyến truyền thông; Sữa công thức cho trẻ sơ sinh Thực phẩm y tế cho trẻ từ một tuổi trở lên; Viễn thông' Quy định sửa đổi Quy định về thiết bị phát bức xạ (Sản phẩm laser); Vô tuyến truyền thông; Sữa công thức cho trẻ sơ sinh, chất bổ sung sữa mẹ và chế độ ăn lỏng được pha chế
Chile	20	Hạt giống; Lưới thép hàn điện để gia cố bê tông; Phân bón và chất kích thích sinh học; Máy kéo và máy móc nông nghiệp khác ngoài máy kéo; Giấy phép đặc biệt cho thuốc trừ sâu tự nhiên và tổng hợp; Ăng-ten tiếp nhận mặt đất kỹ thuật số truyền hình; Quảng cáo thực phẩm trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các sản phẩm vượt quá giới hạn dinh dưỡng quan trọng do Bộ Y tế quy định tại Điều 120 bis của Quy định về an toàn thực phẩm; Chất khử trùng; Đồ uống có cồn
Trung Quốc	43	Tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc, Vật liệu trang trí và tân trang trong nhà—Giới hạn phát thải formaldehyde của tấm gỗ và sản phẩm hoàn thiện; Bồn cầu thông minh;

		Nhiên liệu lỏng gốc cõn; Tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc, An toàn trong hàn và cắt; Máy móc nông nghiệp; Tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc, Yêu cầu kỹ thuật an toàn cho đá trang trí xây dựng; Than chì, fluorit; Vật liệu tường; máy kéo; Sản phẩm điện và điện tử; Máy móc nông nghiệp; Xe kết nối; Xe máy và xe gắn máy; Quy cách an toàn cho đúc khuôn hợp kim magiê; Quy cách an toàn cho điện phân nhôm; Thiết kế an toàn và thông số kỹ thuật sản xuất cho đồng và hợp kim đồng nấu chảy và đúc; Yêu cầu vệ sinh đối với vận chuyển số lượng lớn dầu thực vật ăn được; Kẽm threoninate chelate; Kẽm glycinate; Phụ gia thức ăn chăn nuôi—axit benzoic; Máy móc nông nghiệp; yêu cầu kỹ thuật an toàn chung cho các sản phẩm chăm sóc răng miệng; hiết bị tập luyện cố định trong nhà; Xe chữa cháy trên; Máy xúc đất—Giới hạn tiếng ồn; Thiết bị đốt gas; Yêu cầu hạn chế đóng gói quá mức trong chuyển phát nhanh; mỹ phẩm; Quy định an toàn cho khí của các doanh nghiệp công nghiệp; Đèn LED chiếu sáng đường bộ và đường hầm; Tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc, Giá trị tối thiểu cho phép về hiệu suất năng lượng và các cấp hiệu suất năng lượng cho hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời gia dụng; Xe ba bánh; Yêu cầu an toàn của máy đóng gói; Nhà vệ sinh; Lớp phủ chống cháy cho kết cấu bê tông; Lớp phủ chống cháy cho cáp điện; Hệ thống tự động theo dõi và nhắm mục tiêu tiêu diệt máy bay phản lực; iêu chuẩn quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Công nghệ an ninh mạng—Phương pháp gắn nhãn cho nội dung do trí tuệ nhân tạo tạo ra; xe đạp điện; Quy cách an toàn cho hệ thống xếp dỡ hàng rời tại cảng, chống bụi nổ; Quy định an toàn về phòng chống nổ bụi trong hệ thống chế biến thức ăn chăn nuôi; Quy cách an toàn về bảo vệ chống nổ bụi cho hệ thống chế biến, lưu trữ và vận chuyển ngũ cốc; Tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc, Quần áo bảo hộ—Quần áo bảo hộ chống lại các hạt; Tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc, Giới hạn tiêu thụ năng lượng cho xe điện—Phần 1: Xe ô tô chở khách; Ô tô
Colombia	08	Nghị quyết số 1185 năm 2024 của Bộ Thương mại , Công nghiệp và Du lịch ban hành QCKT quản lý các xưởng tham gia, thiết bị và quy trình cho việc chuyển đổi hệ thống nhiên liệu của xe; Xe máy; Xe cơ giới, xe kéo và xe bán kéo; Lớp xe cơ giới; Nồi áp suất; Thanh và que cán nóng
Costa Rica	11	Đánh giá sự phù hợp, tuyên bố về sự phù hợp của nhà cung cấp; Cẩn sa, các sản phẩm thuốc làm từ cẩn sa
Ecuador	18	Dự thảo sửa đổi một phần Quy định kỹ thuật vệ sinh thay thế đối với thực phẩm chế biến, nhà máy chế biến, cơ sở phân phối, tiếp thị và vận chuyển thực phẩm chế biến và

		cơ sở phục vụ ăn uống tập thể; Máy điều hòa không khí; Dự thảo Quy định kỹ thuật vệ sinh thay thế cho việc đăng ký vệ sinh, kiểm soát và giám sát thuốc nói chung dùng cho người; Xi măng nhựa đường; Sơn; Mũ đội đầu an toàn và bảo vệ; Thiết bị tuyên nôi cá nhân; Van giảm áp; Bình chữa cháy xách tay; Găng tay bảo hộ; Máy phát điện; Dụng cụ điện cầm tay và vận chuyển bằng động cơ; Thiết bị bảo vệ thính giác; Thiết bị bảo hộ cá nhân; Thiết bị bảo vệ hô hấp; Dầu phanh cho hệ thống thủy lực
Ai Cập	60	Sản phẩm hóa chất, dệt may và kỹ thuật; yêu cầu an toàn cho thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự; Cáp sạc; Sôcôla; Đèn chiếu sáng; Thiết bị điện gia dụng và tương tự; Thiết bị vẽ; Sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất; Sản phẩm của ngành dệt may; Nhiên liệu khí; Máy bơm chữa cháy - Máy bơm ly tâm chữa cháy không có môi; Da và sản phẩm da; Giày dép; Sản phẩm thực phẩm; Bao tải. Túi; Thiết bị làm lạnh thương mại; Áo phao; Phân bón; Phòng cháy chữa cháy; Thang máy. Thang cuốn; Sản phẩm thực phẩm; Thiết bị điện gia dụng và tương tự; máy điều hòa không khí ống gió và máy bơm nhiệt không khí - không khí; Sản phẩm thực phẩm; Công nghệ làm lạnh; Thang máy. Thang cuốn; Thiết bị cho trẻ em; Sản phẩm hóa chất, dệt may và kỹ thuật; Sản phẩm sắt thép; Thực phẩm nói chung; Máy bơm; Cá và sản phẩm thủy sản; Chất béo và dầu ăn; Đốt phát quang; Chất mài mòn; Sôcôla; lúa mì
El Savaldor	03	Đo lường và đo lường nói chung; Sản phẩm dầu mỏ và thiết bị xử lý khí đốt tự nhiên
Liên minh Châu Âu	15	Sản phẩm diệt khuẩn; Bọt chữa cháy có chứa chất per- và polyfluoroalkyl (PFAS); Các chất gây ung thư, chất gây đột biến tế bào mầm và chất độc sinh sản; nguồn điện bên ngoài; Thiết bị tầm ngắn; Máy sấy quần áo gia đình; Máy sấy quần áo gia dụng và thiết bị điện tử gia dụng và văn phòng; Thiết bị vô tuyến cho hệ thống truy cập không dây bao gồm mạng cục bộ vô tuyến (WAS/RLAN); Pin thải, chất thải sản xuất pin và các sản phẩm trung gian từ quá trình tái chế pin thải; Dự thảo Quy định do Ủy ban ủy quyền bổ sung Quy định (EU) 2023/1542 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng bằng cách thiết lập phương pháp tính toán và xác minh tỷ lệ hiệu quả tái chế và thu hồi vật liệu từ pin thải, cũng như định <u>dạng cho tài liệu</u>
Philippines	02	Túi nicotin không có thuốc lá; Sản phẩm nicotine không khói
Honduras	01	Đồ uống không cồn
Ấn Độ	11	Lệnh về thức ăn chăn nuôi và thành phần thức ăn chăn nuôi; Ống và ống thép không gỉ; Đèn pin; Sản phẩm thực phẩm; Sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản phẩm quang điện

		mặt trời; Vải dệt kim hoặc móc nhuộm làm từ sợi tổng hợp
Indonesia	14	Mỹ phẩm; Thực phẩm bổ sung sức khỏe; Dự thảo Quy định BSSN về việc triển khai thuật toán mã hóa của Indonesia và đánh giá tính phù hợp của tính bảo mật của mô-đun mã hóa; Quy định của Cơ quan an ninh mạng và tiền điện tử quốc gia Indonesia số 7 năm 2024 Tiêu chí chung của Indonesia để đánh giá an ninh công nghệ thông tin; Thực phẩm chế biến; Dự thảo Nghị định số __/__ của Chính phủ về việc thực hiện đảm bảo sản phẩm Halal; Thép bình chứa LPG; Tiêu chuẩn quốc gia về Canxi cacbua; Vật liệu cách nhiệt; Tiêu chuẩn quốc gia về bình chữa cháy xách tay; Tiêu chuẩn quốc gia về kính cách nhiệt; tiêu chuẩn quốc gia về dây thép bê tông ứng suất trước cho kết cấu bê tông; Đồ ăn; Gốm sứ tráng men
Israel	6	Xích đu cho trẻ sơ sinh; Cái nôi ngà; Canxi cacbonat dùng để xử lý nước dùng cho mục đích tiêu dùng; Cáp điện – Cáp năng lượng điện áp thấp có điện áp định mức 450/750V (U0/U); Tấm PVC chống thấm mái nhà; Băng
Nhật Bản	20	hay đổi tiêu chuẩn dán nhãn thức ăn chăn nuôi; Điện thoại di động tương thích với nhiều SIM; Thiết bị đầu cuối được sử dụng để kết nối với các thiết bị đường dây viễn thông(mạng); Hệ thống mạng LAN không dây; Quy định về an toàn giao thông đường bộ; Sửa đổi Lệnh thực thi Đạo luật về Quy định sản xuất và Đánh giá các chất hóa học; hiết lập thông tin ghi nhãn liên quan đến các biện pháp, v.v., để ngăn ngừa ô nhiễm môi trường; Sửa đổi Quy định về thực thi Luật đánh giá chất hóa học và quy định sản xuất chất hóa học và quy định sản xuất chất hóa học; Đề xuất sửa đổi Sắc lệnh của Bộ trưởng về Quy cách và Tiêu chuẩn Thức ăn chăn nuôi và Phụ gia thức ăn chăn nuôi; Máy khoan ▪ Cơ sở lưu trữ thuốc súng; Sản phẩm dược phẩm; Sửa đổi Nghị định của Bộ trưởng về Quy chuẩn, Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và Phụ gia thức ăn chăn nuôi; Các chất có khả năng gây ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương; Sửa đổi một phần Pháp lệnh thi hành Luật Tần số vô tuyến điện; Sản phẩm dược phẩm; Hệ thống thông tin di động thế hệ thứ năm; Thiết bị vô tuyến viễn thông di động/BWA; ửa đổi Lệnh thi hành Đạo luật An toàn và Sức khỏe Công nghiệp và các sắc lệnh liên quan về các chất hóa học phải dán nhãn và thông báo thông qua SDS; Hàng Dệt May; Sửa đổi một phần Quy định về nhãn chất lượng hàng hóa sản xuất khác
Jordan	03	Sửa đổi Tiêu chuẩn kỹ thuật cho Đá nhân tạo; Chất tẩy rửa – Yêu cầu về an toàn và ghi nhãn đối với chất tẩy rửa gia dụng; Nhãn - Nhãn chất hóa học
Kenya	84	Dầu bơ thô năm 2024 — Thông số kỹ thuật; Dầu hạt cải

		thô (hạt cải dầu) năm 2024 — Đặc điểm kỹ thuật; Thông báo cho các nhà nhập khẩu xe cơ giới đã qua sử dụng; : Dầu đậu nành thô năm 2024 — Thông số kỹ thuật; Hệ thống ống dẫn nước mưa bằng nhựa dùng ngoài trời trên mặt đất –PVC; Kết cấu thép; Dầu bơ tinh luyện — Thông số kỹ thuật; Máy sấy năng lượng mặt trời - Quy tắc thực hành lắp đặt; Thông số kỹ thuật đồ lót nam; Hệ thống địa chỉ quốc gia năm 2024 – Phần 1: Phân loại và yêu cầu; Sữa và các sản phẩm từ sữa; Hạt lanh; Hạt hướng dương để chiết xuất dầu; Hạt thầu dầu để chiết xuất dầu; Thịt và các sản phẩm từ thịt; Hạt cải dầu để chiết xuất dầu; Ngành công nghiệp hạt và cây trồng có dầu; Giấy vệ sinh dạng cuộn có chiều rộng; Xi măng chịu lửa, vữa, bê tông và các thành phần tương tự; Các thành phần kết cấu đúc sẵn dùng cho xây dựng hoặc kỹ thuật dân dụng; Vật liệu xây dựng; Thuốc trừ sâu; Rau quả khác; Trái cây và rau quả; Rau và các sản phẩm có nguồn gốc từ rau; Đồ uống không cồn; Protein cô đặc và các chất protein có cấu trúc; Dầu thô, đã loại bỏ gossypol hay chưa; Các loại hạt; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Hạt có dầu; Các loại hạt; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ đậu; Lúa mạch; Máy gieo hạt, máy trồng và máy cấy; Các loại hạt; Hạt; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Đồ uống không cồn; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Hạt giống; Thức ăn chăn nuôi; Nhà, công trình và thiết bị chăn nuôi; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Sản khô cắt sợi (Abacha); Bột Fufu; Bình chịu áp suất; Sản phẩm thực phẩm; Thức ăn chăn nuôi; Hạt sắn; Mỡ và dầu động vật và thực vật; Kết cấu bê tông; Kem và bánh kẹo; Đường và các sản phẩm từ đường; Công nghệ thực phẩm; Đường và các sản phẩm từ đường
Hàn Quốc	10	Sản phẩm y tế kỹ thuật số; Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật về phương pháp tính phí và truyền dữ liệu cho thiết bị phát sóng và truyền thông; Thiết bị y tế; Xe cơ giới; Chất hóa học; Thiết bị điện; Thiết bị vô tuyến hàng hải; Dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn kỹ thuật thiết bị vô tuyến điện cho các đài vô tuyến đơn giản, trạm vũ trụ, trạm mặt đất, phát hiện sóng vô tuyến và các thiết bị vô tuyến khác
Nhà nước Kuwait	22	Trà. Cà phê. Ca cao; Sữa và các sản phẩm từ sữa chế biến ; Máy thu thanh; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Sữa và các sản phẩm từ sữa chế biến; Bao tải. Túi; Yêu cầu chung đối với dầu thực vật ăn được; Yêu cầu chung đối với sản phẩm tương tự sữa gầy, dùng để thu trực tiếp hoặc chế biến thêm, phải tuân thủ theo quy định này; Truyền động, hệ thống treo; Trái cây. Rau; Xe cộ

Cộng hòa Kyrgyzstan	01	Sản phẩm công nghiệp hóa chất và hóa dầu
Myanma	02	Tất cả thực phẩm xuất khẩu; Sắc lệnh sửa đổi Sắc lệnh tiếp thị thực phẩm công thức dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ
Mexico	04	Bản dự thảo Tiêu chuẩn chính thức của Mexico này áp dụng cho động cơ điện liên tục, làm mát bằng không khí, lắp theo chiều ngang hoặc chiều dọc; Động cơ điện xoay chiều lồng sóc một pha; Các sản phẩm, thiết bị, thiết bị hoặc thiết bị có số phận là thiết bị viễn thông hoặc bộ khuếch tán vô tuyến; Bản dự thảo hướng dẫn sơ bộ về việc sử dụng con dấu của Viện Viễn thông trên các sản phẩm, thiết bị, dụng cụ hoặc máy móc đã được phê duyệt loại cho viễn thông hoặc phát sóng
Ma-rốc	02	Thiết bị và đồ dùng dùng gas; Thanh thép
Mô-dăm-bich	02	Các loại đồ uống lên men khác; Thủ tục đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm nhập khẩu phải kiểm soát bắt buộc tại thủ tục hải quan
Moldova	01	Dự thảo Quyết định của Chính phủ về tàu thuyền giải trí và tàu thủy cá nhân
Nauy	01	Sản phẩm phân bón có nguồn gốc hữu cơ và một số sản phẩm phân bón vô cơ
New Zealand	6	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ; Tiêu chuẩn nhóm được đề xuất cho hạt giống đã xử lý; Máy biến áp điện, bộ chuyển đổi tĩnh; Thuốc trừ sâu có chứa thành phần hoạt chất chlorpyrifos; Chim cút nuôi như một loại thực phẩm mới; Giấy nội các xóa bỏ rào cản đối với các sản phẩm xây dựng ở nước ngoài
Ô-man	21	Sữa và các sản phẩm từ sữa chế biến; Trà. Cà phê. Ca cao; Máy thu thanh; Ngủ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Yêu cầu chung đối với sản phẩm tương tự sữa gầy, dùng để tiêu thụ trực tiếp hoặc chế biến thêm; Yêu cầu chung đối với dầu thực vật ăn được; Truyền động, hệ thống treo; <u>Trái cây. Rau</u>
Pêru	05	Tiêu chuẩn kỹ thuật Bao bì Chất kết dính cho nhãn bao bì thực phẩm; Rương va-li, hộp đựng đồ trang điểm; Các sản phẩm được phân loại theo Chương 30 của Hệ thống hài hòa hoặc Biểu thuế hải quan năm 2022;
Philippines	04	Thuốc lá, sản phẩm thuốc lá và thiết bị liên quan; Thiết bị chụp cộng hưởng từ; Dự thảo Hướng dẫn thực hiện Chương trình dán nhãn tiết kiệm nhiên liệu cho phương tiện giao thông về nhãn tiết kiệm nhiên liệu cho phương tiện giao thông đường bộ; Dược phẩm
Ba Lan	01	Dự thảo Đạo luật sửa đổi Đạo luật về Bao bì và Quản lý Chất thải Bao bì và một số đạo luật khác
Qatar	22	Thiết bị giặt là; Thiết bị điện gia dụng nói chung; Trà. Cà phê. Ca cao; Sữa và các sản phẩm từ sữa chế biến; Máy

		thu thanh; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Yêu cầu chung đối với sản phẩm tương tự sữa gầy, dùng để tiêu thụ trực tiếp hoặc chế biến thêm, phải tuân thủ theo định nghĩa được đề cập trong mục 3 của tiêu chuẩn này; Yêu cầu chung đối với dầu thực vật ăn được; Truyền động, hệ thống treo; Trái cây. Rau
Liên Bang Nga	02	Vật liệu, thuốc thử, thiết bị xử lý nước và lọc nước; Sản phẩm công nghiệp hóa chất và hóa dầu
Rwanda	78	Giấy vệ sinh dạng cuộn có chiều rộng; Bột trét cho thợ lặn kính, bột trét ghép, xi măng nhựa, hợp chất trét và các loại mastric khác, chất trám cho thợ sơn. Vật liệu xây dựng; Các thành phần kết cấu đúc sẵn dùng cho xây dựng hoặc kỹ thuật dân dụng bằng xi măng, bê tông hoặc đá nhân tạo, có hoặc không có cốt thép. Vật liệu xây dựng; Thuốc trừ sâu, được đóng gói theo dạng hoặc bao bì để bán lẻ hoặc dưới dạng chế phẩm hoặc sản phẩm; Rau và các sản phẩm có nguồn gốc từ rau; Trái cây, rau quả và các sản phẩm có nguồn gốc nói chung; Protein cô đặc và các chất protein có cấu trúc; Đồ uống không cồn; Các loại hạt có dầu và quả có dầu khác, đã hoặc chưa vỡ. Hạt có dầu; Dầu thô, đã loại bỏ gossypol hay chưa; Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng, mỡ ăn được đã được chế biến; Hạt có dầu; Lúa mạch (trừ hạt giống để gieo trồng) . ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Máy gieo hạt, máy trồng và máy cấy; Hạt; Hạt giống; Hệ thống quản lý; Thức ăn chăn nuôi; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Bình chứa khí nén hoặc khí hóa lỏng, bằng sắt hoặc thép. Bình chịu áp suất; Bếp lò, bếp nướng, vỉ nướng, bếp nấu; Thức ăn cho chó, mèo, bán lẻ; Các bộ phận của van và các mặt hàng tương tự cho ống, vỏ nồi hơi, bể chứa, thùng chứa; Mỡ và dầu động vật và thực vật; Kem và bánh kẹo; Thuốc trừ sâu; Phân bón; Nhôm và hợp kim nhôm; Công nghệ thực phẩm; Đường và các sản phẩm từ đường; Công nghệ thực phẩm
Saint Kitts và Nevis	01	Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa
Ả Rập Saudi	22	Sữa và các sản phẩm từ sữa chế biến; Trà. Cà phê. Ca cao; Máy thu thanh; Sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Yêu cầu chung đối với dầu thực vật ăn được; Yêu cầu chung đối với sản phẩm tương tự sữa gầy, dùng để tiêu thụ; Truyền động, hệ thống treo; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Trái cây. Rau; Xe cơ giới chở ≥ 10 người, bao gồm cả lái xe; Các mặt hàng dao kéo, khác, ví dụ như tông đơ cắt tóc

Singapore	02	Đạo luật Bảo vệ và Quản lý Môi trường (Sửa đổi Phụ lục thứ hai) (Số 2) Lệnh năm 2024, Quy định (sửa đổi) bảo vệ và Quản lý Môi trường (chất nguy hại) năm 2024
Slovenia	01	Công nghệ thực phẩm
Nam Phi	01	Sản phẩm rượu
Tây Ban Nha	02	Natri hiđroxit bão hòa trong nhôm; thạch cao nhân tạo; Các loại cá
Thụy Sĩ	01	Thiết bị y tế chẩn đoán trong ống nghiệm
Đài Bắc Trung Hoa	04	Lốp khí nén mới, bằng cao su, loại dùng cho ô tô; Bao bì ví; vỏ sò nhựa; khay nhựa; Thuốc thử chẩn đoán hoặc thuốc thử phòng thí nghiệm đã pha chế có lớp lót hay không; Cửa ra vào và khung cửa, bằng gỗ nhiệt đới
Tanzania	107	Cà phê, đã rang hoặc chưa rang hoặc khử caffein; Trà, có hoặc không có hương vị; Bơ ca cao, chất béo và dầu; Bột ca cao, đã khử toàn bộ hoặc một phần chất béo; Bột ca cao, không chứa thêm đường hoặc chất tạo ngọt; Sôcôla và các chế phẩm thực phẩm khác có chứa ca cao; Trà, có hoặc không có hương vị; Cà phê, trà, Mate và gia vị; Hạt ca cao, nguyên hạt hoặc vỡ vụn, sống hoặc rang; Mật ong thiên nhiên; Giấy vệ sinh dạng cuộn có chiều rộng; Thịt và phần thịt ăn được; Ca cao và các chế phẩm từ ca cao; Hạt ca cao, nguyên hạt hoặc vỡ vụn, sống hoặc rang; Vật liệu xây dựng; Thuốc trừ sâu, được đóng gói theo dạng hoặc bao bì; Axit cacboxylic có chức anđehit hoặc xeton nhưng không có chứa oxy khác; Mút, thạch, mút cam, bột nhuyễn hoặc bột nhào từ trái cây; Dâu tây tươi; Bánh mì; Đồ uống không cồn; Các loại họ cải; Rau và các sản phẩm có nguồn gốc từ rau; Dâu tây tươi; Các loại trái cây tươi; Protein cô đặc và các chất protein có cấu trúc; Đồ uống không cồn; Lúa mạch; Các loại hạt có dầu; Hạt; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Máy gieo hạt, máy trồng và máy cấy; Thức ăn chăn nuôi; Nhà, công trình và thiết bị chăn nuôi; Bình chịu áp suất; Thức ăn cho chó, mèo, bán lẻ; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Máy sấy, cho các sản phẩm nông nghiệp; Bếp lò, bếp nướng; Mỡ và dầu động vật và thực vật; Kem và bánh kẹo; Công nghệ thực phẩm; Đường và các sản phẩm từ đường;
Thái Lan	12	Thiết bị viễn thông; Bình nhựa đựng nước uống; Máy thu radio kỹ thuật số; Máy phát vô tuyến kỹ thuật số; Đồ uống có cồn; Sản phẩm thuốc lá; Xi măng thủy lực; Kẽm nhúng nóng – nhôm; Thép dẹt phủ hợp kim kẽm-nhôm-magiê; Dự thảo Quy định của Bộ trưởng quy định các sản phẩm công nghiệp cho máy nước nóng tức thời phải tuân thủ theo Tiêu chuẩn BE; Thực phẩm đóng gói sẵn; Thiết bị giặt là
Thổ Nhĩ Kỳ	06	Đường; Hương liệu thực phẩm và một số thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương vị; Sữa công thức và sữa bột;

		Thực phẩm mới lạ
Uganda	114	Khoai tây chiên; Dưa chuột tươi; Mút, thạch và mút cam; Khoai tây chiên giòn; Đậu tươi; Sản xuất, xử lý và chế biến trái cây và rau quả sấy khô; Nước ép trái cây, mật hoa, nước ép nhuyển và bã; Rau tươi hoặc ướp lạnh khác; Khoai môn; Trái cây sấy khô; Đồ uống hoa đậm bọt; Đồ uống gừng; Cà chua cô đặc chế biến; Rau và thảo mộc khô dùng làm thực phẩm; Măng tây tươi; Cải xanh tươi hoặc cải xanh bông cải xanh; Hành tây và họ Iroi; Dứa tươi; Đại hoàng tươi; Tỏi tươi; Tỏi tây tươi; Cây hồi tươi; Cần tây gân tươi; Cà tím tươi; Hệ thống ống mềm cách nhiệt trước; Vật liệu xây dựng; Nhiên liệu; Thuốc trừ sâu; Trái cây, rau quả và các sản phẩm có nguồn gốc nói chung; Rau đóng hộp; Rau và các sản phẩm có nguồn gốc từ rau; Trái cây khác; Protein cô đặc và các chất protein có cấu trúc; Đồ uống không cồn; Cocktail trái cây đóng hộp; Máy gieo hạt, máy trồng và máy cấy; Các loại hạt; Đồ uống không cồn; Lúa mạch; Thực phẩm đóng gói sẵn và chế biến sẵn; Hạt; hạt có dầu; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ đậu; Mỡ và dầu động vật và thực vật; Nhà, công trình và thiết bị chăn nuôi; Thức ăn chăn nuôi; Thức ăn cho chó, mèo, bán lẻ; Bình chịu áp suất; Bếp nướng, lò nướng; Nhựa và các sản phẩm từ nhựa; Các quy trình trong ngành thực phẩm; Bình chứa khí nén hoặc khí hóa lỏng; Đồ uống; Mũ và các loại mũ đội đầu khác; Thiết bị gia dụng và thương mại; thiết bị chơi game; Biển số phản quang cho xe cơ giới; Hợp chất chống thấm tích hợp cho vữa xi măng và bê tông; Ngói lợp và gờ mái bằng nhựa composite; Đồ uống có ga và không ga; Thiết bị chơi game lũy tiến; Mỡ và dầu động vật và thực vật; Kem và bánh kẹo; Côn trùng, phù hợp để con người tiêu thụ; Đường và các sản phẩm từ đường; Công nghệ thực phẩm;
Ukraina	23	Dự thảo Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine “Về việc sửa đổi Phụ lục 1 của Quy định kỹ thuật về an toàn máy móc và Quy định kỹ thuật về tiếng ồn phát ra môi trường của thiết bị sử dụng ngoài trời; Dự thảo Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine “Về việc phê duyệt Quy định kỹ thuật về Thiết bị y tế dùng cho chẩn đoán in Vitro”; Trứng gà; Các loại thuốc; Dự thảo Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine “Một số vấn đề về phê duyệt thiết kế xe, phụ tùng và thiết bị”; Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ukraine “Về việc Phê duyệt các yêu cầu đối với Dầu ô liu và thiết lập Quy định về kiểm tra sự phù hợp của Tiêu chuẩn tiếp thị và Phương pháp phân tích Đặc tính của Dầu ô liu; Dự thảo Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraine “Về việc phê duyệt các yêu cầu kỹ thuật cho tính năng bảo mật cung

		cấp khả năng bảo vệ chống lại việc truy cập trái phép vào các gói sản phẩm thuốc lá; Máy biến áp công suất nhỏ, vừa và lớn; Thiết bị y tế; Thiết bị làm lạnh; Sản phẩm thực phẩm; Đồ uống có cồn; Sản phẩm hữu cơ; Mật ong thiên nhiên; nho và các sản phẩm trồng nho, rượu nho
Các Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	23	Cơ sở khí công nghiệp; Cấu trúc cơ khí cho thiết bị điện tử; Sữa và các sản phẩm từ sữa chế biến; Trà. Cà phê. Ca cao; Máy thu thanh; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Sữa và các sản phẩm từ sữa chế biến; Sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Yêu cầu chung đối với dầu thực vật ăn được; Truyền động, hệ thống treo; Trái cây. Rau; Cấu trúc cơ khí cho thiết bị điện tử
Vương quốc Anh	06	Nồi hơi tạo hơi nước hoặc hơi khác; Các sản phẩm có chứa thuốc lá, thuốc lá tái chế; Khăn ướt có chứa Nhựa; Bao bì và Chất thải bao bì; Quy định về Sản phẩm Mỹ phẩm (Hạn chế Chất hóa học) (Số 2) năm 2024;
Hoa Kỳ	118	Máy ghi dữ liệu sự kiện; Các chất hóa học ưu tiên cao; Bảo vệ môi trường; Quy định theo Đạo luật kiểm soát chất độc hại; Các chất hóa học ưu tiên cao; Bảo vệ môi trường; Rượu whisky mạch nha đơn cất của Mỹ; Cacbon Tetraclorua; Bảo vệ môi trường; Tôm hùm; Các quy tắc sử dụng mới quan trọng đối với một số chất hóa học nhất định; Trichloroethylene; Bảo vệ môi trường; Truy cập vào Hội nghị truyền hình; Đánh giá các tiêu chuẩn hiệu suất nguồn mới cho tua bin đốt cố định và tua bin khí cố định; Lò phản ứng nhiệt độ cao; Chuẩn hóa. Quy tắc chung; Quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh, dịch vụ vệ tinh cố định; Sửa đổi giới hạn phát xạ cho băng tần 24,25-24,45 GHz và 24,75-25,25 GHz; Nhãn ngày thực phẩm; Quy định về bể chứa ngầm được đề xuất; Các nguồn phát sinh chất thải nguy hại; Các quy tắc sử dụng mới quan trọng đối với một số chất hóa học nhất định; Chất hóa học; Đơn vị đốt chất thải rắn; Nhiên liệu sinh học; Hệ thống phanh tự động cho xe hạng nhẹ; Thiết bị bảo vệ cá nhân trong xây dựng; Thiết bị khai thác mỏ chạy bằng động cơ điện; Sản phẩm an toàn hơn Hạn chế và báo cáo; Hóa chất độc hại trong sản phẩm tiêu dùng; Cảnh báo phơi nhiễm sản phẩm tiêu dùng; Khí thải xe máy; Cải thiện truyền thông an toàn công cộng trong băng tần 4,9 GHz; Áo phao; Dịch vụ vệ tinh cố định quỹ đạo phi địa tĩnh; Yêu cầu R384-415 để bán sản phẩm thuốc lá điện tử; Hệ thống giữ trẻ em; Bao bì nhựa; Chất lượng; Amiăng; Chất hóa học; Bảo vệ môi trường; Tiêu chuẩn khí thải quốc gia đối với các chất gây ô nhiễm không khí nguy hại; Sản xuất lốp xe cao su; Tiêu chuẩn an toàn cho đồ chơi; Yêu cầu đối với hạt nước; Nhãn thực phẩm; Kiểm soát các hạt vật chất không bay hơi từ động

		cơ máy bay; Tiêu chuẩn khí thải và quy trình thử nghiệm; Hệ thống phanh tự động cho xe hạng nhẹ; Đèn dịch vụ chung; Sự phù hợp của thiết bị đo tốc độ--RADAR; Chất tẩy rửa giặt có chứa Nonylphenol Ethoxylates; iêu chuẩn an toàn đồ chơi bắt buộc: Yêu cầu đối với phao cổ; Điều mềm cho trẻ sơ sinh và trẻ mới biết đi; Cải thiện truyền thông an toàn công cộng trong băng tần 4,9 GHz; Tiêu chuẩn an toàn xe cơ giới liên bang; Bảo vệ đầu người đi bộ, Quy định kỹ thuật toàn cầu số 9; Sản phẩm làm móng có chứa Methyl Methacrylate (MMA); Hóa chất; An toàn trong nước; Các đơn vị đốt chất thải rắn, khí thải; Máy trợ thính; Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi; Máy rửa chén gia dụng, máy giặt quần áo gia dụng và máy sấy quần áo tiêu dùng; Đồ chơi hạt nước và đồ chơi có chứa hạt nước; Sản phẩm vệ sinh cá nhân, mỹ phẩm và nước hoa; Tiêu chuẩn an toàn cho đệm hỗ trợ trẻ sơ sinh; Máy giặt quần áo dân dụng và thương mại và máy sấy quần áo tiêu dùng; Thiết bị kiểm soát ô nhiễm biển; Kính chống bắn cho công xe buýt; Xe địa hình (OHV); Hiệu quả năng lượng; Bảo vệ môi trường; Cấp quang, kết nối và mối nối cấp quang; Hệ thống điều hòa không khí và bơm nhiệt thay đổi lưu lượng môi chất lạnh cho mục đích thương mại nhẹ; Vận chuyển vật liệu nguy hiểm; Bao bì nhựa; Chất lượng; Hệ thống điều khiển tàu hỏa; Hệ thống đo hình học đường ray (TGMS); Bao bì nhựa; Chất lượng; Tiêu chuẩn an toàn cho gói cho con bú; Cũi trẻ em; Cập nhật Quy định chung về động cơ và xe hạng nặng năm 2024; Hệ thống phát thanh kỹ thuật số mặt đất FM; Sản phẩm nấu ăn thông thường; Máy giặt quần áo gia đình; Lò sưởi dân dụng và máy nước nóng thương mại; Micro không dây; Hệ thống âm thanh đa kênh không dây (WMAS); Quạt lò sưởi dân dụng; Phơi nhiễm acrylamide từ thực phẩm; Máy rửa chén; Hóa chất độc hại trong sản phẩm tiêu dùng; Đồ đựng đồ uống; Hydrofluorocarbon; Bảo vệ môi trường; Thiết bị y tế; Chất tẩy rửa giặt có chứa Nonylphenol Ethoxylates; Động cơ hạng nặng; Bình chứa chất lỏng hữu cơ dễ bay hơi; Các chất làm suy giảm tầng ôzôn như tác nhân xử lý; Bao bì nhựa; Chất lượng; Chất per- và polyfluoroalkyl; Thiết bị kiểm soát ô nhiễm biển; Tiêu chuẩn thiết bị; Chất lượng; Hóa chất; Ghế tắm cho trẻ sơ sinh; Hệ thống giữ trẻ em; Khí thải xe máy; Máy sấy quần áo tiêu dùng; Biện pháp cấm hút thuốc trên máy bay; Hydrofluorocarbon; Xe địa hình; Ghế bập bênh cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ/trẻ mới biết đi; Khí thải xe nâng; Tủ lạnh, tủ đông và các thiết bị làm lạnh; Máy điều hòa không khí; Đồ chơi chứa pin nút áo hoặc pin đồng xu; Quản lý rủi ro đối với một số chất Per- và Polyfluoroalkyl (PFAS)
--	--	---

Urugoay	01	Sản phẩm vệ sinh cá nhân, mỹ phẩm và nước hoa
Việt Nam	09	Thành phẩm thuốc và nguyên liệu thuốc; Tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật; Xì gà, xì gà xén, xì gà nhỏ và thuốc lá làm từ thuốc lá; Ô tô lắp ráp, sản xuất và nhập khẩu mới; Máy ghi tốc độ ô tô và máy ghi hình kỹ thuật số hình ảnh lái xe ô tô; Hệ thống giám sát; Lốp khí nén cho xe cơ giới và rơ moóc; Rơ moóc và sơ mi rơ moóc; Xe máy và xe gắn máy
Y-ê-men	20	Sữa và các sản phẩm từ sữa chế biến; Trà. Cà phê. Ca cao; Máy thu thanh; Ngũ cốc, đậu và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc; Sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản phẩm thực phẩm nói chung; Yêu cầu chung đối với dầu thực vật ăn được; Yêu cầu chung đối với sản phẩm tương tự sữa gầy; Truyền động, hệ thống treo; Trái cây. Rau;

Nguồn: <https://epingalert.org/en/Search>



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



II. Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Dự thảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Yêu cầu an toàn và bảo vệ môi trường đối với xe máy, xe ô tô của Việt Nam



Ngày 02/10/2024, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Yêu cầu an toàn và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Yêu cầu an toàn và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy do Bộ Giao thông vận tải chủ trì xây dựng.

Các dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này quy định về yêu cầu an toàn và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô máy sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu để sử dụng tại Việt Nam theo định nghĩa tại TCVN 6211 "Phương pháp Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Kiểu loại - Thuật ngữ và định nghĩa" và TCVN 7271 "Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Xe ô tô - Phân loại theo mục đích sử dụng" và về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy. Các quy định mới sẽ không áp dụng đối với xe sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh và xe không tham gia giao thông.

Thời gian dự kiến ban hành của các dự thảo là ngày 15/11/2024, có hiệu lực sau 45 ngày. Các nước Thành viên WTO có 40 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến.

Văn phòng TBT VN



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



II. Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam



Ngày 04/10/2024, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về đưa ra dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia chủ trì xây dựng.

Luật số 68/2006/QH11 của Quốc hội về Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định hoạt động xây dựng, ban hành và áp dụng tiêu chuẩn; xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật; đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hoạt động liên quan đến tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam. Dự thảo mới sẽ sửa đổi, bổ sung, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006.

Việt Nam chưa xác định thời gian dự kiến ban hành và có hiệu lực của dự thảo. Các nước Thành viên WTO có 60 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến.

Văn phòng TBT VN



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



II. Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Đề xuất sửa đổi các Nghị quyết về giấy phép đặc biệt đối với thuốc trừ sâu tự nhiên và tổng hợp của Chile



Ngày 10/10/2024, Chile thông báo cho các nước Thành viên WTO về đề xuất sửa đổi các Nghị quyết về giấy phép đặc biệt đối với thuốc trừ sâu tự nhiên và tổng hợp do Cơ quan Dịch vụ Nông nghiệp và Chăn nuôi xây dựng.

Dự thảo Nghị quyết nhằm cập nhật các yêu cầu và quy định của Nghị quyết số 9074/2018 theo Nghị quyết số 1557/2014. Ngoài ra, dự thảo sẽ kết hợp các điều khoản mới được đưa vào thông qua các quy định mới, bao gồm số hóa và chữ ký điện tử.

Chile chưa xác định thời gian dự kiến ban hành và có hiệu lực của dự thảo. Các nước Thành viên WTO có 60 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến.

Văn phòng TBT VN



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



II. Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Dự thảo Quy định an toàn kỹ thuật đối với sản phẩm nha khoa của Trung Quốc



Ngày 04/11/2024, Trung Quốc thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra dự thảo Quy định an toàn kỹ thuật đối với sản phẩm nha khoa do Cơ quan Quản lý thị trường Nhà nước (cơ quan quản lý tiêu chuẩn hóa của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa) xây dựng.

Quy định này nêu rõ các thuật ngữ và định nghĩa, yêu cầu, phương pháp thử nghiệm, quy tắc kiểm tra, quy tắc quyết định, đánh dấu, vận chuyển và lưu trữ các sản phẩm chăm sóc và làm sạch răng miệng.

Quy định này áp dụng cho các sản phẩm chăm sóc và làm sạch răng miệng bao gồm kem đánh răng, bột đánh răng, nước súc miệng, miếng dán răng, gel làm trắng răng, chất tẩy rửa răng giả và các sản phẩm hàng ngày khác dùng cho răng người, niêm mạc miệng hoặc răng giả.

Trung Quốc chưa xác định thời gian ban hành của dự thảo, thời gian dự kiến có hiệu lực sau 12 tháng kể từ khi ban hành. Các nước Thành viên WTO có 60 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến.

Văn phòng TBT VN



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



II. Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Dự thảo Thông tư hướng dẫn đăng ký thuốc thành phẩm và nguyên liệu làm thuốc của Việt Nam



Ngày 21/11/2024, Việt Nam thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra dự thảo Thông tư hướng dẫn đăng ký thuốc thành phẩm và nguyên liệu làm thuốc do Bộ Y tế xây dựng.

Dự thảo Thông tư này quy định yêu cầu về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thay đổi, thu hồi giấy đăng ký lưu hành thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm, thuốc dược liệu, nguyên liệu làm thuốc (bao gồm cả hoạt chất, bán thành phẩm dược liệu, tá dược, vỏ nang) dùng cho người tại Việt Nam và các yêu cầu liên quan khác. Dự thảo Thông tư này không áp dụng đối với các trường hợp quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 54 của Luật dược; các loại tá dược, vỏ nang, bán thành phẩm thuốc để sản xuất thuốc theo hồ sơ đăng ký thuốc đã có Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam; vỏ nang, tá dược dùng để kiểm nghiệm, nghiên cứu, sản xuất thuốc xuất khẩu và bán thành phẩm thuốc do chính cơ sở sản xuất sản xuất để sản xuất thuốc thành phẩm, trừ trường hợp cơ sở đăng ký tự nguyện yêu cầu.

Việt Nam dự kiến ban hành dự thảo trong tháng 12/2024, thời gian dự kiến có hiệu lực từ ngày 15/02/2025. Các nước Thành viên WTO có 60 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến.

Văn phòng TBT VN



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



II. Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Dự thảo Quy định về Giới hạn tạp chất trong mỹ phẩm của Indonesia



Ngày 10/12/2024, Indonesia thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra dự thảo Quy định số 16 năm 2024 về Giới hạn tạp chất trong mỹ phẩm do của Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) xây dựng.

Quy định này là phiên bản sửa đổi của Quy định số 12 năm 2019 của FDA Indonesia về tạp chất trong mỹ phẩm. Khi quy định mới này được ban hành, quy định trước đó (Quy định số 12 năm 2019 của FDA Indonesia về tạp chất trong mỹ phẩm) sẽ bị thu hồi. Dự thảo đặt ra các điều khoản chung, yêu cầu, giới hạn tạp chất, thử nghiệm, chế tài và phụ lục có chứa các giới hạn tạp chất.

Indonesia ban hành dự thảo ngày 03/09/2024 và sẽ có hiệu lực từ ngày 03/09/2025. Các nước Thành viên WTO có 60 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến

Văn phòng TBT VN



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



II. Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Dự thảo Quy định ghi chú ngày tháng trên nhãn mác thực phẩm của Hoa Kỳ



Ngày 16/12/2024, Hoa Kỳ thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra dự thảo Quy định ghi chú ngày tháng trên nhãn mác thực phẩm do Cơ quan Kiểm định và An toàn thực phẩm (FSIS) xây dựng. FSIS đang trưng cầu ý kiến đóng góp của công chúng về việc ghi nhãn ngày tháng của thực phẩm, cụ thể là thông tin về các hoạt động và xu thế của ngành đối với việc ghi nhãn ngày tháng, kết quả nghiên cứu

về nhận thức của người tiêu dùng về việc ghi nhãn ngày tháng và bất kỳ tác động nào mà việc ghi nhãn ngày có thể gây ra đối với chất thải từ thực phẩm.

Hoa Kỳ chưa xác định thời gian ban hành và dự kiến có hiệu lực của dự thảo. Các nước

Thành viên WTO có thời hạn đến ngày 03/02/2025 để tham gia đóng góp ý kiến.

Văn phòng TBT VN



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



II. Chuyên mục: Thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại

Lệnh Quản lý chất lượng Thức ăn chăn nuôi và Thành phần thức ăn chăn nuôi của Ấn Độ



Ngày 18/12/2024, Ấn Độ thông báo cho các nước Thành viên WTO về việc đưa ra dự thảo Lệnh Quản lý chất lượng Thức ăn chăn nuôi và Thành phần thức ăn chăn nuôi năm 2024 do Bộ Thủy sản, Chăn nuôi và Chế phẩm sữa xây dựng.

Sắc lệnh này nhằm đảm bảo sự phù hợp của các thành phần thức ăn (hỗn hợp khoáng chất bổ sung vào thức ăn cho gia súc, bánh dầu hạt bông, bánh dầu hạt cải và mù tạt, canxi phosphat, thức ăn chăn nuôi và muối ăn thông thường và thức ăn cho gia súc) với Tiêu chuẩn Ấn Độ hiện hành được chỉ định trong Bảng phụ lục.

Ấn Độ chưa xác định thời gian ban hành của dự thảo, thời gian dự kiến có hiệu lực sau 180 ngày kể từ khi đăng tải trên Công báo Quốc gia. Các nước Thành viên WTO có 60 ngày kể từ ngày thông báo để tham gia đóng góp ý kiến.

Văn phòng TBT VN



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BẢN TIN TBT
QUÍ IV NĂM 2024



III. Chuyên mục: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Danh mục các tiêu chuẩn,
quy chuẩn kỹ thuật mới ban hành



I. Tiêu chuẩn quốc gia công bố tháng 10 năm 2024

1) Ngày 07/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2544/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14167:2024, Bảo tồn di sản văn hóa – Hướng dẫn và quy trình lựa chọn ánh sáng thích hợp cho trưng bày trong nhà.

2) Ngày 08/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2553/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 7980-1:2024, Thông tin và tư liệu – Bộ yếu tố siêu dữ liệu Dublin Core – Phần 1: Yếu tố cốt lõi,

TCVN 7980-2:2024, Thông tin và tư liệu – Bộ yếu tố siêu dữ liệu Dublin Core – Phần 2: Thuộc tính và phân lớp DCMI.

3) Ngày 11/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2600/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 04 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14172:2024, Phân bón – Phương pháp định lượng *Streptomyces lydicus* – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc,

TCVN 14173:2024, Thuốc bảo vệ thực vật – Phương pháp định lượng *Streptomyces lydicus* – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc,

TCVN 14174:2024, Phân bón – Phương pháp định lượng *Bacillus amyloliquefaciens* – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc,

TCVN 14175:2024, Thuốc bảo vệ thực vật – Phương pháp định lượng *Bacillus amyloliquefaciens* – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc.

4) Ngày 16/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2621/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 05 Tiêu

chuẩn quốc gia:

TCVN 14143-1:2024, Giống cá nước mặn - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1: Cá dìa (*Siganus guttatus* Bloch, 1787),

TCVN 14143-2:2024, Giống cá nước mặn - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 2: Cá bống bóp (*Bostrichthys sinensis* Lacépède, 1801),

TCVN 14144-1:2024, Giống động vật lưỡng cư - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1:Ếch,

TCVN 14145:2024, Giống sá sùng (*Sipunculus nudus* Linnaeus, 1767) - Yêu cầu kỹ thuật,

TCVN 14146-1:2024, Giống động vật da gai - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1: Hải sâm cát (*Holothuria scabra* Jaeger, 1833).

5) Ngày 16/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2622/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 18 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 13943-1:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 1: Xác định khối lượng thể tích và độ hút nước,

TCVN 13943-2:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 2: Xác định độ bền uốn (uốn gãy),

TCVN 13943-4:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 4: Xác định độ mài mòn,

TCVN 13943-5:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 5: Xác định độ bền đóng băng và tan băng,

TCVN 13943-6:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 6: Xác định độ bền sốc nhiệt,

TCVN 13943-8:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 8: Xác định độ bền lỗ chốt,

TCVN 13943-9:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 9: Xác định độ bền va đập,

TCVN 13943-10:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 10: Xác định độ bền hóa học,

TCVN 13943-11:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 11: Xác định hệ số giãn nở nhiệt dài,

TCVN 13943-12:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 12: Xác định độ ổn định kích thước,

TCVN 13943-13:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 13: Xác định độ cách điện,

TCVN 13943-15:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 15: Xác định cường độ chịu nén,

TCVN 13943-16:2024, Đá nhân tạo – Phương pháp thử – Phần 16: Xác định kích thước, đặc điểm hình học và chất lượng bề mặt,

TCVN 13945:2024, Tấm đá tự nhiên lát ngoài trời,

TCVN 13946:2024, Vật liệu san lấp tái chế từ phế thải phá dỡ công trình,

TCVN 13947:2024, Xi măng xi lò cao hoạt hóa sulfate – Thành phần, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chí phù hợp,

TCVN 13948:2024, Vật liệu chịu lửa định hình sét đặc – Xác định độ chịu axit sulfuric,

TCVN 13949:2024, Gạch chịu axit.

6) Ngày 16/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2626/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 13958:2024, Bùn thải thoát nước – Các yêu cầu quản lý kỹ thuật.

7) Ngày 18/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2644/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14159-1:2024, Quản lý tài liệu - Định dạng tệp tài liệu điện tử cho bảo quản lâu dài - Phần 1: Sử dụng PDF 1.4 (PDF/A-1),

TCVN 14159-2:2024, Quản lý tài liệu - Định dạng tệp tài liệu điện tử cho bảo quản lâu dài - Phần 2: Sử dụng ISO 32000-1 (PDF/A-2).

8) Ngày 16/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2651/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14230:2024, Dịch vụ du lịch thân thiện với người Hồi giáo – Các yêu cầu.

9) Ngày 20/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2654/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 4315:2024, Xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng.

10) Ngày 18/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2655/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 8826:2024, Phụ gia hóa học cho bê tông.

11) Ngày 21/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2661/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 04 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14168:2024, Đô thị thông minh – Hướng dẫn thiết lập mô hình liên thông dữ liệu,

TCVN 14169:2024, Đô thị thông minh – Hướng dẫn thiết lập khung ra quyết định đối với chia sẻ dữ liệu và dịch vụ thông tin,

TCVN 14170:2024, Đô thị thông minh – Khung dữ liệu mở,

TCVN 14171:2024, Đặc tả dữ liệu mở cho cổng dữ liệu (DCAT-VN).

12) Ngày 21/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2672/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 10382:2024, Di sản văn hóa và các vấn đề liên quan – Thuật ngữ và định nghĩa chung, BKHCN.

13) Ngày 24/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2702/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14163:2024, Thiết bị khai thác thủy sản – Phân loại,

TCVN 14164:2024, Thiết bị khai thác thủy sản – Lưới vây cá cơm – Thông số kích thước cơ bản.

14) Ngày 24/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2704/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 9188:2024, Amiăng trắng.

15) Ngày 29/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2765/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14183:2024, Đất dùng trong xây dựng đường bộ – Phân loại đất.

16) Ngày 29/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2767/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 08 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14194-1:2024, Đất, đá quặng đồng – Phần 1: Xác định hàm lượng tổng sắt – Phương pháp chuẩn độ bicromat,

TCVN 14194-2:2024, Đất, đá quặng đồng – Phần 2: Xác định hàm lượng lưu huỳnh tổng số – Phương pháp khối lượng,

TCVN 14194-3:2024, Đất, đá quặng đồng – Phần 3: Xác định hàm lượng titan – Phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử,

TCVN 14194-4:2024, Đất, đá quặng đồng – Phần 4: Xác định tổng hàm lượng silic đioxit – Phương pháp khối lượng,

TCVN 14194-5:2024, Đất, đá quặng đồng – Phần 5: Xác định hàm lượng canxi và magie – Phương pháp chuẩn độ complexon,

TCVN 14195-1:2024, Đất, đá quặng antimon – Phần 1: Xác định hàm lượng antimon và hàm lượng arsen – Phương pháp oxi hóa khử với chất chuẩn là kali bromat,

TCVN 14195-2:2024, Đất, đá quặng antimon – Phần 2: Xác định hàm lượng lưu huỳnh – Phương pháp khối lượng,

TCVN 14195-3:2024, Đất, đá quặng antimon – Phần 3: Xác định hàm lượng chì – Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử.

17) Ngày 29/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2771/QĐ-

BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 07 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 10685-7:2024, Vật liệu chịu lửa không định hình – Phần 7: Thử nghiệm trên các sản phẩm định hình trước,

TCVN 10685-8:2024, Vật liệu chịu lửa không định hình – Phần 8: Xác định các tính chất bổ sung,

TCVN 13522-1:2024, Thử nghiệm phản ứng với lửa đối với vật liệu phủ sàn – Phần 1: Xác định ứng xử khi cháy sử dụng nguồn nhiệt bức xạ,

TCVN 13523-2:2024, Thử nghiệm phản ứng với lửa – Tính lan truyền lửa – Phần 2: Tính lan truyền lửa theo phương ngang trên sản phẩm xây dựng và giao thông đặt thẳng đứng,

TCVN 13524-1:2024, Thử nghiệm phản ứng với lửa – Tốc độ giải phóng nhiệt lượng, sinh khói và mất khối lượng – Phần 1: Tốc độ giải phóng nhiệt lượng (phương pháp cân nhiệt lượng) và tốc độ sinh khói (đo theo phương pháp động),

TCVN 13525:2024, Thử nghiệm phản ứng với lửa đối với sản phẩm – Xác định tổng nhiệt lượng khi cháy (nhiệt trị),

TCVN 13526:2024, Đánh giá tính độc hại gây chết người của các sản phẩm khí sinh ra khi cháy.

18) Ngày 29/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2773/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 02 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 8731:2024, Công trình thủy lợi – Xác định hệ số thấm của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào, đổ nước và mức nước trong hố khoan,

TCVN 14149:2024, Công trình thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu khoan phụt vữa vào nền đất để chống thấm.

19) Ngày 30/10/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2787/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14186:2024, Du lịch và các dịch vụ liên quan – Spa chăm sóc sức khỏe – Yêu cầu đối với dịch vụ.

II. Tiêu chuẩn quốc gia công bố tháng 11 năm 2024

1) Ngày 13/11/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2968/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14165:2024, Thiết bị khai thác thủy sản – Lưới mảnh – Thông số kích thước cơ bản.

2) Ngày 13/11/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2969/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 03 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14203:2024, Mẫu tiêu bản côn trùng – Các yêu cầu,

TCVN 14204-1:2024, Phương pháp điều tra trữ lượng rừng trên cạn – Phần 1: Rừng trồng,

TCVN 14204-2:2024, Phương pháp điều tra trữ lượng rừng trên cạn – Phần 1: Rừng tự nhiên.

3) Ngày 14/11/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 2988/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14196:2024, Dịch vụ du lịch – Đại lý lữ hành và doanh nghiệp lữ hành – Thuật ngữ và định nghĩa.

4) Ngày 22/11/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3043/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 07 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 12197:2024, An toàn thông tin – Mã hóa có xác thực,

TCVN 14190-1:2024, An toàn thông tin – Tiêu chí và phương pháp luận đánh giá an toàn hệ thống sinh trắc học – Phần 1: Khung,

TCVN 14190-2:2024, An toàn thông tin – Tiêu chí và phương pháp đánh giá an toàn hệ thống sinh trắc học – Phần 2: Hiệu suất nhận dạng sinh trắc học,

TCVN 14190-3:2024, An toàn thông tin – Tiêu chí và phương pháp đánh giá an toàn hệ thống sinh trắc học – Phần 3: Phát hiện tấn công trình diện,

TCVN 14191-1:2024, An toàn thông tin – Biên tập lại dữ liệu xác thực – Phần 1: Yêu cầu chung,

TCVN 14192-1:2024, Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin – Yêu cầu về công cụ kiểm thử và phương pháp hiệu chuẩn công cụ kiểm thử để sử dụng trong kiểm thử các kỹ thuật giảm thiểu tấn công không xâm lấn trong mô-đun mật mã – Phần 1: Công cụ và kỹ thuật kiểm thử,

TCVN 14192-2:2024, Kỹ thuật an toàn công nghệ thông tin – Yêu cầu về công cụ kiểm thử và phương pháp hiệu chuẩn công cụ kiểm thử để sử dụng trong kiểm thử các kỹ thuật giảm thiểu tấn công không xâm lấn trong mô-đun mật mã – Phần 2: Phương pháp và phương tiện hiệu chuẩn kiểm thử.

5) Ngày 22/11/2024, Bộ KH&CN ban hành Quyết định số 3044/QĐ-BKHCN về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia, theo đó công bố 01 Tiêu chuẩn quốc gia:

TCVN 14209:2024, Trại nuôi lợn nhiều tầng – Yêu cầu chung.

Nguồn: <https://tieuchuan.vsqi.gov.vn>

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG



Số 01 Bà Triệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định



(0256)3822747



www.tdcbinhdinh.org.vn